TẬP ĐOÀN HOA SEN

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2,
P. Dĩ An, Tx.Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam
ĐT : (0650) 3790 955
Fax : (0650) 3790 888
www.hoasengroup.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

183 Nguyễn Văn Trỗi, P. 10,
Q. Phú Nhuận, Tp.HCM, Việt Nam
ĐT : (08) 3999 0111
Fax : (08) 3999 0222

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN – **TẬP ĐOÀN HOA SEN** – NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 – 2014

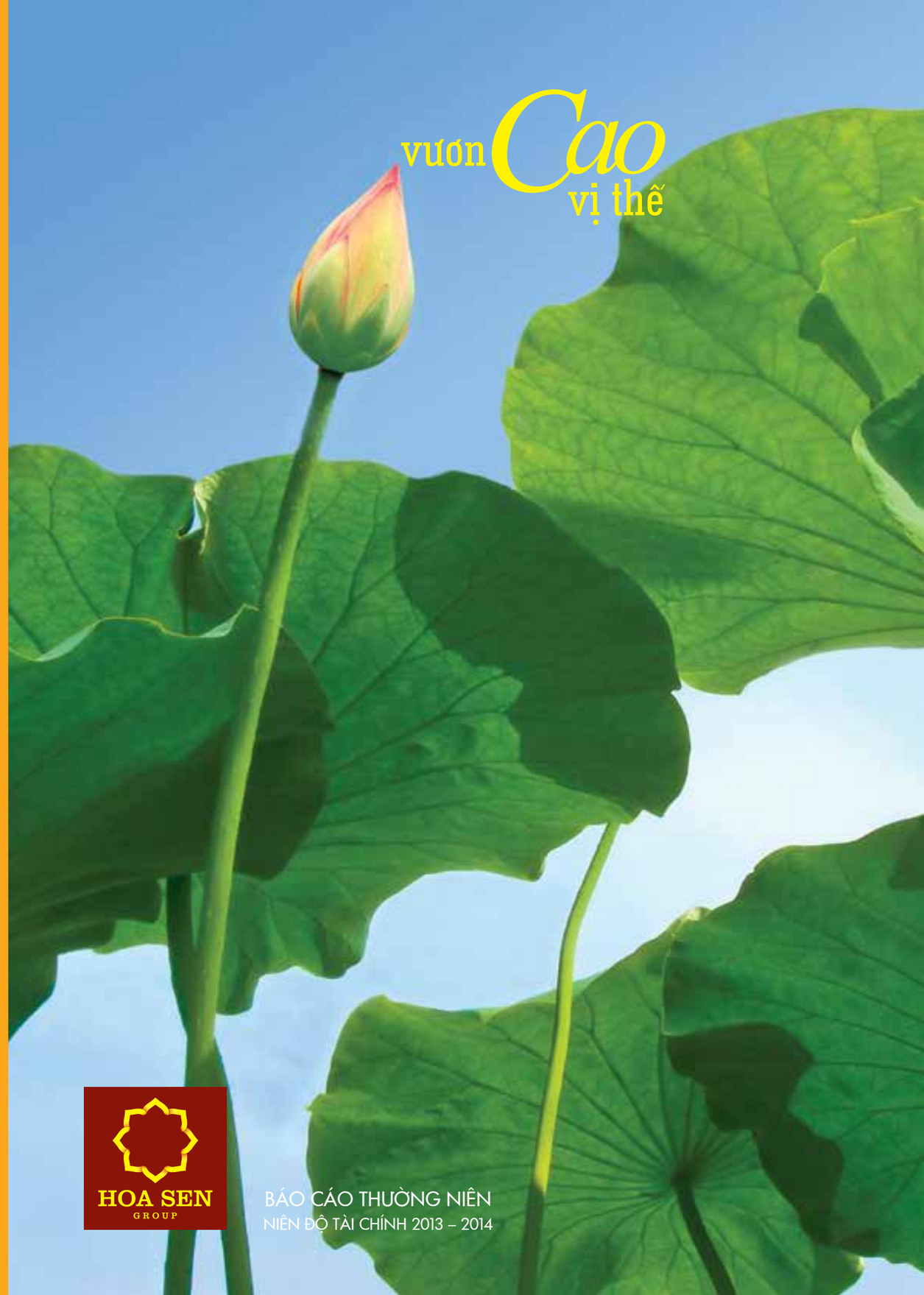

HOA SEN
GROUP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 – 2014

Nội dung

04 Văn hóa 10 chữ T
05 Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi – Triết lý kinh doanh
06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

08 GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN HOA SEN
10 Con số và sự kiện nổi bật niên độ tài chính 2013 – 2014
12 Lịch sử hình thành và phát triển
15 Mô hình Tập đoàn Hoa Sen
16 Sơ đồ tổ chức Tập đoàn Hoa Sen
18 Năng lực sản xuất
20 Danh mục sản phẩm
22 5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi

34 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
36 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
38 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
44 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
46 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
56 Giới thiệu Ban Kiểm soát
57 Báo cáo của Ban Kiểm soát

58 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
60 Quản trị doanh nghiệp
70 Quản trị rủi ro
73 Chính sách nguồn nhân lực
78 Thông tin cổ phần
82 Giới thiệu chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ
84 Giới thiệu các công ty con
90 Hệ thống chi nhánh

94 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

104 Phụ lục ảnh: Nick Vujicic trở lại Việt Nam năm 2014

110 BÁO CÁO TÀI CHÍNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014

Văn hóa 10 chữ T

Trung Thực
Trung Thành
Tận Tụy
Trí Tuệ
Thân Thiện

Tầm nhìn

Trở thành tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực sản xuất và phân phối các sản phẩm vật liệu xây dựng thông qua chiến lược phát triển bền vững dựa trên chuỗi 05 lợi thế cạnh tranh cốt lõi: Quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, hệ thống phân phối – bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, thương hiệu hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hoá doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm mang thương hiệu Hoa Sen với chất lượng quốc tế, giá cả hợp lý và mẫu mã đa dạng nhằm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thay đổi diện mạo kiến trúc đất nước và phát triển cộng đồng.

Giá trị cốt lõi

Trung thực – Cộng đồng – Phát triển

Triết lý kinh doanh

- Chất lượng sản phẩm là trọng tâm
- Lợi ích khách hàng là then chốt
- Thu nhập nhân viên là trách nhiệm
- Chia sẻ cộng đồng là nghĩa vụ

> Với hệ thống chi nhánh phân phối rộng khắp, năng lực sản xuất được nâng cao, thương hiệu uy tín vững mạnh và đội ngũ quản trị ngày càng hoàn thiện, chúng ta đã có trong tay những tiền đề vững chắc để sẵn sàng vươn cao vị thế trong chu kỳ phát triển mới.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Năm 2014 chuẩn bị khép lại cùng với bức tranh kinh tế vẫn đang trong giai đoạn vực dậy sau suy thoái. Nhu cầu trong nước mặc dù đã cải thiện song chưa đạt được như kỳ vọng, tồn kho vẫn còn ở mức cao. Riêng ngành thép đã phải đối mặt những diễn biến bất lợi từ việc giảm giá thép nguyên liệu và giá bán thép thành phẩm trong năm vừa qua khiến cho lợi nhuận của các doanh nghiệp thép trong nước bị ảnh hưởng. Trong khi đó, áp lực cạnh tranh từ các mặt hàng thép nhập khẩu vẫn không ngừng gia tăng càng gây thêm nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp.

Trước tình hình đó, NĐTC 2013 – 2014 Hội đồng Quản trị đặt mục tiêu cố gắng đến mức cao nhất để hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đồng thời tập trung tăng cường các lợi thế cạnh tranh sẵn có, tạo nền tảng để bứt phá trong các giai đoạn phát triển tiếp theo.

Kết thúc NĐTC 2013 – 2014, các chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Tập đoàn Hoa Sen đều tăng trưởng ở mức cao so với NĐTC 2012 – 2013. Sản lượng tiêu thụ thành phẩm đạt 810.226 tấn, tăng 35% so với NĐTC trước. Doanh thu thuần đạt 14.990 tỷ đồng, tăng 27% so với NĐTC 2012 – 2013, trong đó doanh thu xuất khẩu đạt 282 triệu USD. Qua đó, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục củng cố vững chắc vị trí số một về thị phần tôn trong nước và là một trong hai doanh nghiệp dẫn đầu về thị phần tiêu thụ ống thép hiện nay. Riêng lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn đạt 410 tỷ đồng, hoàn thành 68% so với kế hoạch và tương đương 71% lợi nhuận của NĐTC trước do những diễn biến bất lợi của giá thép nguyên liệu và giá thép thành phẩm trong năm vừa qua.

Một dấu ấn quan trọng trong NĐTC 2013 – 2014 là việc hoàn thành Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đến nay các dây chuyền chính thuộc Dự án đều đã đi vào sản xuất ổn định, nâng tổng công suất thiết kế các dây chuyền của Tập đoàn Hoa Sen lên xấp xỉ 1 triệu tấn cán nguội và 1,2 triệu tấn tôn mỗi năm. Đây là tiền đề quan trọng để Tập đoàn Hoa Sen hướng đến mốc sản lượng 1 triệu tấn và doanh thu 1 tỷ USD trong thời gian tới.

Một dấu ấn quan trọng trong NĐTC 2013 – 2014 là việc hoàn thành Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đến nay các dây chuyền chính thuộc Dự án đều đã đi vào sản xuất ổn định, nâng tổng công suất thiết kế các dây chuyền của Tập đoàn Hoa Sen lên xấp xỉ 1 triệu tấn cán nguội và 1,2 triệu tấn tôn mỗi năm.

Bên cạnh đó, hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ của Tập đoàn tiếp tục được mở rộng với tổng số chi nhánh phân phối tính đến ngày 31/12/2014 đã lên đến 150 chi nhánh. Với quy mô không ngừng được mở rộng, hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ chính là chìa khóa để Tập đoàn Hoa Sen hướng đến trở thành nhà phân phối sản phẩm vật liệu xây dựng hàng đầu Việt Nam trong tương lai.

Bước sang năm 2015, tình hình thị trường được dự báo sẽ còn không ít khó khăn. Để giữ vững đà tăng trưởng như các năm vừa qua, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh của niên độ 2014 – 2015 và sớm hoàn thành mục tiêu chiến lược đạt sản lượng tiêu thụ 1 triệu tấn và doanh thu 1 tỷ USD, các nhiệm vụ trọng tâm của Tập đoàn Hoa Sen trong niên độ tới sẽ bao gồm: Thứ nhất là, mở rộng hơn nữa quy mô hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ, đưa sản phẩm đến gần hơn với người tiêu dùng; Thứ hai là, tiếp tục chiến lược xây dựng thương hiệu bằng các chương trình truyền thông sáng tạo và các hoạt động giàu tính cộng đồng, tính nhân văn, khẳng định một thương hiệu Hoa Sen mạnh và thân thiện; Thứ ba là, tập trung hoàn thành đúng tiến độ hai Dự án trọng điểm đang triển khai là Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An và Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định, nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn, chuẩn bị đón đầu chu kỳ hội nhập và phát triển sắp tới.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Tập đoàn Hoa Sen, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của toàn thể Quý vị cổ đông trong suốt thời gian qua và hi vọng rằng, Quý vị sẽ tiếp tục đồng hành cùng chúng tôi trên những chặng đường phát triển mới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn./.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

LÊ PHƯỚC VŨ

vươn Cao khát vọng

GIỚI THIỆU TẬP ĐOÀN HOA SEN

Con số và sự kiện nổi bật niên độ tài chính 2013 – 2014	10
Lịch sử hình thành và phát triển	12
Mô hình Tập đoàn Hoa Sen	15
Sơ đồ tổ chức Tập đoàn Hoa Sen	16
Năng lực sản xuất	18
Danh mục sản phẩm	20
5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi	22

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT

NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 – 2014

Trong năm 2014, Tập đoàn Hoa Sen vẫn duy trì vị thế dẫn đầu thị phần tôn trong nước với việc chiếm lĩnh 36,9% thị phần.

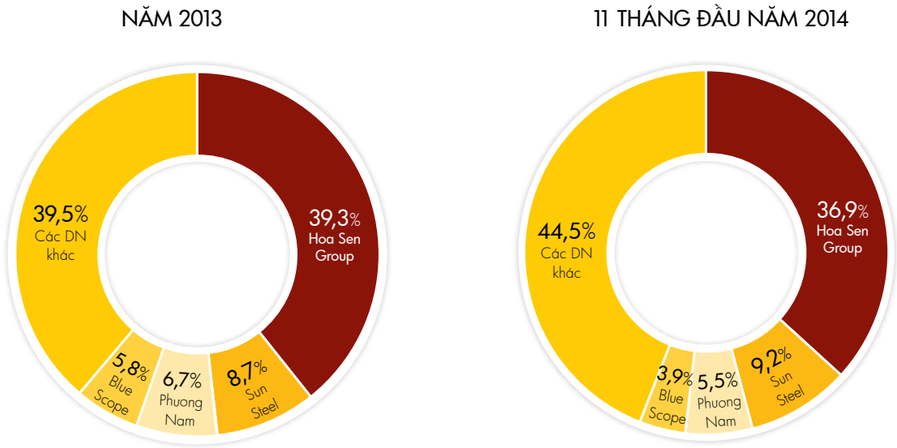

BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN TÔN NĂM 2013 VÀ 11 THÁNG NĂM 2014
Nguồn: Bản tin nội bộ Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2013 và tháng 12/2014

Ghi chú: *Số liệu thống kê trên chỉ bao gồm sản lượng bán của những thành viên Hiệp hội Thép Việt Nam và đã loại trừ sản lượng bán của Công ty Perstima Việt Nam vì tôn mạ thiếc không phục vụ công nghiệp xây dựng.*

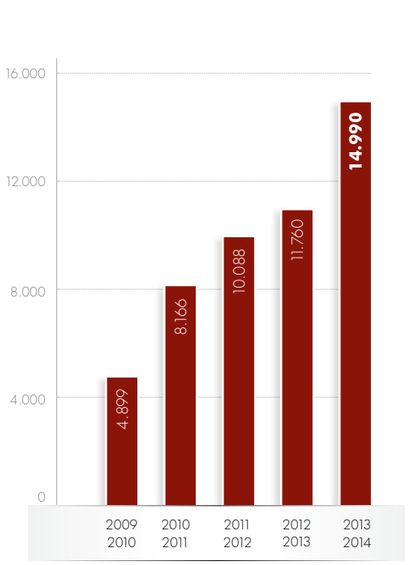

DOANH THU THUẦN
(TỶ ĐỒNG)

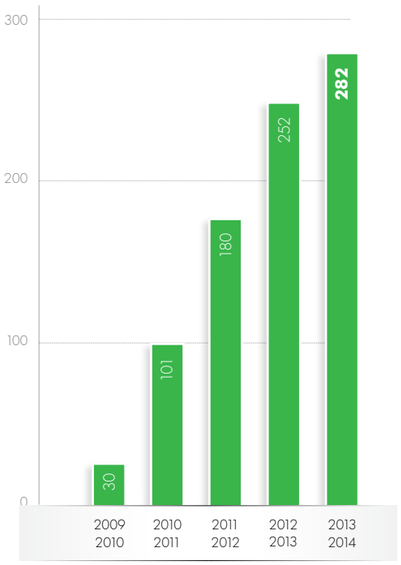

DOANH THU XUẤT KHẨU
(TRIỆU USD)

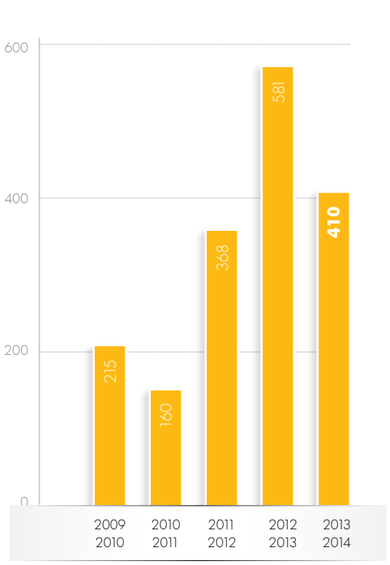

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT
(TỶ ĐỒNG)

1

Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tôn số 1 Việt Nam với 36,9% thị phần.

3

Cũng trong năm qua, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên trong lĩnh vực Kim loại và Khai khoáng nhận danh hiệu "Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014" do Tạp chính tài chính uy tín thế giới EUROMONEY, Vương Quốc Anh trao tặng.

50

Tháng 12/2014, 03 thương hiệu sản phẩm **Tôn Hoa Sen**, **Ống Nhựa Hoa Sen**, **Ống Kẽm Hoa Sen** của Tập đoàn Hoa Sen được Bộ Công Thương công nhận là **Thương hiệu Quốc gia năm 2014**.

150

Tập đoàn Hoa Sen vinh dự nằm trong Top "**50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam**" năm 2014 do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.

14.990

Tính đến ngày 31/12/2014, tổng số chi nhánh phân phối bán lẻ của Tập đoàn Hoa Sen đã lên đến 150 chi nhánh, cùng với 05 tổng kho trên cả nước.

NĐTC 2013 – 2014, doanh thu thuần của Tập đoàn đạt 14.990 tỷ đồng. Trong điều kiện tình hình thị trường còn nhiều khó khăn, Tập đoàn Hoa Sen vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức cao.

2001 – 30/09/2008

Ngày 08/08/2001, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu 30 tỷ đồng cùng 22 nhân viên và 3 chi nhánh phân phối – bán lẻ trực thuộc.

Đưa vào hoạt động Nhà máy Thép cán nguội công suất thiết kế 180.000 tấn/năm, dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất thiết kế 150.000 tấn/năm và 02 dây chuyền phủ màu công suất thiết kế 45.000 tấn/năm/dây chuyền.

Thành lập thêm nhiều chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ tính đến hết năm 2008 lên 75 chi nhánh.

BẮT ĐẦU TỪ 01/10/2008 TẬP ĐOÀN HOA SEN THAY ĐỔI NĂM TÀI KHÓA, THEO ĐÓ NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 01/10 VÀ KẾT THÚC VÀO NGÀY 30/09 CỦA NĂM SAU.

2008 – 2009

Thành lập thêm 3 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 82 chi nhánh.

Ngày 05/12/2008, niêm yết 57.038.500 cổ phiếu của Tập đoàn Hoa Sen tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán HSG.

Khởi công Giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen – Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2009 – 2010

Thành lập thêm 11 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 93 chi nhánh.

Phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư lớn và cán bộ công nhân viên, tăng vốn điều lệ từ 570 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.

Đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) công suất thiết kế 450.000 tấn/năm và dây chuyền phủ màu công suất thiết kế 180.000 tấn/năm thuộc Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Phát hành cổ phiếu thưởng và cổ phiếu trả cổ tức NĐTC 2008 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 839.960 tỷ đồng.

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức NĐTC 2008 – 2009 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 839.960 tỷ đồng lên 1.007.907 tỷ đồng.

2010 – 2011

Thành lập thêm 13 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 106 chi nhánh.

Hoàn thành Giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Doanh thu xuất khẩu đạt 101 triệu USD.

2011 – 2012

Doanh thu xuất khẩu đạt 180 triệu USD, trở thành một trong những doanh nghiệp xuất khẩu tôn hàng đầu Đông Nam Á.

Công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới.

Thành lập thêm 02 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 108 chi nhánh.

2012 – 2013

Đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất thiết kế 120.000 tấn/năm thuộc Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Thành lập thêm 07 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 115 chi nhánh.

Tập đoàn Hoa Sen đạt Top 100 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và top 30 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2012.

Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đạt Top 10 Sao Vàng đất Việt 2013 và Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội.

Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

2013 – 2014

Thành lập thêm 35 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ tính đến ngày 31/12/2014 lên 150 chi nhánh.

Đưa vào hoạt động các dây chuyền thuộc Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ gồm: 02 dây chuyền cán nguội công suất thiết kế 200.000 tấn/năm/dây chuyền, 01 dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) công suất thiết kế 400.000 tấn/năm, 01 dây chuyền phủ màu công suất thiết kế 150.000 tấn/năm, nâng tổng công suất thiết kế các dây chuyền hiện nay của Tập đoàn lên gần 1 triệu tấn cán nguội và 1,2 triệu tấn tôn mỗi năm.

Đầu tư Dự án Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định và Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn.

Ngày 08/01/2014, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên trong lĩnh vực Kim loại và Khai khoáng nhận danh hiệu "***Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014***" do Tạp chí tài chính uy tín thế giới EUROMONEY, Vương Quốc Anh trao tặng.

Tập đoàn Hoa Sen được tạp chí Forbes bình chọn vào Top "50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam" năm 2014.

Tháng 11/2014, 03 thương hiệu sản phẩm **Tôn Hoa Sen, Ống Nhựa Hoa Sen, Ống Kẽm Hoa Sen** của Tập đoàn Hoa Sen được Bộ Công Thương công nhận là **Thương hiệu Quốc gia năm 2014**.

Sự kiện trong niên độ tài chính 2013 – 2014

01 Đến ngày 31/12/2014, thành lập thêm 35 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 150 chi nhánh.

02 Hoàn thành và đưa vào hoạt động các dây chuyền thuộc Giai đoạn 2 Dự Án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

03 Triển khai đầu tư Dự án Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định và Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn.

04 Ngày 08/01/2014, Tập đoàn Hoa Sen vinh dự nhận giải thưởng "Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014" trong lĩnh vực Kim loại và Khai khoáng do tạp chí tài chính EUROMONEY trao tặng.

05 Tháng 12/2014, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đạt "**Thương hiệu Quốc gia năm 2014**" cho cả 03 thương hiệu sản phẩm **Tôn Hoa Sen, Ống Nhựa Hoa Sen, Ống Kẽm Hoa Sen** do Bộ Công Thương công nhận.

06 Khai trương Văn phòng Đại diện Tập đoàn Hoa Sen tại tòa nhà số 183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

MÔ HÌNH TẬP ĐOÀN HOA SEN

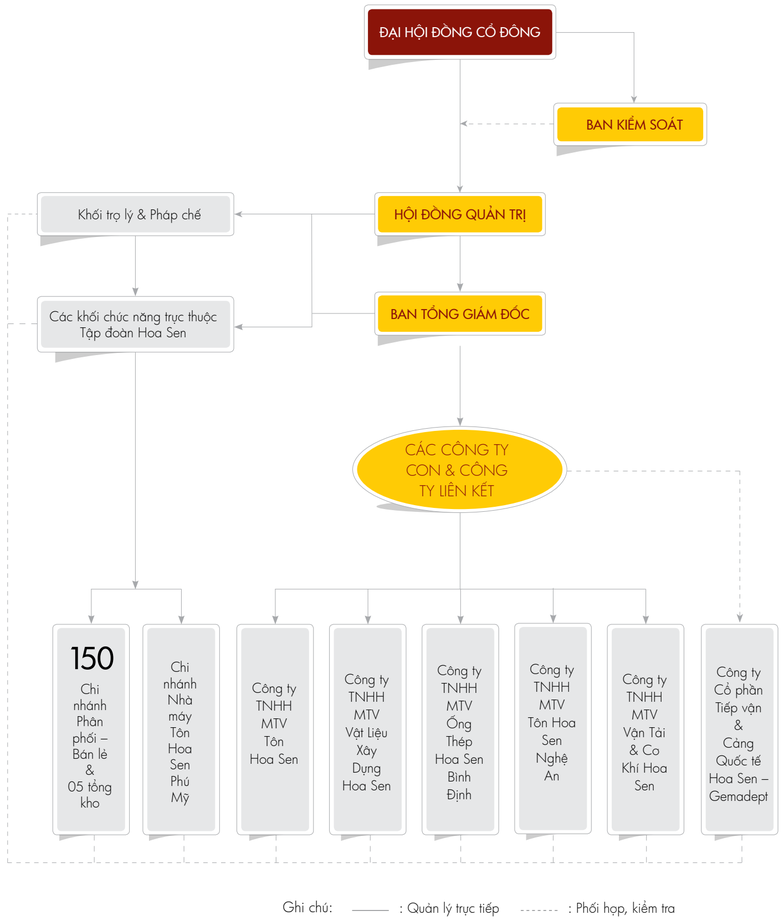

Ghi chú: ——— : Quản lý trực tiếp ------- : Phối hợp, kiểm tra

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TẬP ĐOÀN HOA SEN

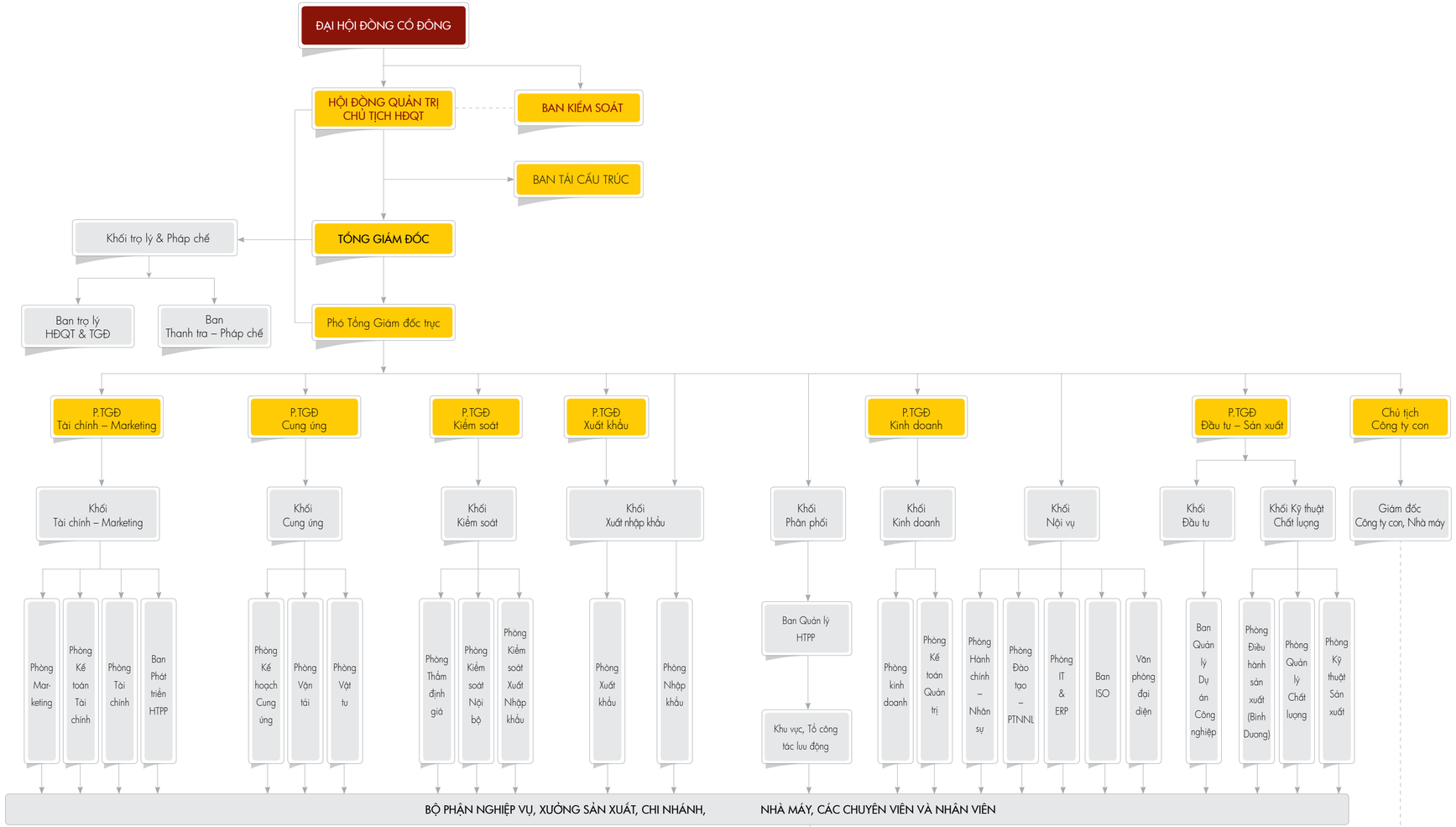

Đơn vị sử dụng	Tên dây chuyền sản xuất	Số lượng	Tổng công suất thiết kế (tấn/năm)
1. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN Số 09, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	Dây chuyền sản xuất tôn (công nghệ NOF)	5	1.220.000
2. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN – NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Dây chuyền phủ màu	4	420.000
	Lò ủ	2	142.000
3. CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN Số 09, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.	Dây chuyền cán nguội	5	980.000
	Dây chuyền tẩy rỉ	2	950.000
4. CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN – NHÀ MÁY THÉP CÁN NGUỘI PHÚ MỸ Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Thị Trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Lò ủ	1	42.000
	Dây chuyền tái sinh axít	1	5.000 lít/giờ
5. CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN Đường số 2B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Dây chuyền ống thép	25	377.400
6. CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN TẠI HẢI DƯƠNG Thôn Phương Độ, Xã Hưng Thịnh, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương.	Dây chuyền ống nhựa	12	38.900
7. CÔNG TY TNHH MTV ỐNG THÉP HOA SEN BÌNH ĐỊNH Khu A1.1 và TT 6.2 & 7, KCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.	Dây chuyền ống thép	9	75.000

1

2

3

4

5

6

7

CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN TẠO RA SẢN PHẨM ĐA DẠNG VỚI CHẤT LƯỢNG ĐẠT TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

THÉP CÁN NGUỘI

Với công nghệ cán 6 trục đảo chiều tiên tiến, sản phẩm thép cán nguội tại Tập đoàn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về chất lượng, theo tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G 3141.

TÔN HỢP KIM NHÔM KẼM PHỦ MÀU (Tôn lạnh màu)

Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền hợp kim nhôm kẽm, tạo cho sản phẩm độ bền vượt trội, độ thẩm mỹ cao, đảm bảo chất lượng cao theo các tiêu chuẩn: JIS G 3322 của Nhật, ASTM A755 của Mỹ, AS 2728 của Úc, MS 2383 của Malaysia, EN 10169 của Châu Âu.

TÔN KẼM PHỦ MÀU

Sự đa dạng về màu sắc và quy cách của tôn mạ kẽm phủ màu Hoa Sen luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng, đảm bảo chất lượng cao theo các tiêu chuẩn JIS G 3312 của Nhật, ASTM A755 của Mỹ, AS 2728 của Úc, EN 10169 của Châu Âu, MS 2383 của Malaysia.

TÔN HỢP KIM NHÔM KẼM (Tôn lạnh)

Được sản xuất trên dây chuyền công nghệ NOF hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn ASTM A792 của Hoa Kỳ, AS 1397 của Úc và JIS G3321 của Nhật Bản, MS 1196 của Malaysia, EN 10346 của Châu Âu. Bề mặt sản phẩm bóng đẹp, màu ánh bạc, khả năng chống ăn mòn vượt trội, kháng nhiệt hiệu quả, linh hoạt trong thiết kế và có tuổi thọ gấp 4 lần so với tôn kẽm thông thường.

TÔN KẼM

Được sản xuất trên dây chuyền công nghệ NOF hiện đại, sản phẩm đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất đối với thép lá mạ kẽm theo tiêu chuẩn Nhật Bản (JIS G3302). Khả năng chống ăn mòn tốt, bề mặt lớp mạ nhẵn mịn, sản phẩm tôn mạ kẽm Hoa Sen là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng, đảm bảo chất lượng cao theo các tiêu chuẩn ASTM A653 của Mỹ, AS 1397 của Úc, EN 10346 của Châu Âu, MS 2384, MS 2385 của Malaysia.

TÔN MÀU METALLIC

Sản phẩm tôn Metallic có đặc điểm nổi bật là bề mặt có ánh kim nên tính thẩm mỹ rất cao, được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng. Tôn Metallic được ứng dụng nhiều trong lĩnh vực trang trí nội thất mang lại sự sang trọng, tinh tế cho ngôi nhà.

THÉP DÀY MẠ KẼM; THÉP DÀY MẠ LẠNH

Với nguồn nguyên liệu đầu vào là thép cán nguội chất lượng cao của Tập đoàn Hoa Sen, cùng với công nghệ mạ NOF hiện đại, sản phẩm thép dày mạ kẽm, mạ lạnh Hoa Sen, đáp ứng được các yêu cầu đa dạng trong xây dựng công nghiệp, dân dụng. Các sản phẩm luôn đảm bảo chất lượng cao theo các tiêu chuẩn JIS G3321 của Nhật Bản, ASTM A653, ASTM A792 của Mỹ, AS 1397 của Úc, EN 10346 của Châu Âu, MS 2384, MS 2385, MS 1196 của Malaysia.

TÔN MÀU NHÁM (Wrinkle)

Là sản phẩm tôn kẽm và tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn với hệ sơn wrinkle độc đáo, đặc điểm nổi bật của sản phẩm là mang tính thẩm mỹ rất cao, độ bền cao, chống nóng, chống ẩm tốt, dễ dàng thi công lắp đặt... Sản phẩm được ứng dụng linh hoạt trong các công trình, nhà ở như: trần, mái lợp, vách ngăn…

TÔN MÀU VÂN GỖ

Đặc điểm nổi bật của sản phẩm tôn vân gỗ là bề mặt màu vân gỗ nên tính thẩm mỹ rất cao, có thể ứng dụng trong rất nhiều các sản phẩm cả ngoài trời lẫn đồ nội thất mang lại sự tinh tế, sang trọng cho ngôi nhà. Khác với những sản phẩm tôn truyền thống, ứng dụng của tôn vân gỗ vô cùng đa dạng. Sản phẩm được sử dụng linh hoạt trong các công trình, nhà ở như: trần, vách ngăn, tủ, kệ, đồ nội thất… Đây là một sản phẩm hội tụ nhiều ưu điểm như: tính thẩm mỹ cao, chống nóng tốt, độ bền cao, không ẩm mốc, dễ lau chùi, chịu được nhiệt độ cao, dễ dàng thi công lắp đặt… Sản phẩm tôn vân gỗ ra đời có thể khắc phục được hầu hết được các nhược điểm của các loại vật liệu trước đây như: xỉn màu, ẩm mốc, nhanh xuống cấp…

THÉP HỘP VÀ ỐNG THÉP MẠ KẼM

Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình, Thép hộp và Ống thép Hoa Sen có bề mặt sạch, tron láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn: JIS G3344 (Nhật Bản), JIS G3466 (Nhật Bản); ASTM A500 (Hoa Kỳ).

ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN

Được sản xuất trên dây chuyền hiện đại theo công nghệ Châu Âu với hệ thống trộn trung tâm cho ra sản phẩm đồng nhất và chất lượng cao theo tiêu chuẩn: BS 3505: 1968/BS EN 1452-2: 2009 (Anh); AS/NZS 1477: 2006 (Úc), TCVN 6151-2: 2002 (Việt Nam). Áp dụng công nghệ chỉnh tâm nhiệt hiện đại, Tập đoàn Hoa Sen đã sản xuất được ống nhựa uPVC đường kính 630 mm, dày 30 mm, áp suất 12,5 bar. Ống nhựa Hoa Sen được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như: cấp thoát nước dân dụng và công cộng, các công trình điện lực, viễn thông, bơm cát...

810.226

TẤN

TỔNG SẢN LƯỢNG THÀNH PHẨM TIÊU THỤ TRONG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 – 2014

5 LỢI THẾ CẠNH TRANH CỐT LÕI

1 | Quy trình sản xuất kinh doanh khép kín.

2 | Sở hữu hệ thống 150 chi nhánh phân phối – bán lẻ.

3 | Thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

4 | Hệ thống quản trị và văn hóa doanh nghiệp đặc thù.

5 | Tiên phong đầu tư công nghệ mới.

THỰC THI CHIẾN LƯỢC DẪN ĐẦU VỀ CHI PHÍ THẤP

1 QUY TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH KHÉP KÍN

Quy trình sản xuất tôn – thép của Tập đoàn Hoa Sen bắt đầu từ dây chuyền sản xuất thép cán nguội. Thép cán nóng nhập khẩu đi qua dây chuyền này sẽ tạo ra thép cán nguội dạng cuộn. Sản phẩm thép cán nguội tiếp tục là nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền sản xuất tôn để cho ra sản phẩm cuối cùng là tôn.

Đặc biệt, từng giai đoạn của quá trình sản xuất đều được theo dõi chặt chẽ, nhờ đó, tất cả các sản phẩm của Hoa Sen đều đạt chất lượng cao, đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của thị trường.

Thông qua hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ trên toàn quốc, các sản phẩm chất lượng cao của Tập đoàn Hoa Sen được đưa đến tận tay người tiêu dùng.

Với quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, Tập đoàn Hoa Sen có thể chủ động điều tiết và kiểm soát chặt chẽ chi phí từng khâu trong quá trình sản xuất. Điều này giúp tối thiểu hóa chi phí và đạt được hiệu quả kinh tế theo phạm vi. Đây là cơ sở để Tập đoàn Hoa Sen thực thi chiến lược dẫn đầu thị trường dựa vào chi phí sản xuất kinh doanh thấp nhất.

> “Hiện nay, Tập đoàn Hoa Sen đã trở thành nhà sản xuất tôn số 1 Đông Nam Á”

KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN, TĂNG TRƯỞNG THỊ PHẦN

2

ĐẾN NGÀY 31/12/2014, SỞ HỮU HỆ THỐNG 150 CHI NHÁNH PHÂN PHỐI – BÁN LẺ

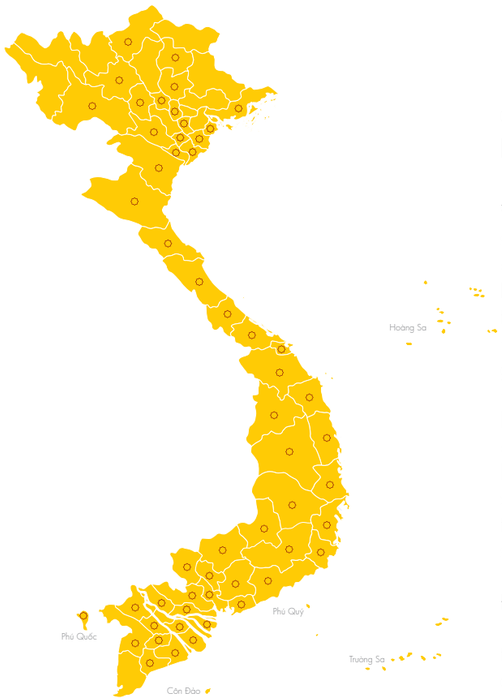

150
CHI NHÁNH
PHÂN PHỐI – BÁN LẺ

Với việc quản lý tập trung và thống nhất theo các chính sách chung, hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ bao phủ toàn quốc đã trở thành một ưu thế lớn của Tập đoàn Hoa Sen, giúp Tập đoàn có thể tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm và nhanh chóng đưa các sản phẩm đến với thị trường. Trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động, hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ càng phát huy vai trò chiến lược khi Tập đoàn có thể linh hoạt trong các chính sách bán hàng để đảm bảo duy trì dòng tiền. Đặc điểm này là cơ sở để Tập đoàn nhanh chóng ổn định tình hình sản xuất kinh doanh khi gặp điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi và tiếp tục khẳng định vị thế số một đối với các sản phẩm tôn thép tại Việt Nam.

Đến ngày 31/12/2014, tổng số chi nhánh bán lẻ của Tập đoàn Hoa Sen trên cả nước là 150 chi nhánh. Mục tiêu đến cuối năm 2017 số lượng chi nhánh của Tập đoàn sẽ đạt khoảng 300 chi nhánh.

> "Hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ là nền tảng để thực thi chiến lược mua tận gốc, bán tận ngọn của Tập đoàn Hoa Sen."

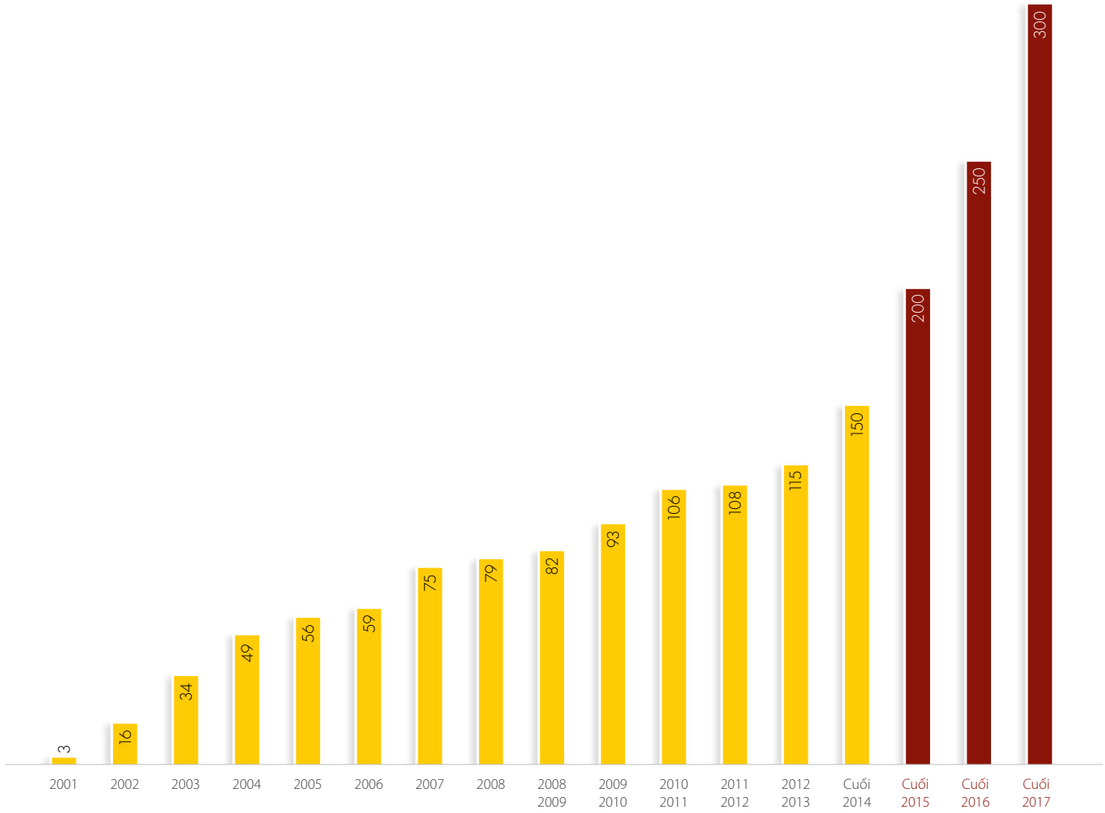

BIỂU ĐỒ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CHI NHÁNH TẠI VIỆT NAM

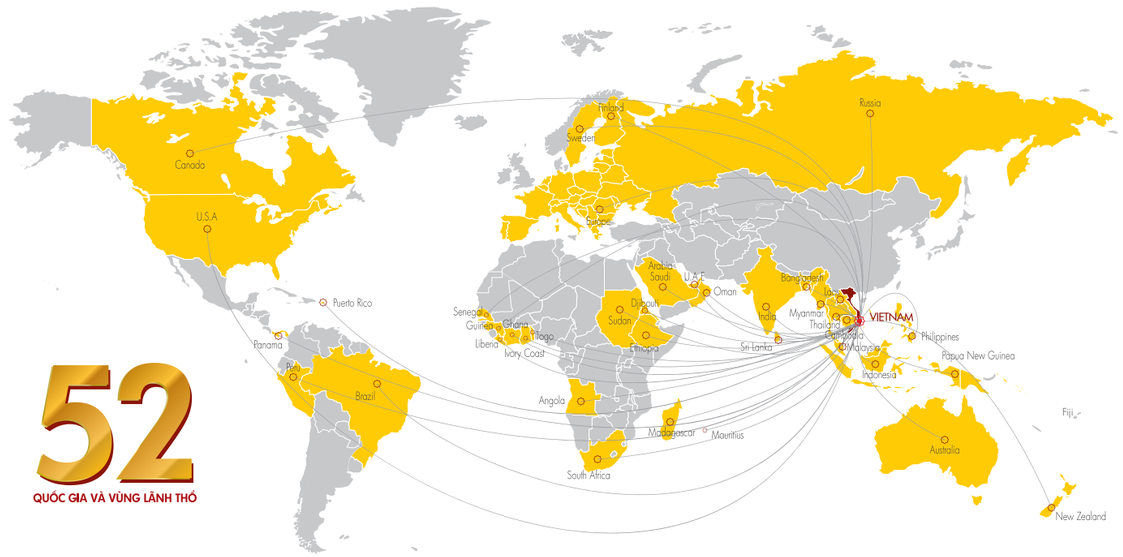

52
QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ

KÊNH PHÂN PHỐI ĐẾN CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

: Các quốc gia và vùng lãnh thổ Tập đoàn Hoa Sen đang xuất khẩu.

CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU ĐỘC ĐÁO

3 THƯƠNG HIỆU MẠNH, THÂN THIỆN & HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

"Ý thức được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, Tập đoàn Hoa Sen không chỉ tập trung tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn chú trọng thực hiện các hoạt động xã hội đa dạng và thiết thực, dành cho nhiều đối tượng khác nhau. Trong nhiều năm liền, bằng các chương trình tiếp thị đa dạng sáng tạo thông qua việc tài trợ các hoạt động cộng đồng và từ thiện xã hội, thương hiệu Hoa Sen đã đi sâu vào tâm thức người tiêu dùng với hình ảnh là một thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng."

Đặc biệt, tháng 5/2014, Tập đoàn Hoa Sen là đơn vị đồng tổ chức và tài trợ chương trình "Tỏa sáng Nghị lực Việt" nhằm tôn vinh những tấm gương vượt lên số phận để đạt những thành tích tốt, cũng như có những đóng góp tích cực cho xã hội. Với thông điệp "Sống Trung thực – Sống Trách nhiệm – Sống Nghị lực", chương trình đã thổi bùng lên ngọn lửa quyết tâm và tinh thần vươn lên chiến thắng chính bản thân mình của tầng lớp thanh thiếu niên Việt Nam. Chương trình có sự tham gia của vị khách mời đặc biệt – diễn giả Nick Vujicic.

Năm 2014, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đạt Thương hiệu Quốc gia cho cả 3 dòng sản phẩm: Tôn Hoa Sen, Ống kẽm Hoa Sen và Ống nhựa Hoa Sen. Trước đó, vào năm 2012, sản phẩm Tôn Hoa Sen cũng đã được bình chọn Thương hiệu Quốc gia. Đây là niềm tự hào của Tập đoàn Hoa Sen và khẳng định cam kết của một thương hiệu luôn hướng tới mục tiêu tạo ra những giá trị cao nhất cho người tiêu dùng và xã hội.

Nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước thực trạng tôn giả, tôn nhái kém chất lượng trên thị trường hiện nay, Tập đoàn Hoa Sen đã lắp đặt Tổng đài tư vấn miễn phí 18001515 nhằm hỗ trợ cho người tiêu dùng cách phân biệt tôn thật – tôn giả, đồng thời tư vấn thêm thông tin và hướng dẫn cho khách hàng chọn lựa đúng sản phẩm Tôn Hoa Sen chính hiệu.

PHÁT TRIỂN VÌ CỘNG ĐỒNG

4 HỆ THỐNG QUẢN TRỊ &VĂN HÓA DOANH NGHIỆP ĐẶC THÙ

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng hệ thống quản trị dựa trên nền tảng văn hoá doanh nghiệp 10 chữ T: Trung thực – Trung thành – Tận tụy – Trí tuệ – Thân thiện. Đây là yếu tố quan trọng góp phần vào quá trình phát triển nhanh và bền vững của Tập đoàn Hoa Sen trong hơn 13 năm qua.

TRUNG THỰC

Trung thực và minh bạch trong mọi hoạt động.

CỘNG ĐỒNG

Luôn chia sẻ với cộng đồng những thành quả của mình là nét đẹp rất nhân bản của Tập đoàn Hoa Sen đã in sâu vào tâm trí của nhiều người Việt Nam.

PHÁT TRIỂN

Liên tục phát triển, đưa thương hiệu Hoa Sen vươn đến những tầm cao mới.

VỮNG BƯỚC CÙNG CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN

5 TIÊN PHONG ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ MỚI

Tại Việt Nam, Tập đoàn Hoa Sen luôn đi tiên phong trong đầu tư hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất. Nhờ hệ thống dây chuyền, công nghệ hiện đại, các sản phẩm của Hoa Sen luôn đạt chất lượng cao, đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng trong nước và quốc tế.

Để bảo đảm chất lượng sản phẩm và thể hiện trách nhiệm xã hội, Tập đoàn đã áp dụng và duy trì các Tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 về Hệ thống quản lý chất lượng; Tiêu chuẩn ISO 14001 : 2004 về Hệ thống quản lý môi trường và Tiêu chuẩn OHSAS 18001 : 2007 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

mở *Rộng*
quy mô

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Giới thiệu Hội đồng Quản trị	36
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	38
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	44
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	46
Giới thiệu Ban Kiểm soát	56
Báo cáo của Ban Kiểm soát	57

Ông LÊ PHƯỚC VŨ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ khởi nghiệp từ một cơ sở bán lẻ tôn vào năm 1994. Sau 7 năm tích lũy vốn và kinh nghiệm, đến năm 2001 ông sáng lập Công ty Cổ phần Hoa Sen (tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen hiện nay) với số vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng.

Qua hơn 13 năm dày công xây dựng và phát triển, bằng trí tuệ, sự quyết đoán, trách nhiệm và sự liêm chính, ông đã đưa Tập đoàn Hoa Sen vươn lên trở thành doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh tôn thép hàng đầu Việt Nam và Đông Nam Á.

Với những thành tích xuất sắc trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động cộng đồng, năm 2014 ông đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì. Ông cũng đã giành vị trí quán quân giải thưởng EY – Bản lĩnh Doanh nhân lập nghiệp 2014, giải thưởng danh giá tôn vinh tài năng và bản lĩnh doanh nhân, và sẽ đại diện cho cộng đồng doanh nhân Việt Nam tham gia giải thưởng doanh nhân EY quốc tế tại Monaco năm 2015. Với tâm huyết và những đóng góp to lớn cho sự phát triển của Tập đoàn, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu vào Hội đồng Quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị liên tục nhiều nhiệm kỳ.

Ông TRẦN NGỌC CHU
Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Gắn bó với Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu thành lập, ông Trần Ngọc Chu đã tạo được những dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển của Tập đoàn.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu chọn vào Hội đồng Quản trị nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời đảm nhận những vị trí quan trọng trong ban điều hành của Tập đoàn.

Hiện ông đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Hoa Sen, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen. Ông đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba vào năm 2014 và nhiều lần được UBND tỉnh Bình Dương tặng bằng khen vì những đóng góp cho sự nghiệp phát triển của doanh nghiệp và địa phương. Ông Trần Ngọc Chu tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Tp.HCM.

Ông TRẦN QUỐC TRÍ
Thành viên Hội đồng Quản trị

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2004, ông Trần Quốc Trí đã chứng tỏ được khả năng điều hành qua nhiều vị trí như Trưởng Bộ phận Tổng hợp Hệ thống phân phối, Giám đốc Hệ thống phân phối, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và từ 01/04/2011 đến nay giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Trực của Tập đoàn Hoa Sen. Năm 2014 ông đã được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng bằng khen vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương.

Ông được bầu vào Hội đồng Quản trị từ ngày 29/04/2014, sau khi ông Lý Duy Hoàng – Thành viên Hội đồng Quản trị từ nhiệm. Ông Trần Quốc Trí tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kế toán kiểm toán tại Đại học Kinh tế Tp.HCM.

Ông JEAN ERIC JACQUEMIN
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Jean Eric Jacquemin có hơn 25 năm kinh nghiệm quản lý và tái cấu trúc công ty thuộc các tập đoàn hàng đầu thế giới ở Hoa Kỳ và Châu Âu. Ông đã thực hiện nhiều khoản đầu tư tại Việt Nam trong vòng 6 năm gần đây.

Ông Jean Eric Jacquemin hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Temasia Capital Limited, đồng thời là Giám đốc điều hành của Công ty Quản lý quỹ Red River Associates và Giám đốc duy nhất của Red River Holding – cổ đông lớn của Tập đoàn Hoa Sen.

Ngày 06/03/2013 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen NĐTC 2012 – 2013, ông Jean Eric Jacquemin được bầu là Thành viên Hội đồng Quản trị, phụ trách Tiểu ban Tài chính và Quan hệ cổ đông của Tập đoàn. Ông Jean Eric Jacquemin tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Western New England, Hoa Kỳ.

Ông PHẠM GIA TUẤN
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Gia Tuấn hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM), đồng thời là Giám đốc điều hành Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt (VCHF), trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ.

Ông có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu như VinaCapital, PricewaterhouseCoopers và Dutch Lady Vietnam. Tại Tập đoàn Hoa Sen, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, phụ trách Tiểu ban Tài chính và Quan hệ cổ đông của Hội đồng Quản trị.

Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Sydney University of Technology, Australia và là thành viên Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Australia.

Ông LÝ DUY HOÀNG
Thành viên Hội đồng Quản trị
(từ nhiệm ngày 29/04/2014)

Ông Lý Duy Hoàng là một chuyên gia tài chính nhiều kinh nghiệm với hơn 10 năm làm việc tại các tổ chức tài chính lớn đa quốc gia. Ông tốt nghiệp ngành Tài chính tại Canada.

Ngày 06/03/2013 ông được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2013 – 2017 và phụ trách chính Tiểu ban Tái cấu trúc và Nhân sự, Lương thưởng của Hội đồng Quản trị. Ông Lý Duy Hoàng từ nhiệm ngày 29/04/2014.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2014, kinh tế trong nước đã ghi nhận một số chuyển biến tích cực, tuy nhiên nhìn chung chưa có sự phục hồi rõ rệt. Tăng trưởng kinh tế năm 2014 tuy có tốt hơn năm 2013 song vẫn thấp hơn so với kỳ vọng và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Nhu cầu thị trường có cải thiện nhưng chưa đủ tạo sức bật cho nền kinh tế. Các chi phí đầu vào như xăng dầu, điện, đặc biệt là cước phí vận tải tăng cao trong năm 2014 khiến cho nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn.

Trong bối cảnh chung đó, ngành thép trong nước năm vừa qua cũng chưa có nhiều chuyển biến. Các diễn biến bất lợi của giá thép cán nóng và giá bán thép thành phẩm trong nước đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp. Áp lực cạnh tranh từ các mặt hàng thép nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc ngày càng khốc liệt do tình trạng dư thừa sản lượng thép tại quốc gia này. Trong khi đó ở kênh xuất khẩu, các động thái phòng vệ thương mại liên tiếp tại Indonesia, Úc đối với một số mặt hàng tôn thép từ Việt Nam thời gian qua khiến cho tình hình xuất khẩu cũng gặp không ít trở ngại.

410

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
HỢP NHẤT

Trước tình hình trên, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hoa Sen đã chủ động đề ra các chủ trương, chiến lược kinh doanh hợp lý, xây dựng nhiều kịch bản nhằm ứng phó kịp thời với những diễn biến phức tạp của thị trường với mục tiêu hoàn thành đến mức cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014

NĐTC 2013 – 2014, các chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Tập đoàn đều vượt kế hoạch đề ra và tiếp tục giữ mức tăng trưởng tốt so với niên độ tài chính trước. Cụ thể so với NĐTC 2012 – 2013, mức tăng trưởng sản lượng tiêu thụ thành phẩm đạt 35%, mức tăng doanh thu là 27%. Đây là kết quả rất đáng khích lệ trong bối cảnh tình hình kinh tế còn nhiều bất lợi.

Biểu đồ tăng trưởng Sản lượng tiêu thụ thành phẩm, Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tập đoàn Hoa Sen trong vòng 05 năm gần nhất.

Tăng trưởng Sản lượng tiêu thụ thành phẩm
(ĐVT: tấn)

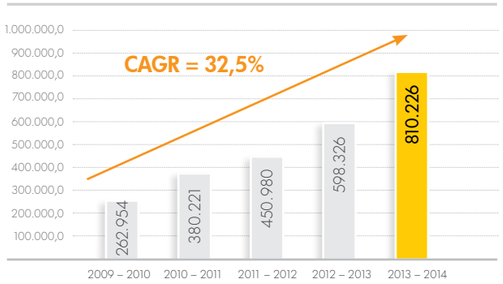

Tăng trưởng Doanh thu thuần
(ĐVT: tỷ đồng)

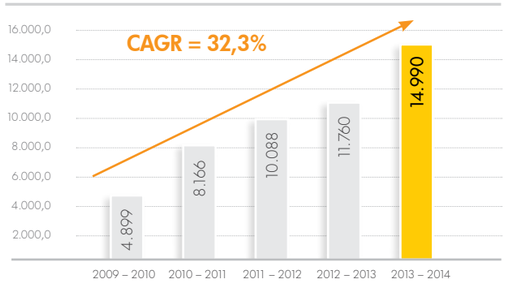

Một trong những cơ sở quan trọng để Tập đoàn Hoa Sen duy trì được mức tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và doanh thu ổn định như trên là việc đưa vào hoạt động các dây chuyền chính thuộc Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đến nay các dây chuyền này đều đã đi vào hoạt động ổn định, nâng tổng công suất thiết kế các dây chuyền hiện nay của Tập đoàn lên 1 triệu tấn thép cán nguội và 1,2 triệu tấn tôn mỗi năm, tạo cơ sở đẩy mạnh sản lượng bán hàng, tăng doanh thu và lợi nhuận.

Cùng với đó, các kênh bán hàng cũng đã nỗ lực tối đa để hoàn thành chỉ tiêu được giao. Kênh xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng mạnh với việc tiêu thụ 336.197 tấn sản phẩm tại 52 quốc gia và vùng lãnh thổ, đóng góp 282 triệu USD doanh thu, tăng 12% so với doanh thu NĐTC trước. Hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ được mở rộng trong NĐTC 2013 – 2014 đạt sản lượng tiêu thụ 298.805 tấn, tương ứng doanh thu 5.540 tỷ đồng, chiếm 37% tổng doanh thu, cùng với kênh xuất khẩu đóng vai trò là hai kênh tiêu thụ chủ lực của Tập đoàn. Các kênh tiêu thụ khác của Tập đoàn cũng đều có sự gia tăng về doanh thu so với NĐTC trước.

Lợi nhuận sau thuế trong NĐTC 2013 – 2014 đạt 410 tỷ đồng, giảm 29% so với NĐTC 2012 – 2013 và tương đương 68% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chính là do giá thép cán nóng thế giới (nguyên liệu của các doanh nghiệp thép trong nước) liên tục giảm kể từ nửa cuối năm 2013 đến nay, kéo theo giá bán thép thành phẩm trong nước giảm nhiều hơn so với mức giảm giá thép nguyên liệu, dẫn đến biên lợi nhuận gộp thấp hơn so với kỳ vọng. Nếu không có sự tích cực của các kênh bán hàng trong việc tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm, tăng mạnh sản lượng tiêu thụ và doanh thu, mức lợi nhuận có thể sẽ còn thấp hơn so với con số 410 tỷ đồng đạt được. Đây là kết quả rất đáng ghi nhận, thể hiện quyết tâm cao của đội ngũ điều hành cùng tập thể cán bộ nhân viên Tập đoàn Hoa Sen trong bối cảnh tình hình thị trường còn nhiều bất lợi.

Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế hợp nhất
(ĐVT: tỷ đồng)

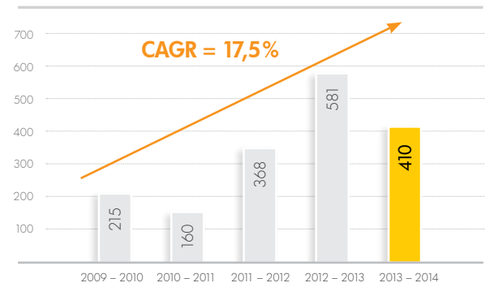

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Trong NĐTC 2013 – 2014, Tập đoàn Hoa Sen đã hoàn thành và đưa vào hoạt động các dây chuyền chính thuộc Giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, gồm: 01 dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất thiết kế 120.000 tấn/năm, 01 dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) công suất thiết kế 400.000 tấn/năm, 02 dây chuyền cán nguội công suất thiết kế 200.000 tấn/năm/dây chuyền và 01 dây chuyền phủ màu công suất thiết kế 150.000 tấn/năm.

Các dây chuyền này hiện đã đi vào hoạt động ổn định, nâng tổng công suất thiết kế các dây chuyền của Tập đoàn Hoa Sen hiện nay lên xấp xỉ 1.000.000 tấn cán nguội và 1.200.000 tấn tôn mỗi năm, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, tạo cơ sở nâng cao sản lượng bán hàng, đồng thời là tiền đề quan trọng để Tập đoàn Hoa Sen hoàn thành mục tiêu chiến lược đạt sản lượng tiêu thụ 1 triệu tấn và doanh thu 1 tỷ USD trong thời gian tới.

Dự án mở rộng Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen cũng đang được triển khai thực hiện. Dự án bao gồm các hạng mục: 09 dây chuyền sản xuất ống thép, 03 dây chuyền xẻ băng và xây dựng mới nhà xưởng chứa nguyên liệu có diện tích 16.000 m^2 tại Nhà máy VLXD Phú Mỹ; 06 dây chuyền ống sản xuất ống thép tại Chi nhánh Nhà máy Ống thép Hoa Sen Hải Dương. Trong đó 03/09 dây chuyền ống thép tại Nhà máy VLXD Phú Mỹ và 06 dây chuyền ống thép tại Chi nhánh Nhà máy Ống thép Hoa Sen Hải Dương đã hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm 2013. Tính đến ngày 30/09/2014 phần lớn hạng mục đã hoàn thành, một số hạng mục nhà xưởng, máy móc thiết bị vẫn đang gấp rút thi công hoàn thiện để đưa vào hoạt động.

NĐTC 2013 – 2014, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục triển khai Dự án mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối với thêm 35 chi nhánh nữa được thành lập, nâng tổng số chi nhánh phân phối bán lẻ của Tập đoàn Hoa Sen tính đến ngày 31/12/2014 lên 150 chi nhánh, cùng với 5 tổng kho.

Hiện tại, Tập đoàn Hoa Sen đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai 2 Dự án quan trọng là Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An và Dự án Nhà máy Ống Thép Hoa Sen Bình Định. Khi đi vào hoạt động, 2 Dự án này sẽ đóng vai trò là đầu mối cung cấp các sản phẩm tôn, ống thép không chỉ cho các tỉnh Bắc Trung Bộ mà còn xuất khẩu sang các thị trường Lào, Thái Lan, v.v…

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 06/03/2013, Tập đoàn Hoa Sen đã tiến hành thủ tục đăng ký đầu tư Dự án Công ty Liên doanh Tôn Hoa Sen – Thái Lan (liên doanh với đối tác Thái Lan). Dự án này đã được Bộ Kế hoạch & Đầu tư Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài. Tuy nhiên cân nhắc tình hình bất ổn chính trị tại Thái Lan trong 2 năm vừa qua, Hội đồng Quản trị đã quyết định chấm dứt Dự án Công ty Liên doanh Tôn Hoa Sen – Thái Lan (*theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 60A/NQ/HĐQT/2014*).

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/01/2014, Tập đoàn Hoa Sen đã tiến hành thủ tục đăng ký đầu tư thành lập công ty thương mại tại Indonesia và văn phòng đại diện tại Myanmar (đều đã được cơ quan quản lý đầu tư tại Việt Nam và nước sở tại cấp phép hoạt động). Tuy nhiên do tình hình thị trường tại Indonesia không thuận lợi và chi phí thuê văn phòng tại Myanmar chưa phù hợp nên công ty thương mại và văn phòng đại diện đều chưa đi vào hoạt động.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 – 2014

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2014 của Đại hội đồng cổ đông tại Hội nghị thường niên ngày 08/01/2014:

STT	Nội dung chính	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2013 – 2014	Đã báo cáo ở trên và báo cáo chi tiết trong phần Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
2	Triển khai các Dự án đầu tư	Đã báo cáo ở trên và báo cáo chi tiết trong phần Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc.
3	Thực hiện chi trả cổ tức của NĐTC 2012 – 2013.	Đã thực hiện 02 đợt chi trả cổ tức vào các ngày 19/02/2014 và 03/07/2014 với tỷ lệ chi trả 10% mệnh giá mỗi đợt. Tổng cộng đã thực hiện chi trả 20% mệnh giá cổ phần.
4	Lựa chọn công ty kiểm toán cho niên độ tài chính 2013 – 2014.	Đã chọn Công ty TNHH PwC Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2013 – 2014 của Công ty.
5	Sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Công ty.	Đã thực hiện sửa đổi Điều lệ theo Nghị quyết.

KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 – 2015

Căn cứ các dự báo về tốc độ phát triển của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2014 – 2015 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện NĐTC 2013 – 2014	Kế hoạch NĐTC 2014 – 2015 (*)	So với thực hiện NĐTC 2013 – 2014	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4 – 3)	(6 = 4/3 –1)
Tổng sản lượng tiêu thụ, *trong đó:*	Tấn	868.256	961.908	93.652	11%
- Thành phẩm	*Tấn*	*810.226*	*900.000*	*89.774*	*11%*
- Phụ phẩm	*Tấn*	*58.030*	*61.908*	*3.878*	*7%*
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	14.990	16.500	1.510	10%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	410	450	40	10%

(*) Dựa trên giả định giá thép cán nóng trong NĐTC 2014 – 2015 là 500 USD/tấn.

Sản lượng thành phẩm tiêu thụ
(ĐVT: tấn)

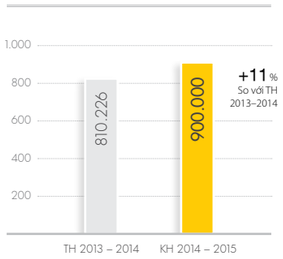

Doanh thu thuần
(ĐVT: tỷ đồng)

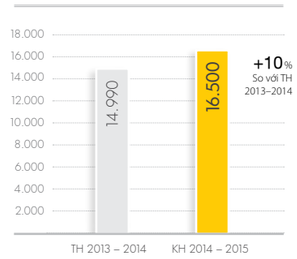

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất
(ĐVT: tỷ đồng)

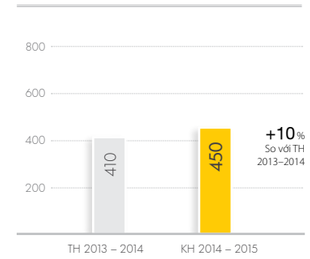

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 – 2015

Trước những dự báo thận trọng về khả năng phục hồi của nền kinh tế trong thời gian tới, để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh NĐTC 2014 – 2015 và nhanh chóng hoàn thành mục tiêu 5 năm Giai đoạn 2013 – 2017 đạt sản lượng tiêu thụ 1 triệu tấn và doanh thu 1 tỷ USD, Hội đồng Quản trị đưa ra những chủ trương, định hướng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen NĐTC 2014 – 2015 như sau:

1. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT: Đảm bảo chất lượng sản phẩm vẫn là ưu tiên hàng đầu nhằm giữ vững uy tín thương hiệu. Để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, cần tập trung vào việc thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất, đầu tư cải tiến kỹ thuật nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống dây chuyền, kết hợp với việc tính toán nhu cầu và thời điểm mua nguyên vật liệu hợp lý nhằm tối thiểu hóa chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

2. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG: Việc cước phí vận tải tăng mạnh gây khó khăn cho hoạt động của nhiều doanh nghiệp trong năm 2014 đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xây dựng một hệ thống Logistic – Vận tải chủ động, hiệu quả. Do đó, trong NĐTC 2014 – 2015 hoạt động Logistic – Vận tải sẽ nằm trong nhóm những mảng hoạt động trọng tâm cần ưu tiên đẩy mạnh của Tập đoàn Hoa Sen, bắt đầu bằng việc đầu tư gia tăng số lượng phương tiện hiện có để đáp ứng tốt nhu cầu chuyên chở hàng hóa, nguyên liệu. Khi toàn bộ hệ thống đã hoạt động hiệu quả sẽ nghiên cứu phương án chuyên môn hóa mảng Logistic – Vận tải trở thành mảng hoạt động chuyên nghiệp của Tập đoàn.

3. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH: Tiếp tục mở rộng độ phủ thị trường, gia tăng thị phần trong nước bằng việc mở nhanh hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ kết hợp với việc hoàn thiện công tác quản trị hệ thống phân phối thông qua các mô hình, chính sách quản lý và chính sách thu nhập phù hợp để tăng cường hiệu quả quản trị và hiệu quả kinh doanh của chi nhánh.

Song song đó, để duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu xuất khẩu như các niên độ trước, cần tiếp tục mở rộng thị trường và đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, tập trung nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, chuẩn bị đón đầu xu thế hội nhập trong thời gian tới.

4. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ: Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Dự án Nhà máy Ống Thép Hoa Sen Bình Định và Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An để gia tăng năng lực sản xuất, tăng cường khả năng cung ứng sản phẩm tại thị trường miền Bắc, miền Trung; đầu tư mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối, mục tiêu trong năm 2015 sẽ thành lập thêm 50 chi nhánh và định hướng đến cuối năm 2017 sẽ nâng tổng số chi nhánh của Tập đoàn lên khoảng 300 chi nhánh trên cả nước; tiếp tục nghiên cứu triển khai Dự án ERP.

5. ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG – MARKETING: Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu thông qua các chương trình marketing, quảng cáo đa dạng, sáng tạo; tiếp tục tổ chức các sự kiện mang tính cộng đồng, các hoạt động từ thiện và tài trợ nhằm xây dựng thương hiệu Hoa Sen mạnh và thân thiện.

Ông **TRẦN NGỌC CHU**
Tổng Giám đốc

Gắn bó với Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu thành lập, ông Trần Ngọc Chu đã tạo được những dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển của Tập đoàn. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu chọn vào Hội đồng Quản trị nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời đảm nhận những vị trí quan trọng trong ban điều hành của Tập đoàn.

Hiện ông đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Hoa Sen, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen. Ông đã vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba vào năm 2014 và nhiều lần được UBND tỉnh Bình Dương tặng bằng khen vì những đóng góp cho sự nghiệp phát triển của doanh nghiệp và địa phương. Ông Trần Ngọc Chu tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán Tp.HCM.

Ông **TRẦN QUỐC TRÍ**
Phó Tổng Giám đốc Trực

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2004, ông Trần Quốc Trí đã chứng tỏ được khả năng điều hành qua nhiều vị trí như Trưởng Bộ phận Tổng hợp Hệ thống phân phối, Giám đốc Hệ thống phân phối, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và từ 01/04/2011 đến nay giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Trực của Tập đoàn Hoa Sen. Năm 2014 ông đã được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng bằng khen vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương.

Ông được bầu vào Hội đồng Quản trị từ ngày 29/04/2014, sau khi ông Lý Duy Hoàng – Thành viên Hội đồng Quản trị từ nhiệm.

Ông Trần Quốc Trí tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kế toán kiểm toán tại Đại học Kinh tế Tp.HCM.

Ông **HOÀNG ĐỨC HUY**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Đức Huy hiện đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát của Tập đoàn Hoa Sen. Ông là một trong những cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Hoa Sen năm 2001 (tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen hiện nay).

Trước đó ông đã có hơn 13 năm công tác trong lĩnh vực kế toán, tài chính, kiểm soát nội bộ tại các công ty lớn thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh. Trên cương vị Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát, ông đã có những đóng góp quan trọng cho Tập đoàn và năm 2014 ông đã được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng bằng khen vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương.

Ông **NGUYỄN VĂN QUÝ**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quý tốt nghiệp đại học hai chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Điện. Với bề dày kiến thức cũng như kinh nghiệm tích lũy được qua 9 năm làm việc tại Tập Đoàn Hoa Sen và nhiều năm công tác tại các doanh nghiệp trước đó như Tôn Phương Nam, Nippovina, v.v..., có thể nói ông hiện là chuyên gia hàng đầu về kỹ thuật sản xuất tôn thép tại Việt Nam. Đối với Tập đoàn Hoa Sen, ông có vai trò quan trọng trong việc triển khai các Dự án đầu tư lớn của Tập đoàn như: Dự án Nhà máy Thép cán nguội, Dự án Dây chuyền mạ công nghệ NOF, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định, Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An,...

Năm 2014 ông đã được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng bằng khen vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương. Hiện ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám Đốc phụ trách các vấn đề về Sản xuất và Đầu tư Dự án.

Ông **VŨ VĂN THANH**
Phó Tổng Giám đốc

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2008 với vai trò Giám đốc Tài chính, bằng kiến thức và kinh nghiệm điều hành tại các doanh nghiệp trước đó của mình, ông đã có những đóng góp quan trọng cho Tập đoàn và đã được UBND tỉnh Bình Dương trao tặng bằng khen vào năm 2014 vì những đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp và địa phương.

Hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Phát triển hệ thống phân phối, Tài chính và Marketing. Ông đồng thời là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vận tải & Cơ khí Hoa Sen.

Ông Vũ Văn Thanh tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Phát triển và là Giảng viên thỉnh giảng tại một số trường đại học tại Tp.HCM.

Ông **NGUYỄN MINH KHOA**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Khoa có bằng Kỹ sư xây dựng tại Đại học Kiến trúc Tp.HCM và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Khoa Quản lý Công nghiệp Đại học Bách Khoa Tp.HCM.

Gia nhập Tập đoàn từ đầu năm 2008, ông hiện đang đảm nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Cung ứng, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen, Thành viên Hội đồng thành viên và Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen.

Ông **HỒ THANH HIẾU**
Phó Tổng Giám đốc

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2002, ông Hồ Thanh Hiếu đã được bổ nhiệm các vị trí quan trọng như: Phó Giám đốc Hệ thống Phân phối, Giám đốc Hệ thống Phân phối, Giám đốc Kinh doanh Tập đoàn Hoa Sen.

Từ tháng 06/2012, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh của Tập đoàn. Ông Hồ Thanh Hiếu tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán tại Đại học Kinh tế Tp.HCM.

Ông **PHAN DUY QUANG**
Quyền Phó Tổng Giám đốc

Ông Phan Duy Quang được bổ nhiệm chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách xuất khẩu của Tập đoàn Hoa Sen từ tháng 09/2014.

Trước đó, ông đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Xuất khẩu của Tập đoàn. Ông Phan Duy Quang tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại tại Đại học Ngoại thương Tp.HCM.

"Trong NĐTC 2013 – 2014, dựa trên những chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng nhiều giải pháp điều hành linh hoạt nhằm ứng phó kịp thời với các diễn biến của tình hình kinh tế, nỗ lực đến mức cao nhất để hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó."

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014 SO VỚI KẾ HOẠCH

Kết thúc NĐTC 2013 – 2014, sản lượng tiêu thụ thành phẩm đạt 810.226 tấn sản phẩm các loại, đạt 116% so với kế hoạch. Doanh thu đạt 14.990 tỷ đồng, đạt 107% kế hoạch, trong đó doanh thu xuất khẩu đạt 5.948 tỷ đồng, tương đương 282 triệu USD. Lợi nhuận sau thuế đạt 410 tỷ đồng, tương đương 68% so với kế hoạch đề ra.

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2013 – 2014 với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch NĐTC 2013 – 2014	Thực hiện NĐTC 2013 – 2014	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3*100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	737.763	868.256	118%
- Thành phẩm	*Tấn*	*700.000*	*810.226*	*116%*
- Phụ phẩm	*Tấn*	*37.763*	*58.030*	*154%*
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	14.000	14.990	107%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	600	410	68%

Bên cạnh diễn biến giá không thuận lợi như tại phần Báo cáo Hội đồng Quản trị đã trình bày, một nguyên nhân khác cũng khiến cho lợi nhuận sau thuế của NĐTC 2013 – 2014 không đạt được như kỳ vọng là việc tỷ giá hối đoái tại một số thị trường xuất khẩu lớn của Tập đoàn Hoa Sen tăng trong NĐTC 2013 – 2014 buộc Tập đoàn Hoa Sen phải điều chỉnh giảm giá bán xuất khẩu để ổn định sản lượng tiêu thụ, giữ vững thị trường, khiến cho biên lợi nhuận xuất khẩu cũng giảm.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014 SO VỚI NĐTC 2012 – 2013

So với NĐTC 2012 – 2013, các chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Tập đoàn trong NĐTC 2013 – 2014 đều tăng mạnh. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ thành phẩm và doanh thu của NĐTC vừa qua tăng lần lượt 35% và 27% so với thực hiện của NĐTC 2012 – 2013. Riêng lợi nhuận sau thuế giảm tương đương 29% so với NĐTC trước.

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2013 – 2014 với NĐTC 2012 – 2013

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2012 – 2013	Thực hiện NĐTC 2013 – 2014	Tỷ lệ thực hiện so với NĐTC trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3*100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	634.128	868.256	137%
- Thành phẩm	*Tấn*	*598.326*	*810.226*	*135%*
- Phụ phẩm	*Tấn*	*35.802*	*58.030*	*162%*
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.760	14.990	127%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	581	410	71%

THỊ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN HOA SEN TRONG NĐTC 2013 – 2014

Thị phần tôn

Trong năm 2014, Tập đoàn Hoa Sen vẫn giữ vững vị thế dẫn đầu thị phần tôn trong nước, chiếm 36,9% thị phần. (*theo số liệu thống kê 11 tháng đầu năm 2014 của Hiệp hội Thép Việt Nam*).

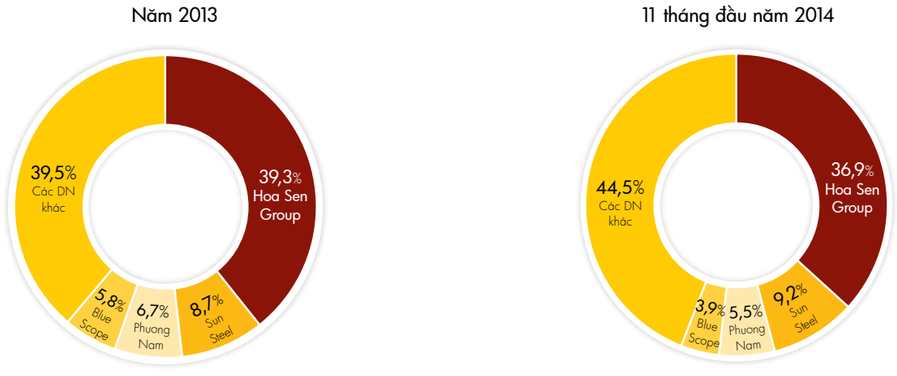

BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN TÔN NĂM 2013 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
Nguồn: Bản tin nội bộ Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2013 và tháng 12/2014
Ghi chú: Số liệu thống kê trên chỉ bao gồm sản lượng bán của những thành viên Hiệp hội Thép Việt Nam và đã loại trừ sản lượng bán của Công ty Perstima Việt Nam vì tôn mạ thiếc không phục vụ công nghiệp xây dựng.

Trong 11 tháng đầu năm 2014, Hiệp hội Thép Việt Nam đón nhận sự gia nhập của một số thành viên mới. Điều này làm cho thị phần tôn của Tập đoàn Hoa Sen trong năm 2014 giảm nhẹ so với năm 2013 mặc dù sản lượng tiêu thụ vẫn tăng mạnh.

Thị phần ống thép

Thị phần Ống thép của Tập đoàn Hoa Sen trong năm 2014 chiếm 18,2% (tăng 3,7% so với năm 2013), đứng thứ hai về thị phần tiêu thụ ống thép cả nuóc. (*theo số liệu thống kê 11 tháng đầu năm 2014 của Hiệp hội Thép Việt Nam*)

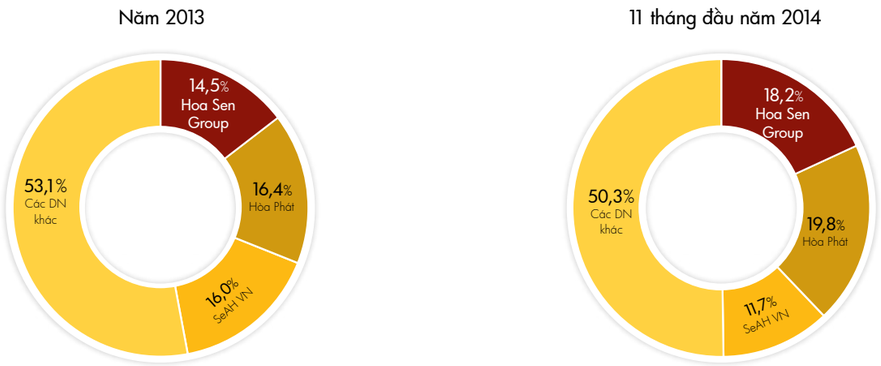

BIỂU ĐỒ THỊ PHẦN ỐNG THÉP NĂM 2013 VÀ 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
Nguồn: Bản tin nội bộ Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2013 và tháng 12/2014.
Ghi chú: Số liệu thống kê trên chỉ bao gồm sản lượng bán của những thành viên Hiệp hội Thép Việt Nam.

CƠ CẤU DOANH THU CỦA TẬP ĐOÀN HOA SEN NĐTC 2013 – 2014

Cơ cấu doanh thu theo kênh bán hàng

NĐTC 2013 – 2014, các kênh tiêu thụ nội địa vẫn giữ vai trò chủ đạo với 60,4% doanh thu của Tập đoàn. Kênh xuất khẩu chiếm 39,6%.

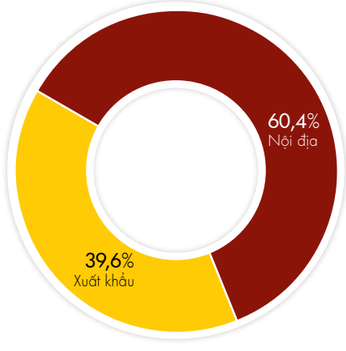

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU THEO KÊNH BÁN HÀNG

Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm

Nhóm sản phẩm tôn bao gồm các mặt hàng tôn kẽm, tôn lạnh, tôn kẽm màu, tôn lạnh màu, tôn đen màu tiếp tục là nhóm sản phẩm chủ lực, đóng góp 54,7% doanh thu Tập đoàn. Tiếp theo là nhóm sản phẩm thép bao gồm các sản phẩm thép dày mạ kẽm, ống thép mạ kẽm, ống thép đen, xà gồ mạ kẽm, xà gồ đen đóng góp 39,2% doanh thu. Nhựa và các sản phẩm khác lần lượt chiếm 2,5% và 3,6% doanh thu.

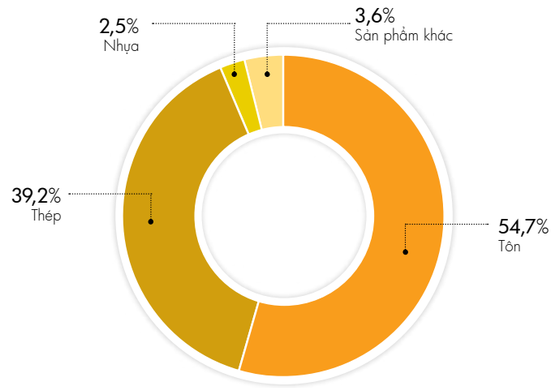

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM

TỶ TRỌNG CÁC LOẠI CHI PHÍ TRÊN DOANH THU THUẦN THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	ĐVT	NĐTC 2012 – 2013	NĐTC 2013 – 2014
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	634.128	868.256
- Thành phẩm	*Tấn*	*598.326*	*810.226*
- Phụ phẩm	*Tấn*	*35.802*	*58.030*
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.760	14.990
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1.708	1.750
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	247	256
- Chi phí lãi vay	*Tỷ đồng*	*168*	*184*
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	491	673
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	351	393
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	581	410
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	14,5%	11,7%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	%	2,1%	1,7%
- Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	*%*	*1,4%*	*1,2%*
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	%	4,2%	4,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	%	3,0%	2,6%

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	ĐVT	NĐTC 2012 – 2013	NĐTC 2013 – 2014
TỶ SỐ THANH TOÁN			
Thanh toán hiện tại	lần	1,0	0,9
Thanh toán nhanh	lần	0,3	0,2
TỶ SỐ HOẠT ĐỘNG			
Số vòng quay hàng tồn kho	lần	4,4	3,4
TỶ SỐ ĐÒN BẨY TÀI CHÍNH			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	69	77
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	223	329
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu	%	323	429
TỶ SỐ SINH LỢI			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,3	4,7
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,9	2,7
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	27,5	17,9
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cổ phiếu	5.941	4.261

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH TRONG NĐTC 2013 – 2014

Để duy trì đà tăng trưởng ổn định, căn cứ chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện những giải pháp điều hành nhằm hoàn thiện và phát huy tối đa các lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Tập đoàn Hoa Sen. Các giải pháp này xoay quanh 05 nhiệm vụ trọng tâm là:

Xây dựng Hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ rộng khắp cả nước

Thực hiện chiến lược kinh doanh "mang sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng", Tập đoàn tiếp tục thành lập thêm nhiều chi nhánh phân phối – bán lẻ trên cả nước, với tổng số chi nhánh tính đến ngày 31/12/2014 đã lên đến 150 chi nhánh.

Trong khi hệ thống phân phối của đa số doanh nghiệp khác trong ngành thường là các đại lý độc lập, hệ thống chi nhánh phân phối của Tập đoàn Hoa Sen được Tập đoàn đầu tư mua hoặc thuê đất đai, nhà xưởng và sở hữu toàn bộ đối với máy móc thiết bị và hàng hóa. Việc quản lý chi nhánh được thực hiện tập trung và thống nhất theo chính sách chung, giúp Tập đoàn Hoa Sen chủ động linh hoạt trong việc điều chỉnh chính sách bán hàng theo biến động thị trường để ổn định tiêu thụ, đảm bảo dòng tiền. Nhờ đó, trong NĐTC 2013 – 2014, mặc dù nhu cầu tiêu thụ trong nước thấp, Tập đoàn Hoa Sen vẫn tiếp tục tăng mạnh về thị phần và sản lượng tiêu thụ nội địa, giữ vững vị thế doanh nghiệp dẫn đầu thị phần tôn và tăng trưởng mạnh thị phần ống thép.

Mở rộng thị trường xuất khẩu, chủ động ứng phó với vấn đề phòng vệ thương mại tại các quốc gia

Xuất khẩu từ lâu đã trở thành một trong những kênh tiêu thụ chủ lực, chiếm tỷ trọng doanh thu cao trong tổng doanh thu của Tập đoàn. Đặc biệt là trong 02 năm trở lại đây, khi mà tình hình thị trường tiêu thụ trong nước bị suy giảm do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu và tình trạng đóng băng thị trường bất động sản, công tác xuất khẩu càng đóng vai trò quan trọng, giúp Tập đoàn Hoa Sen tăng trưởng đều đặn sản lượng tiêu thụ và doanh thu qua các năm. Xuất khẩu còn là nguồn ngoại tệ đối ứng để Tập đoàn Hoa Sen có thể vay USD với lãi suất thấp, từ đó điều chỉnh cơ cấu vay nợ linh hoạt để đạt lãi suất bình quân cuối kỳ thấp nhất, tiết giảm chi phí lãi vay cho Tập đoàn.

Trong NĐTC 2013 – 2014, Tập đoàn Hoa Sen đã xuất khẩu hơn 336 nghìn tấn sản phẩm, thu về 282 triệu USD doanh thu cho Tập đoàn, tăng 12% so với doanh thu xuất khẩu trong NĐTC 2012 – 2013. Các sản phẩm của Hoa Sen luôn đảm bảo về chất lượng và đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế như: Bộ tiêu chuẩn của ASTM (American Society for Testing and Materials – Hiệp hội Vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ), bộ tiêu chuẩn BS EN (British Standards European Norm) của Châu Âu, bộ tiêu chuẩn JIS (Japanese Industrial Standards) của Nhật Bản, bộ tiêu chuẩn AS (Australian Standards) của Úc, bộ tiêu chuẩn SNI (Indonesian National Standards) của Indonesia, bộ tiêu chuẩn MS (Malaysian Standards) của Malaysia. Các thị trường xuất khẩu mới, giàu tiềm năng không ngừng được khai phá nhằm giảm thiểu rủi ro cho Tập đoàn Hoa Sen trong trường hợp xảy ra vấn đề bảo hộ thương mại tại các thị trường xuất khẩu truyền thống. Hiện sản phẩm của Hoa Sen đã có mặt tại 52 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới, trong đó có những thị trường ở xa như Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ.

282

TRIỆU USD

DOANH THU XUẤT KHẨU

Hoàn thành các Dự án đầu tư trọng điểm, nâng cao năng lực sản xuất

Trong NĐTC 2013 – 2014 Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục triển khai các Dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng của Tập đoàn, đồng thời tiếp tục thực hiện chuyển nhượng các Dự án đầu tư dở dang: Bất động sản, cảng biển,... không còn phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn (đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại hội nghị thường niên ĐHĐCĐ ngày 08/01/2014). Kết quả thực hiện các Dự án đầu tư trong NĐTC 2013 – 2014 của Tập đoàn Hoa Sen tính đến ngày 30/09/2014 như sau:

Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ Giai đoạn 2

STT	Hạng mục dây chuyền	Thời gian hoàn thành	Giá trị đầu tư (tỷ VND)
1	Dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất thiết kế 120.000 tấn/năm.	Tháng 3/2013	250
2	Dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) công suất thiết kế 400.000 tấn/năm.	Tháng 2/2014	380
3	Dây chuyền phủ màu công suất thiết kế 150.000 tấn/năm.	Tháng 3/2014	91
4	Dây chuyền cán nguội công suất thiết kế 200.000 tấn/năm (*)	Tháng 6/2014	292
5	Dây chuyền cán nguội công suất thiết kế 200.000 tấn/năm (*)	Tháng 8/2014	296
	Tổng chi phí đầu tư		**1.309**

(*) Hiện các dây chuyền này được quản lý và vận hành bởi Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen – Nhà máy Thép cán nguội Phú Mỹ.

Dự án mở rộng Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen

STT	Hạng mục dây chuyền	Thời gian hoàn thành	Giá trị đầu tư (tỷ VND)
1	06 dây chuyền ống thép – Chi nhánh Hải Dương	Tháng 10/2013	44
2	03 dây chuyền ống thép – Nhà máy Vật liệu xây dựng Phú Mỹ	Tháng 11/2013	21
3	Nhà xưởng diện tích 4.800 m^2	Tháng 2/2014	27
4	Dây chuyền xẻ băng tôn số 1	Tháng 3/2014	32
5	Nhà xưởng 16.000 m^2	Tháng 7/2014	85
6	06 dây chuyền ống thép – Nhà máy Vật liệu xây dựng Phú Mỹ	Tháng 11/2014	33
7	Dây chuyền xẻ băng tôn số 2	Tháng 12/2014	32
8	Dây chuyền xẻ băng tôn số 3	Đang thực hiện (Dự kiến hoàn thành tháng 02/2015)	20
	Tổng chi phí đầu tư		**294**

Chuyển nhượng các Dự án bất động sản và Dự án Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept

Tên Dự án	Tiến độ chính của Dự án	Đến 30/09/2014 đã giải ngân (tỷ đồng)	Tiến độ chuyển nhượng
1. Dự án Văn phòng Trụ sở Tập đoàn Hoa Sen - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - Địa chỉ: 123 Trần Não, P. Bình An, Quận 2, TP.HCM - Diện tích: 969 m^2	- Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 969 m^2 từ người bán. - Đang tiến hành thiết kế xây dựng.	52,26	Đang xúc tiến thực hiện chuyển nhượng
2. Dự án căn hộ Hoa Sen Phước Long B - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - Địa chỉ: Phường Phước Long B, Quận 9, TP.HCM - Diện tích: 8.016 m^2 - Quy mô: cao ốc 19 tầng, 44.000 m^2 sàn, 400 căn hộ; - Hệ số sử dụng đất 5,5 lần	- Được UBND TP.HCM đồng ý chủ trương đầu tư. - Đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất 7.856 m^2. - Đã có công văn đồng ý chỉ tiêu quy hoạch của Sở Quy Hoạch – Kiến Trúc, UBND TP.HCM.	45,85	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
3. Dự án căn hộ Hoa Sen Riverview - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - Địa chỉ: Mặt tiền đường Bưng Ông Thoàn, P. Phú Hữu, Quận 9, TP.HCM - Diện tích: 15.076,4 m^2	- UBND TP.HCM đã phê duyệt nhiệm vụ qui hoạch. - Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 15.076,4 m^2 đất. - Đang xúc tiến thủ tục đầu tư.	45,46	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
4. Dự án Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept - Tập đoàn Hoa Sen góp 45% vốn - Địa chỉ: Khu CN Cái Mép, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu - Diện tích: 7 ha	- Đã hoàn thành phần thiết kế Dự án và bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục xây dựng cảng. - Hoàn thành cấp phối đá dăm đường vào cảng.	44,45	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
Tổng cộng		188,02	

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp

Thực hiện chủ trương của Hội đồng Quản trị về việc xây dựng đội ngũ nhân viên theo hướng "giỏi hơn, chuyên nghiệp hơn, thu nhập cao hơn", Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo Khối Nội vụ và các đơn vị liên quan thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục triển khai áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc KPI nhằm đánh giá một cách chi tiết, toàn diện hiệu quả hoạt động của từng đơn vị và cá nhân để có hướng điều chỉnh, sàng lọc nhân sự hợp lý.
- Tăng cường tuyển dụng các du học sinh, tu nghiệp sinh bổ sung vào đội ngũ cán bộ dự nguồn; xây dựng kế hoạch bố trí nhân sự cụ thể, có định hướng và chính sách đãi ngộ hợp lý;
- Duy trì mối quan hệ hợp tác với các trường đại học, cao đẳng có uy tín thông qua các hình thức tài trợ học bổng, tham dự ngày hội việc làm, v.v... nhằm thu hút nguồn nhân lực trẻ, có trình độ, là kênh tuyển dụng thường xuyên và chất lượng cho Tập đoàn.

Xây dựng thương hiệu mạnh

Các hoạt động truyền thông, marketing hiệu quả trong những niên độ vừa qua tiếp tục được thực hiện trong NĐTC 2013 – 2014 nhằm tăng cường hơn nữa mật độ hiện diện thương hiệu Hoa Sen, bao gồm:

- Thực hiện các TVC quảng cáo mới có nội dung và ý tưởng sáng tạo, phát sóng vào các khung giờ cao điểm trên đài truyền hình trung ương và địa phương;
- Lắp đặt các bảng quảng cáo lớn ngoài trời tại các vị trí có tầm nhìn tốt và mật độ giao thông cao; tài trợ bảng hiệu cho các cửa hàng vật liệu xây dựng.

Bên cạnh đó, việc thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng được Tập đoàn Hoa Sen hết sức quan tâm thông qua việc tài trợ nhiều sự kiện cộng đồng giàu tính nhân văn như: Chương trình Tỏa sáng Nghị lực Việt tháng 05/2014, chuỗi chương trình Mái ấm Gia đình Việt đã tổ chức nhiều năm liền, tài trợ Giải bóng đá Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 2014, Giải bóng đá U19 Quốc gia – Cúp Tôn Hoa Sen 2014, Giải bóng đá U21 Quốc tế – Cúp Báo Thanh niên 2014 cùng với các hoạt động từ thiện xã hội khác. Nhờ đó, thương hiệu Hoa Sen đã đi sâu vào tâm thức người tiêu dùng với hình ảnh là một thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT NĐTC 2014 – 2015

Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất NĐTC 2014 – 2015

Căn cứ dự báo tốc độ phát triển của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh hợp nhất NĐTC 2014 – 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2013 – 2014	Kế hoạch NĐTC 2014 – 2015 (*)	So với thực hiện NĐTC 2013 – 2014	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4–3)	(6 = 4/3–1)
Tổng sản lượng tiêu thụ, *trong đó:*	Tấn	868.256	961.908	93.652	11%
- Thành phẩm	*Tấn*	*810.226*	*900.000*	*89.774*	*11%*
- Phụ phẩm	*Tấn*	*58.030*	*61.908*	*3.878*	*7%*
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	14.990	16.500	1.510	10%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	410	450	40	10%

(*) Dựa trên giả định giá thép cán nóng trong NĐTC 2014 – 2015 là 500 USD/tấn.

Định hướng thực hiện kế hoạch

Để thực hiện các mục tiêu của NĐTC 2014 – 2015, căn cứ các chủ trương mà Hội đồng Quản trị đã đề ra, Ban Tổng Giám đốc định hướng thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tới như sau:

Đối với hoạt động sản xuất

- Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề của đội ngũ kỹ su, công nhân vận hành nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động các dây chuyền và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ hàng chính phẩm, giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu và chi phí vận hành máy móc thiết bị, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn.

- Tiếp tục thực hiện kiểm soát chi phí, theo dõi chặt chẽ biến động về giá nguyên liệu trên thị trường, tính toán nhu cầu và thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp để chọn được giá mua tốt nhất, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Đối với hoạt động vận tải, cung ứng

- Thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm tối thiểu hóa thời gian và chi phí vận tải – cung ứng hàng hóa bao gồm: Nghiên cứu, tính toán phương thức, lộ trình vận tải tối ưu đối với từng đơn hàng; Thực hiện đấu thầu, chào giá cạnh tranh để lựa chọn đơn vị vận tải đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả phù hợp; Xây dựng, ban hành các quy tắc, hướng dẫn trong vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nhằm hạn chế rủi ro và đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình vận chuyển.

- Đầu tư tăng số lượng phương tiện vận tải hiện có để đáp ứng tốt hơn nhu cầu vận chuyển hàng hóa.

- Xây dựng mô hình quản trị hệ thống Logistic – Vận tải chặt chẽ, chuyên nghiệp để quản lý và khai thác có hiệu quả hệ thống này.

Đối với hoạt động kinh doanh

- Tiếp tục mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ, dự kiến trong năm 2015 sẽ thành lập thêm 50 chi nhánh và định hướng đến cuối năm 2017 tổng số chi nhánh sẽ đạt con số 300; tăng cường hiệu quả quản lý hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ thông qua việc xây dựng và hoàn thiện cơ chế, mô hình quản lý cũng như chính sách lương thưởng phù hợp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của kênh tiêu thụ chủ lực này.

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai Dự án ERP.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xuất khẩu, tìm kiếm, mở rộng các thị trường mới giàu tiềm năng.

Đối với hoạt động đầu tư

- Triển khai đầu tư nhanh Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An và Dự án Nhà máy Ống Thép Hoa Sen Bình Định, sớm đưa các dây chuyền vào hoạt động, nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn.

- Nghiên cứu các phương án đầu tư mới để mở rộng quy mô sản xuất, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường, đón đầu giai đoạn tăng trưởng mới.

Đối với công tác phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ kế thừa và quản trị viên dự nguồn; tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho cán bộ công nhân viên.

- Từng bước nâng cao các tiêu chuẩn, chuẩn mực trong tuyển dụng, tăng cường công tác đào tạo ban đầu nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa chất lượng.

- Tiếp tục áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc KPI cho niên độ tới.

Đối với hoạt động truyền thông – marketing

- Không ngừng đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu thông qua các chương trình marketing đa dạng, sáng tạo, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện các sự kiện truyền thông, các hoạt động từ thiện, tài trợ giàu tính nhân văn, tính cộng đồng nhằm thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và góp phần xây dựng thương hiệu Hoa Sen mạnh và thân thiện.

- Xây dựng chiến dịch truyền thông thể hiện cam kết mạnh mẽ của Tập đoàn Hoa Sen luôn đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng qua việc cung cấp các sản phẩm đúng giá, đúng tiêu chuẩn, đúng chất lượng.

- Lập tổng đài tư vấn miễn phí 18001515 nhằm hỗ trợ cho người tiêu dùng cách phân biệt tôn thật – tôn giả, đồng thời tư vấn thêm thông tin và hướng dẫn cho khách hàng chọn lựa đúng sản phẩm Tôn Hoa Sen chính hiệu.

900.000
TẤN
SẢN LƯỢNG THÀNH PHẨM TIÊU THỤ
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 – 2015

16.500
TỶ ĐỒNG
DOANH THU THUẦN
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 – 2015

450
TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2014 – 2015

Ông LÝ VĂN XUÂN
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Xuân là Phó Giáo su, Tiến sĩ Y khoa.

Ông là một cổ đông trung thành của Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu thành lập. Với uy tín cá nhân và tâm huyết đối với Tập đoàn, ông được ĐHĐCĐ tín nhiệm bầu là Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 – 2017.

Ông LÊ VŨ NAM
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Lê Vũ Nam là Phó Giáo su, Tiến sĩ Luật, chuyên ngành Luật Kinh Tế.

Hiện nay ông là Trưởng khoa Luật kiêm Trưởng Bộ môn Luật Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán của Trường Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của ông là: Luật Chứng khoán, Luật Ngân hàng, Luật Doanh nghiệp và Quản trị công ty.

Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiên cứu và phát triển thị trường, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM).

Ông LÊ ĐÌNH HẠNH
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lê Đình Hạnh có kinh nghiệm và am hiểu chuyên sâu về công tác kiểm soát tại Tập đoàn Hoa Sen qua các vị trí: Chuyên viên Kiểm toán Nội bộ, Phó Giám đốc Khối Kiểm soát và hiện là Giám đốc Khối Kiểm soát của Tập đoàn Hoa Sen.

Ông được ĐHĐCĐ tín nhiệm bầu vào thành phần Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 – 2017. Ông Lê Đình Hạnh tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.HCM chuyên ngành Tài chính – Tiền tệ – Tín dụng.

BÁO CÁO VỀ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 – 2014

Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập/không điều hành (từ ngày 29/04/2014 số thành viên độc lập/không điều hành là 02 thành viên) phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hàng tháng, Hội đồng Quản trị đều tổ chức họp định kỳ nhằm theo dõi sát tình hình hoạt động của Tập đoàn. Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên nhóm họp bất thường để thảo luận, thông qua các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều được tiến hành đúng thủ tục và có đại diện Ban Kiểm soát tham dự. Những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp đều thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Việc thảo luận và biểu quyết được thực hiện công khai, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, thông qua chức năng nhiệm vụ được phân công tại các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, cũng đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc tham mưu cho Hội đồng Quản trị về các mảng công tác mà mình phụ trách, giúp Hội đồng Quản trị đưa ra các chủ trương, quyết sách quản trị phù hợp.

Vấn đề công bố thông tin, báo cáo quản trị định kỳ được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư.

Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Thừa hành Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ các chủ trương, quyết sách mà Hội đồng Quản trị đề ra theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc được quy định trong Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen. Kết quả thực hiện các chủ trương, nghị quyết Hội đồng Quản trị đều được Ban Tổng Giám đốc báo cáo đầy đủ cho Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ hàng tháng và các cuộc họp giao ban hàng tuần có sự tham dự của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Phấn đấu hoàn thành đến mức cao nhất kế hoạch kinh doanh đã đặt ra, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện những giải pháp linh hoạt, phù hợp trong công tác điều hành, giúp Tập đoàn Hoa Sen trong điều kiện tình hình chung còn nhiều khó khăn vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng sản lượng và doanh thu cao, quy mô sản xuất ngày càng mở rộng.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN NĐTC 2013 – 2014

Qua các đợt kiểm tra định kỳ và bất thường công tác tài chính – kế toán của Tập đoàn Hoa Sen trong niên độ vừa qua, Ban Kiểm soát ghi nhận như sau:

- Tập đoàn Hoa Sen đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán.
- Các chứng từ kế toán được Tập đoàn Hoa Sen quản lý chặt chẽ và lưu trữ có hệ thống theo quy định, đảm bảo truy xuất nhanh chóng, đầy đủ khi có yêu cầu kiểm tra, kiểm toán.
- Việc mở sổ kế toán và sổ quỹ được thực hiện đúng theo quy định hiện hành, thực hiện ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các phiếu thu, phiếu chi và báo nợ/báo có của ngân hàng hàng ngày.

Dựa trên các báo cáo được Ban Tổng Giám đốc trình bày tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ, kết quả kiểm tra thực tế, cũng như số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (PwC Việt Nam), Ban Kiểm soát nhận định tình hình tài chính của Tập đoàn Hoa Sen ở trạng thái lành mạnh. Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao.

tự tin vươn Xa

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị doanh nghiệp 60
Quản trị rủi ro 70
Chính sách nguồn nhân lực 73
Thông tin cổ phần 78

Giới thiệu chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ 82
Giới thiệu các công ty con 84
Hệ thống chi nhánh 90

"Giải thưởng "Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014" trong lĩnh vực Kim loại và Khai khoáng do Tạp chí EUROMONEY trao tặng là minh chứng rõ ràng nhất cho thấy chất lượng quản trị của Tập đoàn Hoa Sen đã được công nhận ở tầm quốc tế."

Ngày 08/01/2014, Tập đoàn Hoa Sen đã vinh dự nhận vị trí hạng nhất cho giải thưởng "Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014" trong lĩnh vực Kim loại và Khai khoáng do Tạp chí tài chính uy tín thế giới Euromoney, Vương Quốc Anh trao tặng.

Euromoney Magazine là một tạp chí uy tín cung cấp những thông tin đặc sắc về tài chính, thị trường trái phiếu, cổ phiếu, các sản phẩm phái sinh và ngoại hối toàn cầu. Ra đời từ năm 1969, có trụ sở đặt tại Luân Đôn, Vương quốc Anh, hiện Euromoney đã trở thành tạp chí toàn cầu có mặt ở trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc Bắc Mỹ, Châu Mỹ Latin, Châu Âu, Châu Á.

Giải thưởng "Công ty được quản lý tốt nhất Châu Á năm 2014" được Tạp chí Euromoney bình chọn và phân tích dựa trên những tiêu chí quản trị khắt khe, thông qua bình chọn của 130 nhà phân tích thị trường tại các ngân hàng đầu tư và viện nghiên cứu hàng đầu tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương cho tổng cộng 207 doanh nghiệp niêm yết trong khu vực được phân chia theo quốc gia và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Các nhà phân tích được yêu cầu bình chọn các công ty niêm yết hàng đầu cho 07 hạng mục như: *Chiến lược chặt chẽ và thuyết phục nhất; Hệ thống quản trị doanh nghiệp tốt nhất; Ban quản lý cấp cao dễ tiếp cận nhất; Sổ sách tài chính minh bạch nhất; Tối đa hóa giá trị cổ đông; Website có đầy đủ thông tin và hữu ích nhất; Hoạt động kinh doanh được cải thiện nhất.*

Tập đoàn Hoa Sen được các nhà phân tích đánh giá cao trong việc cung cấp thông tin minh bạch đến nhà đầu tư cùng với chiến lược rõ ràng và tầm nhìn tốt. Bên cạnh đó, các nhà phân tích cũng nêu rõ trong khảo sát bình chọn *"Ban lãnh đạo của Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục chứng tỏ khả năng quản trị xuất sắc, minh bạch, cẩn trọng và có khung chiến lược rõ ràng".*

Sau đây là một số nét chính trong hoạt động quản trị, điều hành tại Tập đoàn Hoa Sen trong niên độ tài chính 2013 – 2014 nhằm giúp quý cổ đông, nhà đầu tư có được cái nhìn khách quan, toàn diện hơn về hiệu quả công tác quản trị của doanh nghiệp.

QUY TẮC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Dựa trên nền tảng là giá trị cốt lõi và triết lý kinh doanh, các quy tắc đạo đức kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen điều chỉnh các mối quan hệ đối nội và đối ngoại của doanh nghiệp, trong đó tập trung vào 05 mối quan hệ cơ bản giữa doanh nghiệp với:

- **Pháp luật:** Tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.
- **Khách hàng:** Luôn nỗ lực làm hài lòng khách hàng bằng những sản phẩm chất lượng tốt nhất, giá cả cạnh tranh và dịch vụ hậu mãi chu đáo.
- **Cổ đông:** Tối đa hóa lợi ích của cổ đông trong khuôn khổ quy định của pháp luật và đảm bảo sự công bằng về quyền lợi giữa các cổ đông.
- **Người lao động:** Tạo môi trường làm việc thân thiện, bình đẳng và cùng phát triển giữa các cán bộ nhân viên; Đảm bảo quyền lợi người lao động đúng theo quy định của pháp luật.
- **Cộng đồng:** Quan tâm thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; Chung tay góp sức xây dựng cộng đồng ngày một phát triển hơn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2013 – 2017 gồm 05 thành viên được Đại hội đồng cổ đông bầu chọn tại Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông ngày 06/03/2013 như sau:

- Ông **Lê Phước Vũ** : Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Ông **Trần Ngọc Chu** : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Ông **Phạm Gia Tuấn** : Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Ông **Lý Duy Hoàng** : Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Ông **Jean Eric Jacquemin** : Thành viên Hội đồng Quản trị.

Trong đó, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành gồm:

- Ông **Phạm Gia Tuấn** : Thành viên HĐQT độc lập.
- Ông **Jean Eric Jacquemin** : Thành viên HĐQT không điều hành.
- Ông **Lý Duy Hoàng** : Thành viên HĐQT độc lập.

Trong NĐTC 2013 – 2014, Hội đồng Quản trị đã chấp thuận đơn từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị của Ông Lý Duy Hoàng và bầu bổ sung ông Trần Quốc Trí vào Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết số 24/NQ/HĐQT/2014 ngày 29/04/2014. Việc bầu bổ sung này sẽ được Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ hội nghị Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị

Nhằm chuyên môn hóa chức năng, nhiệm vụ của từng thành viên, Hội đồng Quản trị phân công nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

- **Tiểu ban Tài chính và Quan hệ cổ đông**: do các ông Phạm Gia Tuấn – Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Tiểu ban và ông Jean Eric Jacquemin – Thành viên HĐQT không điều hành phụ trách;
- **Tiểu ban Đầu tư Dự án**: ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Trưởng Tiểu ban phụ trách;
- **Tiểu ban Tái cấu trúc và Nhân sự, Lương thưởng**: do ông Lý Duy Hoàng – Thành viên HĐQT độc lập, Trưởng Tiểu ban và ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch Hội đồng Quản trị phụ trách (ngày 29/04/2014 ông Lý Duy Hoàng từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị. Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch Hội đồng Quản trị tạm thời phụ trách chính Tiểu ban này).

Hỗ trợ cho các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị là các phòng ban, bộ phận nghiệp vụ liên quan. Các phòng ban, bộ phận này sẽ trực tiếp xử lý công việc của Tiểu ban và báo cáo cho Tiểu ban về kết quả thực hiện.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Trong niên độ tài chính 2013 – 2014, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 93 cuộc họp, bao gồm 12 phiên họp định kỳ hàng tháng và 81 phiên họp bất thường nhằm kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Số lượng và tỷ lệ tham dự các phiên họp Hội đồng Quản trị của các thành viên Hội đồng Quản trị được thống kê như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	93	100%	
2	Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	93	100%	
3	Ông Phạm Gia Tuấn	Thành Viên	93	100%	
4	Ông Jean Eric Jacquemin	Thành Viên	93	100%	
5	Ông Lý Duy Hoàng	Thành Viên	52	100%	Từ nhiệm TV.HĐQT từ ngày 29/04/2014
6	Ông Trần Quốc Trí	Thành Viên	40	100%	Bổ nhiệm TV.HĐQT từ ngày 29/04/2014

Dưới đây là bảng tóm tắt nội dung một số cuộc họp quan trọng của Hội đồng Quản trị trong niên độ tài chính 2013 – 2014:

STT	Nghị Quyết	Phiên họp ngày	Các nội dung được thông qua
1	Số 53A/NQ/HĐQT/2013	15/10/2013	Thông qua quyết định thuê tòa nhà văn phòng tại số 183 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh làm nơi làm việc.
2	Số 55/NQ/HĐQT/2013	24/10/2013	Thông qua việc triệu tập Hội nghị thường niên ĐHĐCĐ năm 2014.
3	Số 65/NQ/HĐQT/2013	21/11/2013	Thông qua việc thay đổi địa chỉ Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại Tp.HCM.
4	Số 66A/NQ/HĐQT/2013	06/12/2013	Thông qua chủ trương xúc tiến đầu tư thành lập Công ty thương mại tại Indonesia.
5	Số 02/NQ/HĐQT/2014	08/01/2014	Thông qua chủ trương chi trả cổ tức đợt 1 của NĐTC 2012 –2013
6	Số 11/NQ/HĐQT/2014	20/02/2014	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (PwC Việt Nam) là đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con niên độ tài chính 2013 – 2014.
7	Số 14/NQ/HĐQT/2014	10/03/2014	Thông qua việc thành lập Văn phòng Đại diện Tập đoàn Hoa Sen tại Myanmar và cử người chịu trách nhiệm điều hành các hoạt động kinh doanh của Văn phòng đại diện Tập đoàn Hoa Sen tại Myanmar.
8	Số 17A/NQ/HĐQT/2014	31/03/2014	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông và thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng cổ đông về việc tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên tối đa 60% vốn điều lệ của HSG (trong trường hợp pháp luật cho phép).
9	Số 24/NQ/HĐQT/2014	29/04/2014	Thông qua việc từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị (Ông Lý Duy Hoàng) và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị (Ông Trần Quốc Trí).
10	Số 27/NQ/HĐQT/2014	08/05/2014	Thông qua việc thành lập Công ty TNHH MTV Ống Thép Hoa Sen Bình Định.
11	Số 28A/NQ/HĐQT/2014	16/05/2014	Tạm hoãn triển khai Dự án Công ty Liên doanh Tôn Hoa Sen – Thái Lan (phiên họp định kỳ tháng 05/2014).
12	Số 31/NQ/HĐQT/2014	21/05/2014	Thông qua việc thành lập Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Nghệ An.
13	Số 45/NQ/HĐQT/2014	12/09/2014	Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc Xuất khẩu đối với ông Phan Duy Quang.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Hàng tháng tại các phiên họp định kỳ của Hội đồng Quản trị, các Tiểu ban đều báo cáo chi tiết tình hình hoạt động trong tháng và đề xuất Hội đồng Quản trị thông qua chủ trương, định hướng đối với các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tiểu ban.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo phân công của Hội đồng Quản trị, trong niên độ tài chính 2013 – 2014 các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị đã tiến hành các hoạt động như sau:

Hoạt động của Tiểu ban Tái cấu trúc và Nhân sự, Lương thưởng

Công tác Tái cấu trúc và Nhân sự

- Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức phù hợp với thực tiễn hoạt động;
- Nghiên cứu soạn thảo quy chế hoạt động của các đơn vị trong Tập đoàn: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám đốc; Quy định về phân cấp, phân quyền các cấp quản trị, quản lý của Tập đoàn; Quy chế hoạt động các Khối chức năng trực thuộc Tập đoàn;
- Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức về nhân sự: Xây dựng tiêu chuẩn về đánh giá cán bộ quản lý, quản trị viên dự nguồn; Quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý của Tập đoàn; Chính sách quy hoạch, luân chuyển, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Vấn đề Lương thưởng, phúc lợi

- Nghiên cứu, xây dựng và đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện chính sách về lương thưởng, phúc lợi, khen thưởng – kỷ luật của Tập đoàn.

Xử lý một số vấn đề khác liên quan đến công tác tái cấu trúc và nhân sự, lương thưởng của Tập đoàn

Hoạt động của Tiểu ban Đầu tư Dự án

Triển khai thực hiện các Dự án trọng điểm trong và ngoài nước của Tập đoàn Hoa Sen đã được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng Quản trị phê duyệt, bao gồm:

- **Trong nước:** Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ Giai đoạn 2, Dự án đầu tư mở rộng Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Nghệ An, Dự án Nhà máy Ống thép Hoa Sen Bình Định.
- **Ngoài nước:** Nghiên cứu, xây dựng các phương án đầu tư nước ngoài theo định hướng phát triển của Tập đoàn.

Nghiên cứu, tham mưu và đề xuất Hội đồng Quản trị các phương án đầu tư triển vọng để Hội đồng Quản trị quyết định triển khai hoặc đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Triển khai, giám sát các hoạt động đầu tư khác của Tập đoàn.

Hoạt động của Tiểu Ban Tài chính và Quan hệ cổ đông

Công tác Giám sát tài chính

- Định kỳ soát xét các báo cáo tài chính của Công ty, đảm bảo tính chính xác, minh bạch trong các số liệu tài chính khi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông và nhà đầu tư;
- Thẩm tra các báo cáo thực hiện chi phí tài chính hàng tháng do Ban Tổng Giám đốc thực hiện, từ đó đề xuất Hội đồng Quản trị về các định hướng liên quan đến công tác quản trị tài chính;
- Tiến hành kiểm tra bất thường đối với các số liệu tài chính của Công ty nhằm đảm bảo tình hình tài chính của Công ty luôn trong trạng thái lành mạnh.

Hoạt động Công bố thông tin

- Thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường đúng theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính;
- Chủ động công bố thông tin đối với những thông tin quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền lợi cũng như các quyết định đầu tư của nhà đầu tư.

Hoạt động Chi trả cổ tức

- Đưa ra ý kiến tham mưu cho Hội đồng Quản trị về tỷ lệ, hình thức và thời điểm chi trả cổ tức phù hợp nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty;
- Hướng dẫn, giúp cổ đông giải quyết các thắc mắc, yêu cầu về cổ phần, chuyển nhượng cổ phần và các yêu cầu khác liên quan.

Các hoạt động khác

- Tham gia các cuộc họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông; chủ trì soạn thảo tài liệu họp và công bố đầy đủ tài liệu trên website để các cổ đông tham khảo, làm cơ sở để cổ đông thảo luận và biểu quyết tại hội nghị đúng theo quy định của pháp luật; trả lời đầy đủ, chu đáo tất cả các câu hỏi do cổ đông đặt ra tại hội nghị trong thời hạn hợp lý;
- Tổ chức các buổi hội nghị khách hàng nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ hợp tác với các đối tác và nhà đầu tư;
- Tham gia gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trình bày, giải đáp các vấn đề mà nhà đầu tư quan tâm, tạo sự tin tưởng nơi nhà đầu tư.

GIÁM SÁT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong NĐTC 2013 – 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua chủ trương bổ nhiệm Ông Phan Duy Quang đảm nhiệm chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất khẩu. Cơ cấu nhân sự hiện tại của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Ông **Trần Ngọc Chu** : Tổng Giám đốc.
- Ông **Trần Quốc Trí** : Phó Tổng Giám đốc Trực.
- Ông **Hoàng Đức Huy** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát.
- Ông **Nguyễn Minh Khoa** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Cung ứng.
- Ông **Nguyễn Văn Quý** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư và Sản xuất.
- Ông **Vũ Văn Thanh** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính và Marketing.
- Ông **Hồ Thanh Hiếu** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh.
- Ông **Phan Duy Quang** : Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất khẩu.

Nhằm sâu sát tình hình hoạt động của doanh nghiệp, tại các phiên họp định kỳ hàng tháng Hội đồng Quản trị đều yêu cầu sự tham gia của Ban Tổng Giám đốc và một số cán bộ quản lý để báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng cho Hội đồng Quản trị và thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, trình bày kế hoạch kinh doanh của tháng tiếp theo và phương hướng để hoàn thành kế hoạch đề ra.

Ngoài ra các cuộc họp giao ban hàng tuần cùng Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối chức năng và Giám đốc các Công ty con cũng đều có sự tham gia của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị điều hành nhằm giám sát, theo dõi công tác quản lý điều hành và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị.

Niên độ tài chính 2013 – 2014, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị. Các chủ trương, chỉ đạo mà Hội đồng Quản trị đưa ra cũng được Ban Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VÀ KIỂM TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP

Môi trường kiểm soát nội bộ chặt chẽ

Công tác kiểm soát là một trong những nghiệp vụ quan trọng tại Tập đoàn Hoa Sen và là công cụ giám sát hiệu quả của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc nhằm bảo vệ tối đa tài sản của doanh nghiệp và lợi ích của cổ đông.

Theo đó, Tập đoàn Hoa Sen duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ chuyên nghiệp tham gia giám sát, kiểm soát chặt chẽ tất cả các mảng hoạt động của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ đều tuân thủ đúng quy trình đã ban hành, hạn chế tối đa các vấn đề tiêu cực có thể phát sinh.

Ngoài hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, Tập đoàn còn thành lập các bộ phận chuyên trách thực hiện các công tác đầu thầu, chào giá cạnh tranh, kiểm soát giá nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, dịch vụ mua ngoài nhằm tiết giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp.

Môi trường kiểm toán minh bạch

Đặt vấn đề trung thực lên hàng đầu trong công tác quản trị, Tập đoàn Hoa Sen luôn cố gắng tạo một môi trường kiểm toán minh bạch, thuận lợi nhất để các tổ chức kiểm toán cũng như các co quan quản lý nhà nước, khi có yêu cầu, có thể dễ dàng tiếp cận và thu thập số liệu. Các số liệu trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp đều sát với thực tế hoạt động, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ về kế toán, kiểm toán và quy định của pháp luật.

THÙ LAO, THU NHẬP KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(theo quy định tại Phụ lục II về Báo cáo thường niên ban hành kèm Thông tu 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.)

STT	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	20.000.000
2	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	13.000.000
3	Thành viên Hội đồng Quản trị	11.000.000

Các khoản thu nhập khác tại doanh nghiệp của Thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/ Thù lao (đồng/tháng)
1	Lê Phước Vũ	Trưởng Ban quản lý Dự án	100.000.000
		Trưởng Ban Tái cấu trúc	7.000.000
2	Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	100.000.000
		CT.HĐTV Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	8.000.000
		Phó Ban Tái cấu trúc	5.000.000
3	Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc Trực	80.000.000
		Phó Ban Tái cấu trúc	5.000.000

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong niên độ tài chính 2013 – 2014, Ban Kiểm soát tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ trong việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông. Cụ thể trong niên độ vừa qua, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công tác sau:

- Tham dự đầy đủ và tích cực các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị. Đặt câu hỏi chất vấn, đề nghị giải trình đối với các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, đồng thời đưa ra những ý kiến đóng góp và đề xuất kịp thời, phù hợp nhằm giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn ổn định và đạt hiệu quả cao, qua đó quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư luôn được đảm bảo.

- Xem xét, thẩm tra các báo cáo tài chính của Tập đoàn bao gồm các Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên, hợp nhất cả niên độ, Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty thành viên; các khoản công nợ, hàng tồn kho, chứng từ thu – chi, xuất nhập khẩu hàng hóa, v.v…

- Giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông nhu cập nhật thông tin cổ đông; các vấn đề liên quan đến cổ phần – cổ phiếu; công bố thông tin; v.v…

- Phối hợp cùng Bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện các đợt kiểm tra hoạt động của các chi nhánh, công ty con của Tập đoàn. Thẩm định và tham gia xác nhận các chứng từ hoàn công và thanh toán của các Dự án, đồng thời giám sát việc triển khai cũng như tính hiệu quả của các Dự án để có kiến nghị điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT

Thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)
1	Trưởng Ban Kiểm soát	9.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	7.000.000

Các khoản thu nhập khác của Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/Thù lao (đồng/tháng)
1	**Lê Đình Hạnh**	Giám đốc Khối Kiểm soát	30.000.000
		Trưởng Ban Kiểm soát Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen	2.000.000

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

- Tổ chức thành công Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông NĐTC 2013 – 2014.
- Thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.
- Thực hiện Bản tin Tập đoàn Hoa Sen định kỳ mỗi quý nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Thực hiện chi trả cổ tức của NĐTC 2012 – 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/01/2014.
- Tổ chức các buổi gặp gỡ nhà đầu tư nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác với các nhà đầu tư.

QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

- Tài trợ và đồng tổ chức chuỗi sự kiện "Nick Vujicic đến Việt Nam" từ ngày 22/5 đến 26/5/2013.
- Tổ chức chương trình "Mái ấm gia đình Việt – Xuân Giáp Ngọ 2014" năm thứ 5 liên tiếp cho hơn 1.500 em nhỏ đến từ các mái ấm, nhà mở, Hội người mù trong khu vực TP.HCM, các trường giáo dưỡng ở Đồng Nai, Long An và các bạn sinh viên xa nhà có điều kiện đón một đêm giao thừa vui tươi và ấm áp. Tài trợ các Quỹ khuyến học, Quỹ từ thiện.
- Cũng nằm trong chuỗi hoạt động của chương trình thường niên "Mái ấm gia đình Việt", đây là năm thứ 2 liên tiếp Đêm hội Trung thu 2014 được tổ chức nhằm tạo sân chơi lành mạnh, giúp cho gần 1.500 em có hoàn cảnh đặc biệt từ các mái ấm, nhà mở, trường giáo dưỡng tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận đón một mùa Trung thu đầy ý nghĩa và vui tươi. Chương trình do Tập đoàn Hoa Sen, Báo Công an TPHCM và Đài Truyền hình TP.HCM phối hợp tổ chức tại Trung tâm ca nhạc Lan Anh.
- Đặc biệt, tháng 5/2014, Tập đoàn Hoa Sen là đơn vị đồng tổ chức và tài trợ chương trình "Tỏa sáng Nghị lực Việt" nhằm tôn vinh những tấm gương vượt lên số phận và đạt những thành tích tốt, cũng như có những đóng góp tích cực cho xã hội. Với thông điệp "Sống Trung thực – Sống Trách nhiệm – Sống Nghị lực", chương trình đã thổi bùng lên ngọn lửa quyết tâm và tinh thần vươn lên chiến thắng chính bản thân mình của tầng lớp thanh thiếu niên Việt Nam. Chương trình có sự tham gia của vị khách mời đặc biệt, diễn giả Nick Vujicic.
- Ngoài ra, Tập đoàn còn có các chương trình tài trợ thường niên như: Vượt lên chính mình, Yêu thương Cuộc sống, Chuyện không của riêng ai (chương trình được phát sóng trên Đài Truyền hình TP.HCM), Giải bóng đá (futsal) Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt do Báo Công an TP.HCM tổ chức, Trái tim nhân ái (chương trình được phát sóng trên Đài Truyền hình Vĩnh Long), Danh ngôn và cuộc sống, Lục Lạc Vàng (chương trình được phát sóng trên Đài Truyền hình Việt Nam) và nhiều chương trình khác.

"Để giảm thiểu các rủi ro có thể gặp, Tập đoàn đã xây dựng một chiến lược quản lý rủi ro để đảm bảo mục tiêu kinh doanh, tạo ra lợi thế cạnh tranh nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất. Việc thành lập các bộ phận chức năng: Kiểm soát nội bộ, Pháp chế, Thẩm định giá, Ban Vật tư để kiểm soát những rủi ro có thể xảy ra đã đem lại những kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh và kiểm soát toàn bộ Tập đoàn."

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tổng cầu. Khi nền kinh tế tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm tôn thép, vật liệu xây dựng, trong đó có các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen cũng sẽ tăng lên. Ngược lại, khi nền kinh tế suy giảm thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm tôn thép, vật liệu xây dựng cũng sẽ sụt giảm. Do đó, Tập đoàn luôn chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành để chủ động ứng phó với mọi tình huống nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất.

Tập đoàn nhập khẩu phần lớn thép cán nóng (nguyên liệu chính) từ nước ngoài, nên việc cập nhật, phân tích giá thép cán nóng trong và ngoài nước, chọn lựa thời điểm thích hợp để mua với giá tốt nhất, hạn chế mọi rủi ro về nguyên liệu luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quan tâm chú trọng.

Sự biến động giá bán sản phẩm trên thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen. Do đó, chính sách giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thị trường ở từng thời điểm.

QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Trong hoạt động sản xuất, Tập đoàn Hoa Sen luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để giảm giá thành sản phẩm. Bộ phận Thẩm định giá và Bộ phận Vật tư phối hợp xem xét lựa chọn những nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu có chất lượng phù hợp với giá cả hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro về nguyên vật liệu. Đồng thời, Bộ phận Kiểm soát Nội bộ sẽ kiểm tra lại tất cả các khoản chi phí mua hàng để đảm bảo tính trung thực, chính xác và minh bạch.

Tập đoàn luôn có những kế hoạch bảo trì sửa chữa thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng tốt nhất, bảo đảm vận hành an toàn và hiệu quả.

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá, rủi ro biến động lãi suất, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro thanh khoản.

Căn cứ vào doanh thu xuất khẩu, Ban Tổng Giám đốc cân đối cơ cấu dư nợ vay giữa VND và USD để đảm bảo có lãi suất vay bình quân thấp nhất nhưng vẫn có đủ nguồn USD để trả nợ vay ngoại tệ để giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá trình Hội đồng Quản trị xem xét và đưa ra định hướng cơ cấu vay hàng tháng.

Đối với các khách hàng mới, Tập đoàn yêu cầu có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng thì mới giao hàng. Đối với các khách hàng truyền thống, căn cứ tình hình tài chính, tài sản bảo đảm, uy tín giao dịch của từng khách hàng và đề xuất của các đơn vị bán hàng, Tập đoàn cấp hạn mức nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ. Định kỳ hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc xem xét lại các hạn mức nợ này. Các đơn vị bán hàng chịu trách nhiệm thu hồi công nợ đúng hạn. Bộ phận Kiểm soát Nội bộ giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban Tổng Giám đốc tình hình nợ phải thu hàng ngày. Nếu phát sinh nợ phải thu khó đòi, Bộ phận Pháp chế sẽ thực hiện các biện pháp thu hồi nợ kể cả đưa vụ việc ra cơ quan pháp luật giải quyết.

Bộ phận Tài chính lập và báo cáo kế hoạch dòng tiền hàng tuần để Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp điều hành kinh doanh linh hoạt, đảm bảo không có khoản phải trả quá hạn.

QUẢN LÝ RỦI RO THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH

Văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen. Ban Trợ lý giữ vai trò quan trọng trong việc cập nhật và tư vấn những văn bản pháp luật mới ban hành để giảm thiểu rủi ro về thay đổi chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

QUẢN LÝ RỦI RO KHÁC

Để giảm thiểu những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn,... Tập đoàn luôn dành một khoản chi phí không nhỏ cho việc mua bảo hiểm mọi rủi ro tai nạn 24/24 giờ cho mọi CBCNV và bảo hiểm cho mọi rủi ro tài sản của Tập đoàn.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

TỔNG SỐ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN CỦA HOA SEN

4.269

NGƯỜI

TÍNH ĐẾN THÁNG 09/2014

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ NHÂN VIÊN NĐTC 2013 – 2014

CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2013 – 2014

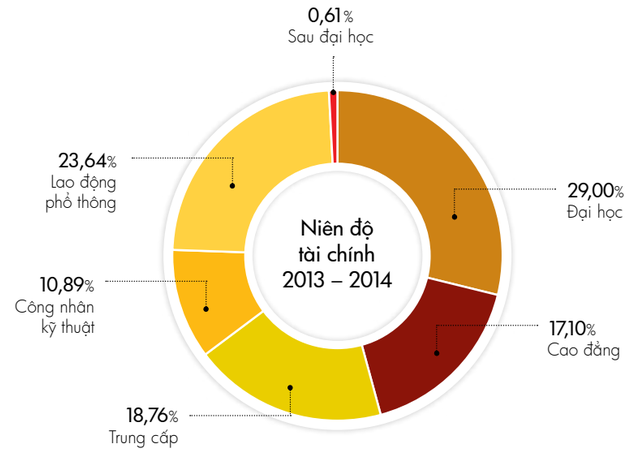

Biểu đồ co cấu trình độ nhân sự Hoa Sen Group NĐTC 2013 – 2014

MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

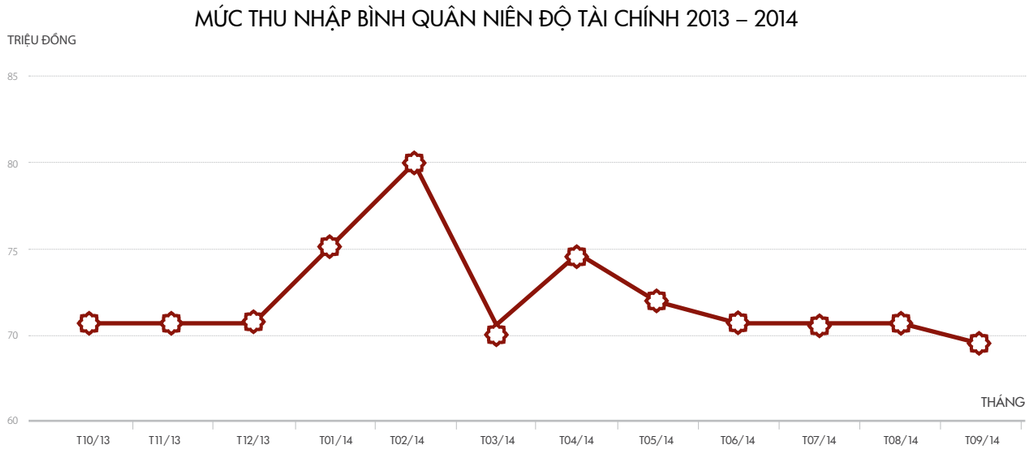

Ghi chú: Thu nhập tháng 01, 02, 04, 05/2014 tăng so với các tháng khác do có tiền tăng ca làm Tết, tăng ca Lễ.

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA CBCNV QUA CÁC NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH

MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA CÁC CBCNV QUA CÁC NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH

Niên độ tài chính	Thu nhập đồng/người/tháng
2008 – 2009	3.928.000
2009 – 2010	4.850.000
2010 – 2011	5.735.000
2011 – 2012	6.818.000
2012 – 2013	8.035.000
2013 – 2014	8.278.000

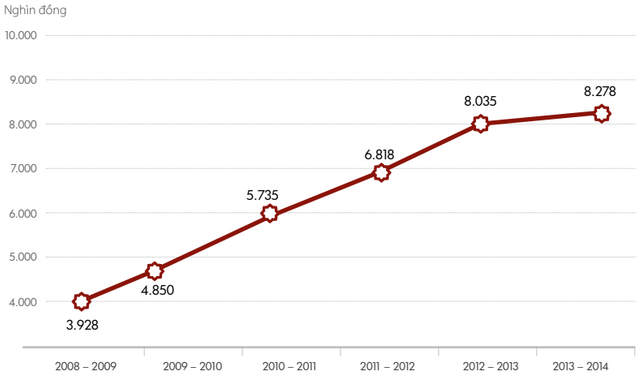

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Trong NĐTC 2013 – 2014, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thông qua các hoạt động nổi bật sau:

- Tiếp tục phát triển hơn nữa chương trình "Quản trị viên Dự nguồn", tuyển dụng các sinh viên khá giỏi, năng động từ các trường đại học lớn, uy tín như Đại học Bách Khoa TP. HCM, Đại học Kinh tế – Luật, Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc Gia TP. HCM, Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế TP. HCM… Đặc biệt, trong NĐTC 2013 – 2014, Hoa Sen đã tuyển thêm 34 du học sinh từ nhiều quốc gia như: Anh, Mỹ, Úc, Nga, Singapore, New Zealand… đưa vào chương trình đào tạo, theo dõi, định hướng và phát triển thành những cán bộ quản lý nòng cốt trong tương lai.

- Hoa Sen tiếp tục là đối tác chiến lược của Đại học Quốc gia TP. HCM nói chung và các trường thành viên Đại học Quốc gia TP. HCM nói riêng, tài trợ học bổng cho các sinh viên nghèo vượt khó học giỏi, đẩy mạnh mối quan hệ giữa Doanh nghiệp và Nhà trường trong sự nghiệp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Việc phát triển nguồn nhân lực của Hoa Sen được gắn kết chặt chẽ với các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo liên kết với các đơn vị bên ngoài. Trong NĐTC này, Hoa Sen đã tổ chức 24 khóa học đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. Các khóa đào tạo tại Hoa Sen được diễn ra xuyên suốt bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc như đào tạo hội nhập, sơ cấp cứu, an toàn lao động, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, PCCC, sơ cấp cứu…; các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, năng lực như kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp bán hàng chuyên nghiệp, đàm phán thương lượng… Nội dung các khóa học theo sát nhu cầu của CBCNV Tập đoàn, được triển khai theo hướng hiện đại, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, mang tính ứng dụng thực tiễn cao, các học viên có cơ hội thâm nhập thực tế qua những chia sẻ của cả giảng viên và góp ý của các học viên.

- Đặc biệt, Tập đoàn đã triển khai khóa học nâng cao ngoại ngữ dành cho cán bộ quản lý của Tập đoàn – đây có thể coi là một trong những chương trình đào tạo trọng điểm nhằm hoàn thiện hơn nữa các kỹ năng cũng như kiến thức cho các cán bộ quản lý.

Ông Vũ Văn Thanh (bìa trái) – Phó Tổng Giám đốc đại diện Tập đoàn Hoa Sen trao tặng bảng tượng trưng 200 triệu đồng cho Quỹ học bổng "Đồng hành Vượt khó" của Trường Đại học Kinh tế – Luật.

Ông Trần Ngọc Chu trao giấy chứng nhận cho các CBCNV tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ "Kỹ năng quản lý thời gian và lập kế hoạch hiệu quả".

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách lương và phụ cấp

Với quan điểm mức lương, thu nhập phải tương xứng, phù hợp với năng lực và cạnh tranh so với thị trường, Tập đoàn Hoa Sen không ngừng rà soát, đánh giá nhân sự, so sánh năng lực với mức thu nhập, mức lương trên thị trường và tình hình lạm phát để điều chỉnh mức lương CBCNV.

Chính sách lương khoán, lương kinh doanh vẫn được áp dụng linh hoạt theo định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, khuyến khích, tạo động lực cho CBCNV làm việc tích cực hơn nữa. Tập đoàn có những chính sách hỗ trợ, thưởng cho các CBCNV của các đơn vị kinh doanh khi họ phát triển được khách hàng, thị trường mới. Đây cũng là một trong những chính sách để phát triển hơn nữa khách hàng và thị trường cũng như sản lượng, thương hiệu của Tập đoàn Hoa Sen.

Chính sách phụ cấp vẫn được duy trì như NĐTC trước bao gồm: Phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp dụ nguồn, phụ cấp điện thoại, phụ cấp công tác, phụ cấp thâm niên… Các khoản phụ cấp này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng, tạo động lực, giúp người lao động yên tâm làm việc.

Chế độ bảo hiểm

Các CBCNV khi trở thành nhân viên chính thức của Tập đoàn thì đều được tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm theo Luật quy định của Nhà nước: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.

Tập đoàn Hoa Sen luôn luôn là đơn vị tiên phong thực hiện tốt công tác Bảo hiểm và nhiều năm liền nhận bằng khen của Co quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương. Trong NĐTC 2013 – 2014, Tập đoàn tiếp tục điều chỉnh mức đóng Bảo hiểm cho người lao động theo quy định mức lương tối thiểu của Chính phủ vào tháng 01/2014.

Chính sách khen thưởng

Chính sách khen thưởng của Tập đoàn Hoa Sen nhằm tôn vinh, động viên kịp thời các cá nhân có thành tích, cống hiến, qua đó, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy trí tuệ, tài năng, sức lao động phục vụ cho sự phát triển của Công ty.

Hàng năm, Tập đoàn Hoa Sen đều áp dụng các hình thức thưởng cho các CBCNV có thành tích cao trong công việc, có đóng góp lớn cho sự phát triển của Tập đoàn. Trong NĐTC 2013 – 2014, Tập đoàn Hoa Sen đã có các chính sách thưởng dành cho CBCNV như sau: Thưởng lương tháng 13, thưởng theo hiệu quả công việc hàng tháng, thưởng sáng kiến, thưởng tiết giảm chi phí, thưởng hoàn thành Dự án,… Các chính sách thưởng luôn được phân chia một cách công bằng và xứng đáng cho sự đóng góp của CBCNV.

Chế độ chính sách phúc lợi khác

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo qui định pháp luật, Tập đoàn Hoa Sen còn áp dụng các chế độ phúc lợi như: khám sức khỏe định kỳ, nghỉ mát hàng năm…; vẫn duy trì và đảm bảo các chế độ khác như: Hỗ trợ ăn trưa, ăn giữa ca tại nhà máy, cấp phát đồng phục, bảo hiểm tai nạn 24/24, mừng kết hôn, sinh con, hỗ trợ CBCNV khi có tang chế…. Ngoài ra, CBNV nữ được hỗ trợ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản.

Ngày 14/02/2014, tại TP.HCM, Công ty Anphabe và Nielsen tổ chức lễ công bố kết quả khảo sát "100 noi làm việc tốt nhất Việt Nam". Theo đó, Tập đoàn Hoa Sen đứng thứ 3 trong ngành vật liệu xây dựng và đạt vị trí 47/100 trong danh sách 100 công ty có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam. Trong danh sách được công bố, có đến 89 công ty nước ngoài và chỉ có 11 công ty Việt Nam.

Các hoạt động cho CBCNV

Trong niên độ tài chính 2013 – 2014, Công đoàn cơ sở kết hợp với Tập đoàn đã tổ chức những hoạt động văn nghệ, thể thao sôi nổi chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCBV như:

- Tổ chức hoạt động vui chơi "Hoa Sen Thanh lịch" nhân ngày 08/03.
- Thi nấu ăn mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.
- Hội thi "Tiếng hát Sen vàng 2014" nhằm tìm kiếm và tôn vinh các giọng ca xuất sắc của Tập đoàn, trình diễn trong ngày kỉ niệm thành lập Tập đoàn 08/08/2014.
- Tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi.
- Tuyên dương và tặng những phần thưởng có giá trị cho con của CBCNV trong Tập đoàn có thành tích xuất sắc trong học tập.
- Tổ chức chuỗi sự kiện "Mái ấm gia đình Việt – Đêm hội trung thu 2014" dành cho các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng thời kết hợp tổ chức đón trung thu cho con CBCNV…

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

BIỂU ĐỒ GIÁ CỔ PHIẾU HSG NĐTC 2013 – 2014

THÔNG TIN VỀ CỔ TỨC

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ thực hiện	Hình thức chi trả	Ngày thanh toán
1	Chi trả cổ tức đợt 01 NĐTC 2012 – 2013	10% mệnh giá (Mỗi cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)	Tiền mặt	19/02/2014
2	Chi trả cổ tức đợt 02 NĐTC 2012 – 2013	10% mệnh giá (Mỗi cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)	Tiền mặt	03/07/2014

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 05/12/2014

STT	Thành phần cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Hội đồng Quản trị	15.953.560	15,83%
2	Cổ đông trong nước khác	35.086.124	34,81%
	- Cá nhân trong nước khác	*8.244.849*	*8,18%*
	- Tổ chức trong nước	*26.841.275*	*26,63%*
3	Cổ đông nước ngoài	45.273.414	44,92%
4	Cổ phiếu quỹ	4.477.692	4,44%
	Tổng cộng	100.790.790	100%

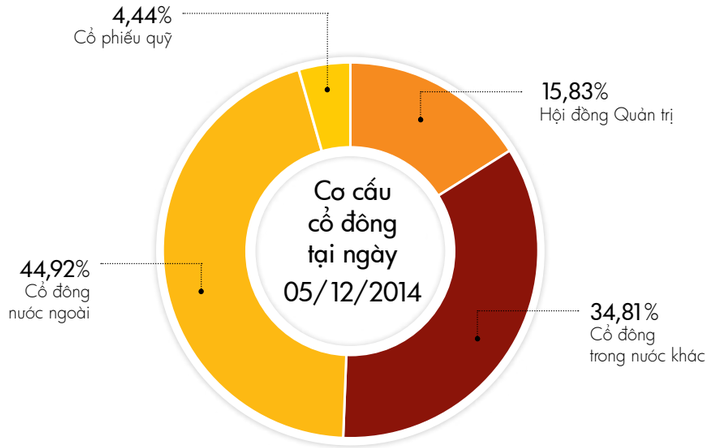

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ 5% VỐN CỔ PHẦN TRỞ LÊN TẠI NGÀY 05/12/2014

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	**Công ty TNHH MTV Tam Hỷ**	3702257523	Số 9, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	22.000.000	21,83%
2	**Lê Phước Vũ**	023327821	19 Giang Văn Minh, P. An Phú, Q.2, TP. Hồ Chí Minh	15.867.152	15,74%
3	**Red River Holding**	CA1288	Số 9A Tú Xuong, P. 7, Q. 3, Tp. Hồ Chí Minh	14.415.679	14,30%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	**Lê Phước Vũ**	15.867.152	15,74%
2	**Hồ Văn Hoàng**	630.439	0,63%
3	**Hoàng Đức Huy**	6.400	0,006%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI NGÀY 05/12/2014

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	**Lê Phước Vũ**	Chủ tịch HĐQT	15.867.152	15,74%
2	**Trần Ngọc Chu**	Phó Chủ tịch HĐQT	86.400	0,09%
3	**Phạm Gia Tuấn**	Thành viên HĐQT	-	-
4	**Jean Eric Jacquemin**	Thành viên HĐQT	-	-
5	**Trần Quốc Trí**	Thành viên HĐQT	8	-

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG TẠI NGÀY 05/12/2014

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	**Trần Ngọc Chu**	Tổng Giám đốc	86.400	0,09%
2	**Hoàng Đức Huy**	Phó Tổng Giám đốc	6.400	0,006%
3	**Trần Quốc Trí**	Phó Tổng Giám đốc	8	-
4	**Nguyễn Minh Khoa**	Phó Tổng Giám đốc	6.100	0,006%
5	**Nguyễn Văn Quý**	Phó Tổng Giám đốc	2.000	0,002%
6	**Vũ Văn Thanh**	Phó Tổng Giám đốc	15.552	0,02%
7	**Hồ Thanh Hiếu**	Phó Tổng Giám đốc	-	-
8	**Phan Duy Quang**	Quyền Phó Tổng Giám đốc	-	-
9	**Nguyễn Thị Ngọc Lan**	Kế toán Trưởng	3.184	0,003%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI NGÀY 05/12/2014

STT	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	**Lê Vũ Nam**	Trưởng BKS	9.000	0,01%
2	**Lý Văn Xuân**	Thành viên BKS	86.400	0,09%
3	**Lê Đình Hạnh**	Thành viên BKS	2.138	0,002%

SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TẠI NGÀY 05/12/2014

STT	Họ tên	Tên cổ đông có liên quan	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	**Lê Phước Vũ**	Công ty TNHH MTV Tam Hỷ	Công ty do ông Lê Phước Vũ làm chủ sở hữu	22.000.000	21,83%
2	**Jean Eric Jacquemin**	Quỹ đầu tư Red River Holding	Quỹ do ông Jean Eric Jacquemin làm đại diện	14.415.679	14,30%
3	**Lý Văn Xuân**	Võ Thị Sơn Ca	Vợ	18.000	0,02%
		Lý Khánh Vân	Con	9.000	0,01%
4	**Hoàng Đức Huy**	Hoàng Đức Hoàng	Em	2	-
		Hoàng Đức Cảnh	Em	4	-
5	**Nguyễn Minh Khoa**	Nguyễn Thị Minh Thu	Em	9	-

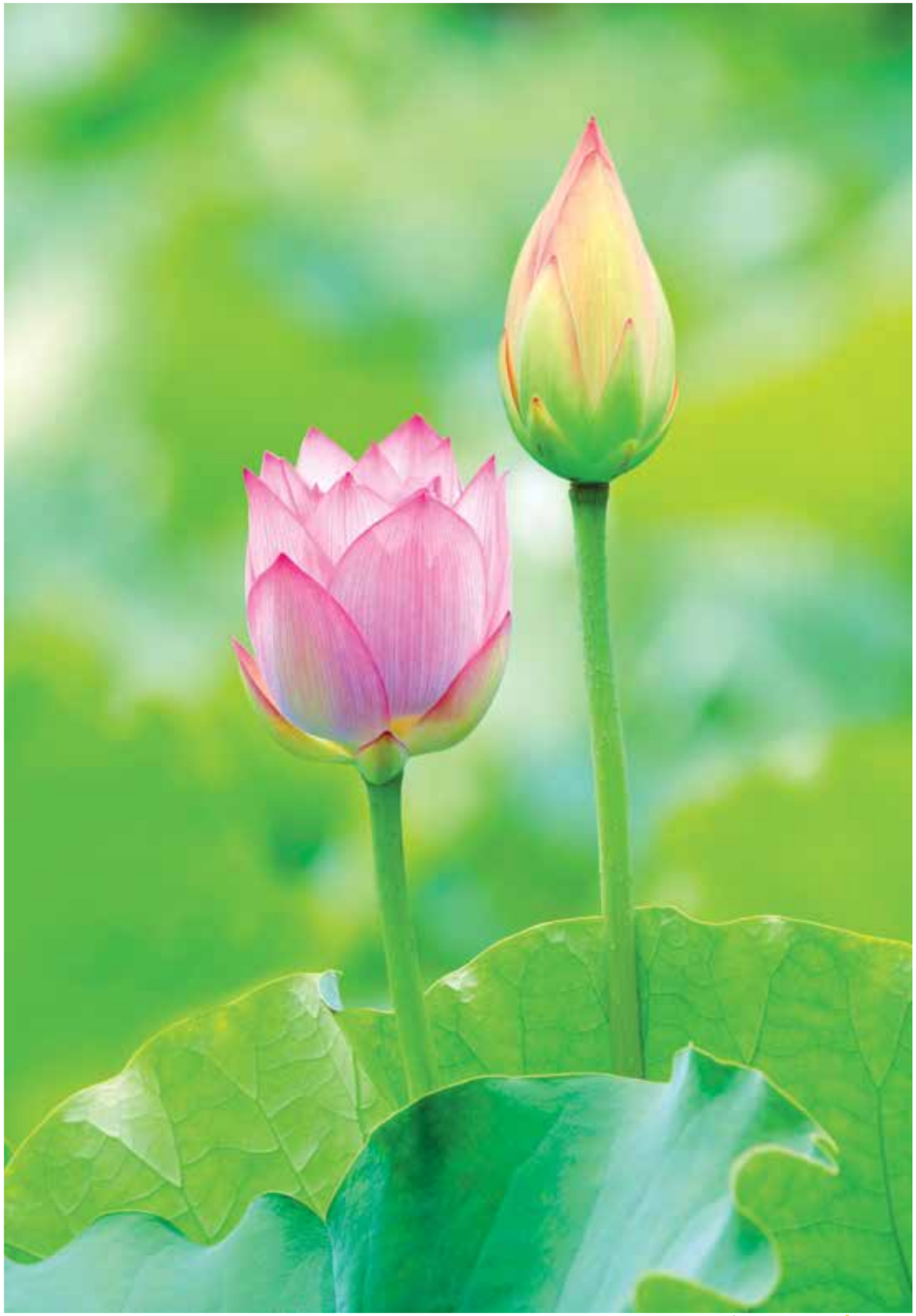

NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ

Trong niên độ tài chính 2013 – 2014,
Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ đã cung ứng

749.226

TẤN

THÀNH PHẨM CÁC LOẠI
(TĂNG 44,92% SO VỚI
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 – 2013).

Địa chỉ: Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điện thoại: (064) 3 924 790 – Fax: (064) 3 924 796

Giấy chứng nhận ĐKKD: 3700381324-095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 19/7/2010.

Giám đốc Nhà máy: Ông **NGUYỄN TẤN HÒA**

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác. Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn, sản xuất thép cán nóng dạng cuộn.

Tập đoàn Hoa Sen sở hữu: 100%.

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Tập đoàn đã xây dựng thành công nhà máy sản xuất tôn có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại trên diện tích 16,7 hecta bao gồm: 87.542 m^2 nhà xưởng, 690 m^2 văn phòng làm việc, trạm biến thế 110KV, hệ thống xử lý nước thải và tái sinh nước, hệ thống sản xuất tôn khép kín, ứng dụng công nghệ hiện đại nhất trong ngành tại Việt Nam; được đầu tư với chi phí thấp nhất và thi công trong thời gian nhanh nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình.

Thời gian	Nội dung
Tháng 12/2007	Nhận Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000080 của Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
Tháng 5/2009	Chính thức khởi công Giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.
Tháng 12/2009 – 02/2010	Đưa vào hoạt động Cụm lò ủ số 1 công suất thiết kế 42.000 tấn/năm; Dây chuyền cắt tấm công suất thiết kế 50.000 tấn/năm; Dây chuyền xẻ băng công suất thiết kế 150.000 tấn/năm; Trạm điện 110KV công suất thiết kế 40M/giờ.
Tháng 3/2010 – 4/2010	Đưa vào hoạt động Dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) công suất thiết kế 450.000 tấn/năm; Dây chuyền phủ màu công suất thiết kế 180.000 tấn/năm và Trạm xử lý nước thải công suất thiết kế 90m^3/giờ.
Tháng 01/2011 – 02/2011	Đưa vào hoạt động Dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất thiết kế 100.000 tấn/năm.
Tháng 6/2012	Đưa vào hoạt động Cụm lò ủ số 2 công suất thiết kế 100.000 tấn/năm.
Tháng 3/2013	Đưa vào hoạt động Dây chuyền sản xuất tôn mỏng (công nghệ NOF) công suất thiết kế 120.000 tấn/năm.
Tháng 02/2014	Đưa vào hoạt động Dây chuyền sản xuất tôn dày (công nghệ NOF) công suất thiết kế 400.000 tấn/năm.
Tháng 3/2014	Đưa vào hoạt động Dây chuyền phủ màu công suất thiết kế 150.000 tấn/năm.

CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN

Trong niên độ tài chính 2014 – 2015, Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen đặt kế hoạch cung ứng:

950.400

TẤN

Địa chỉ:	Số 09 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại:	(0650) 3 737 200 – Fax: (0650) 3 737 904
Vốn điều lệ:	**280.000.000.000** đồng (Hai trăm tám mươi tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/12/2012.
Người đại diện theo pháp luật:	Ông **NGUYỄN MINH KHOA** – Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
Giám đốc điều hành:	Ông **HOÀNG ĐỨC HOÀNG**
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất thép cán nguội, tấm lợp và các loại thép tấm mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại kim loại và hợp kim khác; sản xuất các sản phẩm từ sắt: sắt oxit, sắt cacbon, sắt hợp kim và các sản phẩm khác từ sắt.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu:	100%.

Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen được thành lập ngày 09/11/2006 với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen. Đây là công ty con đầu tiên của Tập đoàn Hoa Sen, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép cán nguội. Việc đưa dây chuyền cán nguội vào hoạt động đã tạo nên mắt xích quan trọng trong chuỗi lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn, cung cấp phần lớn nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền sản xuất tôn và dây chuyền sản xuất ống thép của Tập đoàn.

Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen là một công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, theo cơ chế quản trị điều hành được quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (theo mô hình Công ty mẹ – Công ty con) và các quy chế quản trị phối hợp điều hành Tập đoàn Hoa Sen.

Ngày 24/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen.

Ngày 27/9/2012, Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen thành lập Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen – Nhà máy Thép cán nguội Phú Mỹ:

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 3700763651-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 27/9/2012.

Địa chỉ: Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thép cán nguội, tấm lợp và các loại thép tấm mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại kim loại và hợp kim khác; sản xuất các sản phẩm từ sắt: sắt oxit, sắt cacbon, sắt hợp kim và các sản phẩm khác từ sắt.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2013 – 2014	KHKD NĐTC 2014 – 2015	So sánh KHKD NĐTC 2014 – 2015 với KQKD NĐTC 2013 – 2014	
					Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6 = 5 – 4)	(7 = 5/4*100)
1	Sản lượng tiêu thụ thép cán nguội	Tấn	879.977	950.400	70.423	108%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	11.900	13.306	1.406	112%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	140	145	5	104%

CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN

Địa chỉ:	Đường số 2B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Điện thoại:	(064) 3 923 231 – Fax: (064) 3 923 230
Vốn điều lệ:	**150.000.000.000** đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 3500786179 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 18/12/2007.
Người đại diện theo pháp luật:	Ông **TRẦN NGỌC CHU** – Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
Giám đốc điều hành:	Ông **NGUYỄN MINH KHOA**
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng bao gồm: Ống thép, ống thép mạ kẽm; ống nhựa và phụ kiện ống nhựa.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu:	100%.

Năm 2010, Nhà máy Ống Thép Hoa Sen Dĩ An, công suất 73.440 tấn/năm chính thức đi vào hoạt động tại KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương. Đồng thời tại KCN Phú Mỹ 1, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nhà máy Ống Nhựa Hoa Sen, công suất 38.900 tấn/năm cũng chính thức đi vào hoạt động.

Tháng 7/2013, Nhà máy Ống Thép Hoa Sen Hải Dương, với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại đã chính thức đi vào hoạt động tại cụm công nghiệp Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương với tổng công suất 82.800 tấn/năm.

Tháng 10/2013, Nhà máy Ống Thép Hoa Sen Phú Mỹ đưa thêm 3 dây chuyền ống thép hiện đại đi vào hoạt động, với công suất 41.000 tấn/năm.

Tháng 10/2014, Công ty tiếp tục đưa thêm 6 dây chuyền ống thép đi vào hoạt động tại Nhà máy Ống Thép Hoa Sen Phú Mỹ, công suất 99.360 tấn/năm và thay thế dần các dây chuyền hoạt động kém hiệu quả.

Như vậy đến cuối tháng 12/2014, Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen đã đầu tư hoàn thiện hệ thống máy móc thiết bị hiện đại và nâng tổng công suất thiết kế lên 377.400 tấn/năm, sẵn sàng đáp ứng kịp thời và linh hoạt đối với nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen là một trong những công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, thành lập ngày 18/12/2007, với vốn điều lệ ban đầu 150 tỷ đồng, trụ sở và nhà máy chính tọa lạc trong khuôn viên 11 hecta, tại đường số 2B, KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bằng năng lực sản xuất đồng bộ và kế hoạch cung ứng khoa học, Công ty đã sản xuất và cung ứng kịp thời cho các thị trường trong và ngoài nước các dòng sản phẩm chủ yếu như: Ống thép đen, ống thép mạ kẽm; Ống nhựa, phụ kiện ống nhựa và keo dán mang thương hiệu Hoa Sen.

Với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, đồng thời thông qua các quy trình quản lý nghiêm ngặt về chất lượng và công nghệ, sản phẩm ống nhựa Hoa Sen đã được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng – Trung tâm Chứng nhận phù hợp – QUACERT cấp Chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế: ISO 4422:1996, TCVN 6151-2:2002, BS 3505:1968 và AS/NZS 1477:2006; và được Viện Khoa học Vật liệu Ứng dụng cấp Chứng nhận "Công nghệ tự động hóa – Quy trình sản xuất khép kín cho các dây chuyền sản xuất ống nhựa – phụ kiện ống nhựa uPVC Hoa Sen".

Mặt khác, các dòng sản phẩm của Công ty còn đạt được các danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu như: Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2007 và 2013; Huy Chương Vàng tại các kỳ hội chợ Vietbuild năm 2008, 2009, 2011, 2012, 2013 và 2014; Chất lượng Quốc gia năm 2012 và 2013; Top 10 Sao Vàng đất Việt năm 2009 và 2013; Hàng Việt Nam chất lượng cao ngành vật liệu xây dựng năm 2014; Thương hiệu Quốc gia năm 2014.

Bằng chính sách kinh doanh linh hoạt, các dòng sản phẩm của Công ty từng bước được người tiêu dùng quan tâm, sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực: công nghiệp, viễn thông, dân dụng, xây dựng, cấp thoát nước… Các sản phẩm của Công ty được giới thiệu đến người tiêu dùng thông qua Hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ trải dài rộng khắp cả nước của Tập đoàn Hoa Sen, bên cạnh đó là hệ thống các Nhà phân phối, các nhà thầu xây dựng và mạng lưới đại lý rộng khắp cả nước, đã và đang đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

Ngoài các hoạt động sản xuất – kinh doanh, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội – từ thiện ý nghĩa thông qua các hoạt động của Tập đoàn như: Tài trợ Giải bóng đá Cúp Quốc gia – Nhựa Hoa Sen (2010 – 2012), Giải bóng đá Futsal – trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (2007 – 2012); Chương trình Vượt lên chính mình; đồng hành cùng chương trình Nick Vujicic đến Việt Nam năm 2013 và Tỏa sáng nghị lực Việt năm 2014; Hỗ trợ các chương trình hội nghị kinh tế, hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao của các tổ chức tại địa phương và Trung ương…

Với những thành quả đã đạt được, Công ty quyết tâm sẽ không ngừng nỗ lực hơn nữa để mang đến cho khách hàng sự hài lòng về chất lượng sản phẩm, giá cả và dịch vụ hậu mãi; đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các yêu cầu của khách hàng và phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất – cung ứng vật liệu xây dựng của Tập đoàn hướng đến mục tiêu dẫn đầu thị phần trong nước và khu vực ASEAN.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2013 – 2014 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĐTC 2014 – 2015

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KQKD NĐTC 2013 – 2014	KHKD NĐTC 2014 – 2015	So sánh KHKD NĐTC 2014 – 2015 với KQKD NĐTC 2013 – 2014	
					Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6 = 5 – 4)	(7 = 5/4*100)
1	Sản lượng	Tấn	201.300	242.264	40.964	120%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	3.358	4.646	1.288	138%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,8	62	9,2	117%

CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN

Địa chỉ:	Số 09 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại:	(0650) 3 737 999 – Fax: (0650) 3 737 999
Vốn điều lệ:	**16.276.000.000** đồng (Mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007.
Người đại diện theo pháp luật:	Ông **VŨ VĂN THANH** – Chủ tịch Công ty.
Giám đốc điều hành:	Ông **BÙI THANH TÂM**
Ngành nghề kinh doanh:	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường bộ, đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê phương tiện vận tải, sửa chữa xe ô tô, mua bán vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu:	100%.

Niên độ tài chính 2013 – 2014 vừa qua, Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen đã vận chuyển 210.000 tấn, doanh thu đạt 12,2 tỷ đồng, vượt 15% so với kế hoạch đề ra.

Dự kiến trong niên độ tài chính 2014 – 2015 này, Công ty sẽ đầu tư thêm 30 xe đầu kéo 29 tấn và 10 xe tải 18 tấn phục vụ vận chuyển hàng hóa trong Tập đoàn. Ước tính sản lượng vận chuyển đạt 1.700.000 tấn.

CÔNG TY TNHH MTV ỐNG THÉP HOA SEN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ:	Khu A1.1 và TT 6.2 & 7, KCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Vốn điều lệ:	**25.000.000.000** đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 14/5/2014.
Người đại diện theo pháp luật:	Ông **TRẦN NGỌC CHU** – Chủ tịch Công ty.
Giám đốc điều hành:	Ông **TRẦN ĐÌNH CƯƠNG**
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu:	100%.

Theo kế hoạch, đến tháng 12/2014, Công ty TNHH MTV Ống Thép Hoa Sen Bình Định sẽ hoàn thành Giai đoạn 1 với 09 dây chuyền sản xuất ống thép, tổng công suất 75.000 tấn/năm và chính thức đi vào hoạt động tại KCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng sản phẩm cho thị trường Miền Trung và Nam Trung Bộ.

CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN NGHỆ AN

Địa chỉ:	Khu C, KCN Nam Cấm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An.
Vốn điều lệ:	**30.000.000.000** đồng (Ba mươi tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 2901722597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/5/2014.
Người đại diện theo pháp luật:	Ông **TRẦN QUỐC TRÍ** – Chủ tịch Công ty.
Ngành nghề kinh doanh:	Sản xuất thép cán nguội và cán nóng dạng cuộn; Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác.
Tập đoàn Hoa Sen sở hữu:	100%.

Hiện đang xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị.

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

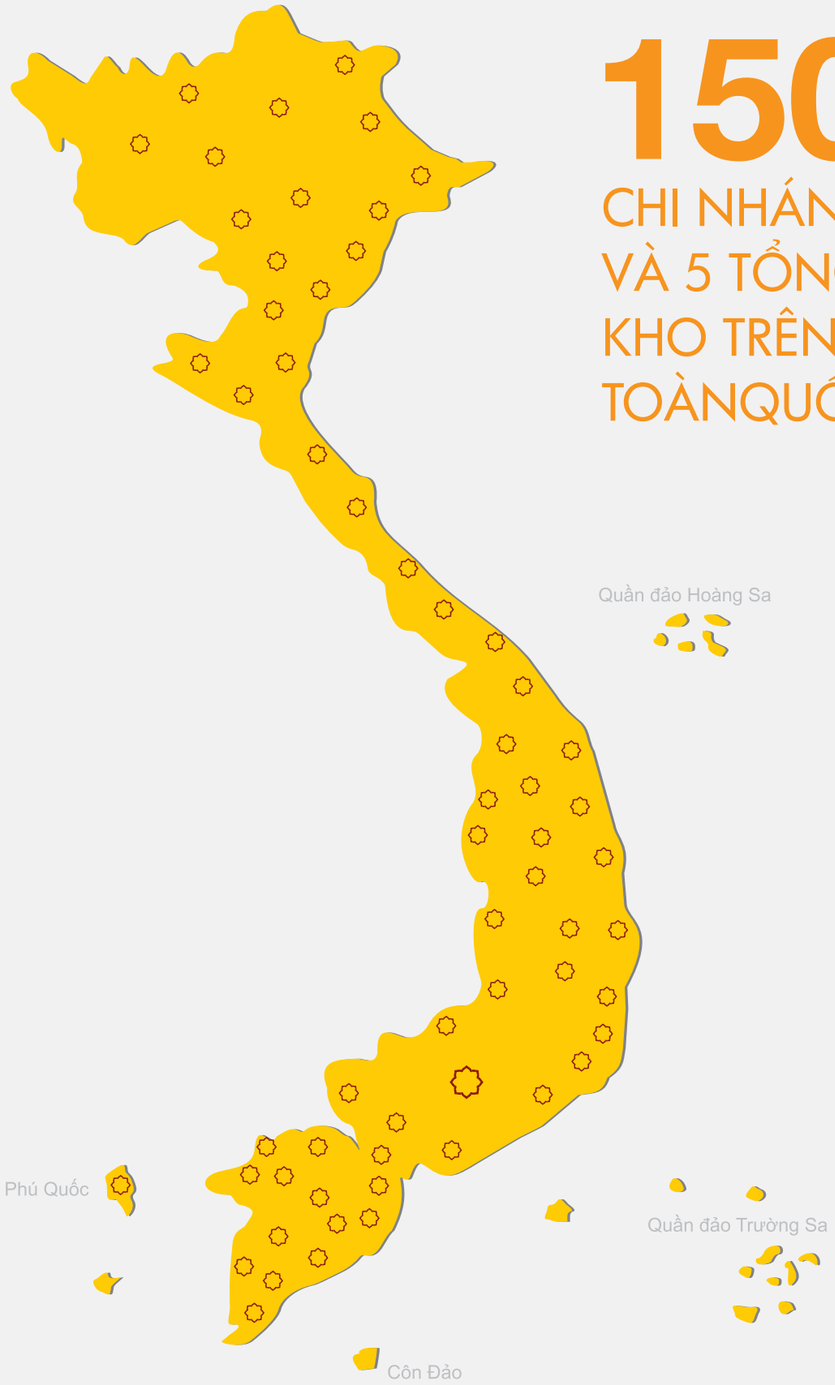

150

CHI NHÁNH VÀ 5 TỔNG KHO TRÊN TOÀNQUỐC

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
	AN GIANG		
1	Tri Tôn	Khóm 1, TT. Tri Tôn, H. Tri Tôn, An Giang,	(076) 3772 949
2	Châu Đốc	Số 177 Nguyễn Tri Phương, Khóm Hòa Bình, P. Vĩnh Mỹ, TP Châu Đốc, An Giang,	(076) 3560 510
3	Phú Tân	Khóm Long Hưng 2, P. Long Sơn, TX. Tân Châu, An Giang	(076) 3533 435
4	Long Xuyên	Tổ 12, Khóm Bình Đức 5, P. Bình Đức, TP. Long Xuyên, An Giang	(076) 3650 738
5	Chợ Mới	Ấp Mỹ Hòa, TT. Mỹ Luông, H. Chợ Mới, An Giang	(076) 3626 376
6	Mỹ Hòa	Khóm Tây Huề 1, P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, An Giang,	(076) 3949 952
	BÀ RỊA VŨNG TÀU		
7	Ngãi Giao	QL56, Thôn Tân Phú, Xã Bàu Chinh, H. Châu Đức, Bà Rịa – Vũng Tàu	(064) 3962 358
8	Tân Thành	Ấp Bến Đình, xã Mỹ Xuân, H. Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu	(064) 3931 828
9	Xuyên Mộc	QL55 ấp Thạnh Sơn, xã Phước Thuận, H. Xuyên Mộc, Bà Rịa – Vũng Tàu	(064) 3782 888 (064) 3782 999
10	Bà Rịa	KP. Hải Dinh, P. Kim Dinh, TP. Bà Rịa, Bà Rịa – Vũng Tàu	(064) 3717 001
	BẮC GIANG		
11	Bắc Giang	Quốc lộ 1A, cụm CN Tân Mỹ, Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang, Bắc Giang	(0240) 3992 567
12	Lục Ngạn	Quốc lộ 31, thôn Mào Gà, xã Phượng Sơn, H. Lục Ngạn, Bắc Giang	
	BẮC KẠN		
13	Bắc Kạn	Tổ 5, P. Phùng Chí Kiên, TX. Bắc Kạn, Bắc Kạn	(0281) 3812 556 (0281) 3812 558
	BẠC LIÊU		
14	Bạc Liêu	Đường 23/8, khóm 3, P. 8, TP Bạc Liêu, Bạc Liêu	(0781) 3829 843
15	Vĩnh Lợi	Quốc lộ 1, Ấp Tân Tạo, TT. Châu Hưng, H. Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	(0781) 3922 335
16	Hồng Dân	Ấp Kinh Xáng, Xã Lộc Ninh, H. Hồng Dân, Bạc Liêu	(0781) 3560 110
	BẮC NINH		
17	Bắc Ninh	QL38, phố Mới, TT. Hồ, H. Thuận Thành, Bắc Ninh	(0241) 3775 381–2
	BẾN TRE		
18	Châu Thành – Bến Tre	Ấp 5, xã An Khánh, H. Châu Thành, Bến Tre.	(075) 3612 698
19	Bến Tre	109D Nguyễn Đình Chiểu, KP3, P. 8, TP Bến Tre, Bến Tre	(075) 3811 794
20	Bình Đại	Ấp 2 (Thửa đất số 1194, tờ bản đồ số 2), xã Bình Thới, H. Bình Đại, Bến Tre	(075) 3750 705
	BÌNH ĐỊNH		
21	Tuy Phước	Thôn Mỹ Điền, TT. Tuy Phước, H. Tuy Phước, Bình Định	(056) 3833 008 (056) 3833 009
22	Tây Sơn	Thôn 1, xã Bình Nghi, H. Tây Sơn, Bình Định	(056) 388 2725 (056) 388 2726
23	Phù Cát	Thôn Hòa Dõng, xã Cát Tân, H. Phù Cát, Bình Định	(056) 3538 178
24	Phù Mỹ	Thôn Diêm Tiêu, TT. Phù Mỹ, H. Phù Mỹ, Bình Định,	(056) 3755 089
25	Bồng Sơn	Khối Thiết Đính Bắc, TT. Bồng Sơn, H. Hoài Nhơn, Bình Định	(056) 3761 841
	BÌNH DƯƠNG		
26	Phú Giáo	Đường ĐT 741, tổ 5, ấp Vĩnh An, Xã Vĩnh Hòa, H. Phú Giáo, Bình Dương	(0650) 3695 113
27	Bình Dương	612 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	(0650) 3824 495 (0650) 3872 259

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
28	Bến Cát	Đại lộ Bình Dương, ấp 3B, P. Thới Hòa, TX. Bến Cát, Bình Dương	(0650) 3577 112 (0650) 3577 113
29	Thuận An	84A Đại Lộ Bình Dương, KP. Đông Ba, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, Bình Dương	(0650) 3765 943 (0650) 3765 944
30	Dầu Tiếng	KP. 7, TT. Dầu Tiếng, H. Dầu Tiếng, Bình Dương	
	BÌNH PHƯỚC		
31	Phước Long	Tổ 01, KP09, P. Long Phước, TX. Phước Long, Bình Phước.	(0651) 3713 006 (0651) 3713 007
32	Chơn Thành	Số 31, tổ 1, ấp 1, xã Thành Tâm, H. Chơn Thành, Bình Phước	(0651 3668 494
33	Bình Long	QL13, tổ 4, ấp Phú Long, xã Thanh Phú, TX. Bình Long, Bình Phước,	(0651) 3650 555
34	Lộc Ninh	Ấp 3, xã Lộc Thái, H. Lộc Ninh, Bình Phước	(0651) 3540 888
	BÌNH THUẬN		
35	Đức Linh	Thôn 4, xã Đức Chính, H. Đức Linh, Bình Thuận	(062) 3887 898
36	Hàm Tân	Thôn Đá Mài, xã Tân Xuân, H. Hàm Tân, Bình Thuận	(062 3872 888
37	Phan Thiết	Lô 4/1 KCN Phan Thiết giai đoạn 1, Bình Thuận	(062) 3829 124 (062) 3776 515
38	Phan Rí	Thôn Bình Liêm, xã Phan Rí Thành, H. Bắc Bình, Bình Thuận	(062) 3862 151 (062) 3862 959
39	Hàm Thuận Nam	QL1A, xã Hàm Mỹ, H. Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	(062) 3899 559
	CÀ MAU		
40	Năm Căn	Khóm Cái Nai, TT. Năm Căn, H. Năm Căn, Cà Mau	(0780) 3876 703
41	Cà Mau	39 Lý Thường Kiệt, Khóm 7, Fó, TP. Cà Mau, Cà Mau	(0780) 3826 699
42	Cái Nước	Số 115, Quốc lộ 1A, Ấp Đông Hưng, Xã Tân Hưng Đông, H.Cái Nước, Cà Mau	(0780) 3882 636
	CẦN THƠ		
43	Cần Thơ	143 KV5, CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thuỷ, TP. Cần Thơ	(0710) 3887 581
44	Cái Răng	QL1A, Khu vực 2, P. Ba Láng, Q. Cái Răng, TP.Cần Thơ	(0710) 3910 001
45	Ô Môn	Khu vực Thới Hưng, P. Long Hưng, Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ	(0710) 3687 417
46	Lộ Tẻ	Số 454, tổ 16, Khu Vực Thới Hoà, P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	(076) 3831 844
47	Vĩnh Thạnh	Ấp Vĩnh Tiến, TT. Vĩnh Thạnh, H. Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.	(0710) 3641 828
1	TỔNG KHO LỘ TẺ	Số 454, tổ 16, Khu Vực Thới Hoà, P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	(076) 3930 180
2	TỔNG KHO CÁI RĂNG	QL1A, Khu vực 2, P. Ba Láng, Q. Cái Răng, TP.Cần Thơ	(0710) 3527 994
	ĐÀ NẴNG		
48	Đà Nẵng	281A Trường Chinh, P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	(0511) 3721 101 (0511) 3721 102
	ĐẮK LẮK		
49	Đắk Lắk	Km số 9, QL14, xã Ea Tư, TP Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	(0500) 3954 056 (0500) 3954 057
50	Eakar	Thôn Cư An, xã Cư Huê, H. Ea Kar, Đắk Lắk	0500) 3627 064 (0500) 3627 065
51	Krông Pắk	TT. Phước An, H. Krông Pak, Đắk Lắk	(0500) 3519 743 (0500) 3519 744
52	Buôn Hồ	Số 861, Hùng Vương, P. Thiện An, TX. Buôn Hồ, Đắk Lắk	(0500) 3870 010
53	Ea H'leo	Thôn 2, xã Ea Ral, H. Ea H'leo, Đắk Lắk	(0500) 3779 798
54	Cư M'gar	lộ 8, Thôn 1, xã Ea Kpam, H. Cư M'gar, Đắk Lắk	(0500) 3533 377 (0500) 3533 388
55	Cư Kuin	Quốc lộ 27, xã Ea Tiêu, H. Cư Kuin, Đắk Lắk	(0500) 3633 337 (0500) 3633 338

HỆ THỐNG
CHI NHÁNH (tiếp theo)

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
ĐẮK NÔNG			
56	Gia Nghĩa	Đường Tống Duy Tân, tổ 9, P. Nghĩa Thành, TX. Gia Nghĩa, Đắk Nông	(0501) 3545 016
57	Đắk Mil	Thôn Đức Tân, xã Đức Mạnh, H. Đắk Mil, Đắk Nông	(0501) 3750 878 (0501) 3870 888
58	Cư Jút	QL14, xã Tâm Thắng, H. Cư Jút, Đắk Nông	(0501) 3692 567 (0501) 3692 568
ĐỒNG NAI			
59	Thống Nhất	Số 65 Quốc Lộ 1A, ấp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc, H. Thống Nhất, Đồng Nai	(061) 3768 503
60	Định Quán	Lô SKK 97A, KCN Định Quán, xã La Ngà, H. Định Quán, Đồng Nai	(061) 3633 855 (061) 3633 858
61	Trảng Bom	834B, ấp Ngũ Phúc, xã Hố Nai 3, H. Trảng Bom, Đồng Nai	(061)3981 701
ĐỒNG THÁP			
62	Hồng Ngự	Quốc Lộ 30, P. An Lộc, TX. Hồng Ngự, Đồng Tháp	(067) 3836 771
63	Tam Nông	TT. Tràm Chim, H. Tam Nông, Đồng Tháp	(067) 3829 658
64	Cao Lãnh	QL30, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	(067) 3857 316
65	Sa Đéc	Quốc lộ 80, Ấp An Hòa Nhất, Xã Tân Bình, H. Châu Thành, Đồng Tháp	(067) 3868 156
GIA LAI			
66	Gia Lai	Số 174, Trường Chinh, tổ 4, P. Trà Bá, TP. PleiKu, Gia Lai	(059) 3747 170
67	Chư Sê	Thôn 7, xã la Blang, H. Chư Sê, Gia Lai	(059) 3768 778
68	An Khê	Tổ 3, P. Ngô Mây, TX. An Khê, Gia Lai	(059) 3533 511 (059) 3533 512
3	TỔNG KHO ĐĂK ĐOA	Tổ dân phố 9, đường Nguyễn Huệ, TT. Đăk Đoa, H. Đăk Đoa, Gia Lai	(059) 3894 608
HÀ GIANG			
69	Hà Giang	Thôn Tân An, xã Hùng An, H. Bắc Quang, Hà Giang	(0219) 3892 956 (0219) 3892 957
HÀ NAM			
70	Hà Nam	Thôn Lão Cầu, Xã Tiên Tân, TP. Phủ Lý, Hà Nam	(0351) 3595 616 (0351) 3595 618
HÀ NỘI			
71	Hà Nội	Lô A6–2, KCN Hà Nội –Đài Tu, số 386 Nguyễn Văn Linh, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	(043) 6559 905 (043) 6559 906
72	Chương Mỹ	Thôn Yên Kiện, Xã Đông Sơn, H. Chương Mỹ, TP Hà Nội,	(043) 3911 353
73	Phúc Thọ	Cụm 8, TT. Phúc Thọ, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội,	(043) 3643 360–1
74	Thường Tín	Cụm Công Nghiệp Hà Bình Phương, Xã Hà Hồi, H. Thường Tín, TP. Hà Nội,	(043) 3760 318
4	TỔNG KHO LONG BIÊN	Lô A6–2, KCN Hà Nội– Đài Tu, 386 Nguyễn Văn Linh, P. Phúc Lợi, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	(043) 6556 180
HÀ TĨNH			
75	Hà Tĩnh	Xóm Tân Phú, xã Thạch Trung, TP. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	(0390 3690 617 (0390 3690 618
76	Kỳ Anh	Vùng Hoa Hiệu, xã Kỳ Thịnh, H. Kỳ Anh, Hà Tĩnh	(039) 3721 776 (039) 3721 777
HẢI DƯƠNG			
77	Hải Dương	Quốc lộ 37, Thôn Hào Thôn, Xã Đồng Lạc, H. Nam Sách, Hải Dương	(0320) 3751 335–6
78	Thanh Miện	lộ 392, Khu 2, Thị tứ Đoàn Tùng, Xã Đoàn Tùng, H. Thanh Miện, Hải Dương.	(0320) 3731 226 90320) 3731 227
79	Chí Linh	Khu dân cư Đọ Xá, P. Hoàng Tân, TX. Chí Linh, Hải Dương	

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
HẢI DƯƠNG			
80	Hải Phòng	Xã Kiền Bái, H. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	(031) 3645 566 (031) 3645 567
81	Kiến An	Số 846A đường Trần Nhân Tông, P. Nam Sơn, quận Kiến An, TP Hải Phòng	(031) 3590 088 (031) 3590 099
82	Dương Kinh	Đường 402, Tổ dân phố 11, P. Hòa Nghĩa, Q. Dương Kinh, TP Hải Phòng.	(031) 3633 559 (031) 3633 659
HẬU GIANG			
83	Phụng Hiệp	Khu Vực 3, P. Hiệp Thành, TX. Ngã Bảy, Hậu Giang	(0711) 3867 887
84	Vị Thanh	Trần Hưng Đạo, KV. 3, P. 5, TP. Vị Thanh, Hậu Giang	(0711) 3870 137
85	Tân Long	Ấp Tân Long, xã Tân Bình, H.Phụng Hiệp, Hậu Giang	
HÒA BÌNH			
86	Hòa Bình	Xóm Trung, xã Trung Minh, TP. Hòa Bình, Hòa Bình	(0218) 3843 737
HUẾ			
87	Huế	QL1A, xã Hương Vân, H. Hương Trà, Thừa Thiên – Huế	(054) 3777 156 (054) 3777 157
HÀ TĨNH			
88	Hưng Yên	KCN Phố Nối, xã Dị Sử, H. Mỹ Hào, Hưng Yên	(0321) 3744 206 (0321) 3744 207
89	Kim Động	Quốc lộ 39A, Thôn Trương Xá, Xã Toàn Thắng, H. Kim Động, Hưng Yên	
KHÁNH HÒA			
90	Cam Ranh	Tổ Phúc Ninh, P. Cam Phúc Nam, TP. Cam Ranh, Khánh Hoà	(058) 3976 402
91	Diên Khánh	Thôn Phú Khánh, xã Diên Thạnh, H. Diên Khánh, Khánh Hoà	(058) 3750 526 (058) 3750 527
92	Ninh Hòa	Quốc lộ 1A, thôn Ninh Ích, xã Ninh An, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa	(058) 3633 088 (058) 3633 089
KIÊN GIANG			
93	Vĩnh Thuận	Tổ 39, Ấp Vĩnh Đông 2, TT. Vĩnh Thuận, H. Vĩnh Thuận, Kiên Giang	(077) 3561 336
94	An Biên	Tổ 17, ấp Đông Thành, xã Đông Thái, H. An Biên, Kiên Giang	(077) 3524 259
95	Kiên Lương	Tổ 13, KP. Tám Thước, TT. Kiên Lương, H. Kiên Lương, Kiên Giang	(077) 3765 055
96	Rạch Giá	67 CMT8, P. Vĩnh Lợi, TP. Rạch Giá, Kiên Giang	(077) 3912 450
97	Hòn Đất	Tổ 4, QL80, Ấp Sơn Thịnh, TT. Sóc Sơn, H. Hòn Đất, Kiên Giang	(077) 3742 377
98	Phú Quốc	Ấp Suối Mây, xã Dương To, H. Phú Quốc, Kiên Giang	(077) 3844 173
KON TUM			
99	Kon Tum	293, đường Phan Đình Phùng, TP. KonTum, KonTum	(060) 3856 372
100	Ngọc Hồi	Tổ dân phố 3, TT. Plei Kần, H. Ngọc Hồi, Kon Tum	(060) 3832 772
LAI CHÂU			
101	Lai Châu	Số nhà 121, đường Lê Duẩn, Tổ 5, P. Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu	(0231) 3791 517
LONG AN			
102	Thủ Thừa	Ấp Bình Cang 1, xã Bình Thạnh, H. Thủ Thừa, Long An	(072) 3820 522
103	Tân Thạnh	KP3, TT. Tân Thạnh, H. Tân Thạnh, Long An	(072) 3941 013
104	Bến Lức	Ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, H. Bến Lức, Long An	(072) 3647 778 (072) 3647 779
NAM ĐỊNH			
105	Nam Định	lô 21, đường N1, cụm Công nghiệp An Xá, xã Mỹ Xá, TP. Nam Định, Nam Định	(0350) 3672 317
106	Hải Hậu	Quốc lộ 21, Khu 3, TT. Yên Định, H. Hải Hậu, Nam Định.	(0350) 3773 789

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
NGHỆ AN			
107	Nghệ An	Xóm 14, xã Nghi Kim, TP. Vinh, Nghệ An.	(038) 3516 469
108	Diễn Châu	KCN nhỏ, xã Diễn Hồng, H. Diễn Châu, Nghệ An	(038) 3620 685 (038) 3620 686
109	Thái Hòa	Quốc lộ 48, Khối Dốc Cao, P. Quang Tiến, TX Thái Hòa, Nghệ An	
NINH BÌNH			
110	Ninh Bình	QL1A, TT. Thiên Tôn, H. Hoa Lư, Ninh Bình	(030) 3626 668 (030) 3626 669
111	Yên Khánh	Quốc lộ 10, Xã Khánh An, H. Yên Khánh, Ninh Bình	(030) 3762 938 (030) 3762 939
NINH THUẬN			
112	Phan Rang	KP6, P. Phủ Hà, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Ninh Thuận	(068) 3833 845 (068) 3833 846
PHÚ THỌ			
113	Phú Thọ	Khu 12, xã Kim Đức, TP. Việt Trì, Phú Thọ	(0210) 3736 386
114	Đoan Hùng	Khu 8, xã Sóc Đăng, H. Đoan Hùng, Phú Thọ	(0210) 3881 123 (0210) 3881 456
PHÚ YÊN			
115	Sơn Hòa	Thôn Tân Thành, xã Suối Bạc, H. Sơn Hòa, Phú Yên	(057) 3640 427 (057) 3640 428
116	Tuy Hòa	229 Nguyễn Tất Thành, P8, TP. Tuy Hoà, Phú Yên	(057) 3820 586 (057) 3820 361
117	Tuy An	Thôn Chí Đức, TT. Chí Thạnh, H.. Tuy An, Phú Yên	(057) 3767 477 (057) 3767 478
QUẢNG BÌNH			
118	Quảng Bình	Đường F325, TK 12, P. Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Quảng Bình	(052) 3859 356 (052) 3859 357
QUẢNG NAM			
119	Tam Kỳ	16 Phan Bội Châu, P. Hòa Thuận, TP. Tam Kỳ, Quảng Nam	(0510) 3810 842 (0510) 3810 843
QUẢNG NGÃI			
120	Sơn Tịnh	Tổ dân phố thôn Trường Thọ Đông, P. Trương Quang Trọng, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	(055) 3670 097 (055) 3670 098
121	Mộ Đức	Thôn Tú Sơn 2, xã Đức Lân, H. Mộ Đức, T. Quảng Ngãi	(055) 3943 378 (055) 3943 379
QUẢNG NINH			
122	Quảng Ninh	Thôn Trại Thành 1, P. Đông Mai, TX. Quảng Yên, Quảng Ninh	(033) 3553 768 (033) 3553 769
123	Móng Cái	Km 3.5, Khu 7, P. Hải Yên, TP. Móng Cái, Quảng Ninh	(033) 3779 001 (033) 3779 002
QUẢNG TRỊ			
124	Quảng Trị	Thôn An Bình, xã Cam Thanh, H. Cam Lộ, Quảng Trị	(053) 3565 222
SÓC TRĂNG			
125	Sóc Trăng	QL1A, P2, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	(079) 3611 212
126	Vĩnh Châu	Đường Nguyễn Huệ, Khóm 1, P. 1, TX Vĩnh Châu, Sóc Trăng	(079) 3861 828 (079) 3861 929
SƠN LA			
127	Sơn La	Khu Công Nghiệp Chiềng Sinh, P. Chiềng Sinh, TP. Sơn La, Sơn La.	(022) 3774 280
128	Mộc Châu	Tiểu khu 3, TT. Mộc Châu, H. Mộc Châu, Sơn La	(022) 3669 959
129	Mai Sơn	Quốc lộ 6, Tiểu khu 26/3, xã Cò Nòi, H. Mai Sơn, Sơn La	(022) 3746 386 (022) 3746 387

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
TÂY NINH			
130	Trảng Bàng	Tổ 6, Ấp An Bình, Xã An Tịnh, H. Trảng Bàng, Tây Ninh	(066) 3896 733
131	Gò Dầu	Thửa đất 247, tờ bản đồ số 7, ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, H. Gò Dầu, Tây Ninh	(066) 3533 838
132	Tây Ninh	371 Phạm Hùng, ấp Long Chí, xã Long Thành Trung, H. Hòa Thành, Tây Ninh	(066) 3837 123
133	Tân Châu	Số 282, đường 785, ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, H. Tân Châu, Tây Ninh,	(066) 3759 689
134	Tân Biên	Ấp Thạnh Nam, Xã Thạnh Tây, H.Tân Biên, T.Tây Ninh	(066) 3776 666
THÁI BÌNH			
135	Thái Bình	Thôn Gia Lễ, xã Đông Mỹ, TP. Thái Bình, Thái Bình,	(036) 3568 866 (036) 3568 867
THÁI NGUYÊN			
136	Thái Nguyên	Xóm 3, Xã Lương Sơn, TP. Thái Nguyên, Thái Nguyên	(0280) 3645 658
THANH HÓA			
137	Thanh Hóa	QL1A, thôn Quyết Thắng, xã Quảng Thịnh, H. Quảng Xương, Thanh Hoá	(037) 8755 667 (037) 8755 668
138	Bỉm Sơn	Khu 6, P. Bắc Sơn, TX. Bỉm Sơn, Thanh Hóa,	(037) 3763 996 (037) 3763 997
139	Yên Định	Khu vực đường Quốc lộ 45, xã Định Liên, H. Yên Định, Thanh Hóa	
TIỀN GIANG			
140	Cái Bè	QL1, Ấp An Thái, Xã An Cư, H. Cái Bè, Tiền Giang	(073) 3923 409
5	TỔNG KHO TRUNG LƯƠNG	Ấp Long Mỹ, xã Phước Thạnh, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang	(073) 3955 899
TP. HỒ CHÍ MINH			
141	Bình Chánh	D1/29 QL1A, KP. 4, TT. Tân Túc, H. Bình Chánh, TP. HCM	(08) 3759 4250 (08) 3759 4 251
142	Quận 9	Số 11 đường Nguyễn Duy Trinh, KP Tam Đa, P. Long Trường, quận 9, TP. HCM	(08) 3746 2034
TRÀ VINH			
143	Trà Vinh	QL60, Khóm 6, P8. TP. Trà Vinh, Trà Vinh	(074) 3842 546
144	Tiểu Cần	Ấp Phú Thọ 1, xã Hiếu Trung, H. Tiểu Cần, Trà Vinh	
VĨNH LONG			
145	Bình Minh	622A, ấp Thuận Tiến B, xã Thuận An, TX. Bình Minh, Vĩnh Long,	(070) 3750 711
146	Vũng Liêm	Ấp Trung Xuân, Xã Trung Thành, H. Vũng Liêm, Vĩnh Long	(070) 3976 282
147	Vĩnh Long	Ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long	(070) 3816 434
148	Long Hồ	Quốc lộ 53, Khóm 2, TT Long Hồ, H. Long Hồ, Vĩnh Long	(070) 3851 165
VĨNH PHÚC			
149	Vĩnh Phúc	Thôn Hương Lộc, xã Đạo Đức, H. Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	(0211) 3593 234 (0211) 3593 567
YÊN BÁI			
150	Yên Bái	Tổ dân phố số 2, P. Hợp Minh, TP. Yên Bái, Yên Bái	(029) 3710 456 (029) 3710 468

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hoàn thiện hệ thống sản xuất,
nâng cao chất lượng sản phẩm 97
Phát triển nguồn nhân lực 98
Đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông, nhà đầu tư 100
Xây dựng thương hiệu mạnh và thân thiện 102

"Định hướng phát triển bền vững là cơ sở để các doanh nghiệp vạch ra được lộ trình phát triển rõ ràng, cụ thể, qua đó đề ra các chủ trương, chính sách hoạt động phù hợp trong từng giai đoạn, đồng thời là nền tảng cho việc xây dựng các kế hoạch phát triển dài hạn của doanh nghiệp.

Ý thức được tầm quan trọng đó, ngay từ những ngày đầu thành lập, Tập đoàn Hoa Sen luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững lên hàng đầu trong hoạt động của doanh nghiệp và cụ thể hóa thành cam kết của Hoa Sen với cộng đồng, nhân viên và khách hàng thông qua triết lý kinh doanh và giá trị cốt lõi của Tập đoàn.

Với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất – kinh doanh, các lĩnh vực trọng yếu mà Tập đoàn Hoa Sen ưu tiên xây dựng và hoàn thiện nhằm cụ thể hóa mục tiêu phát triển bền vững"

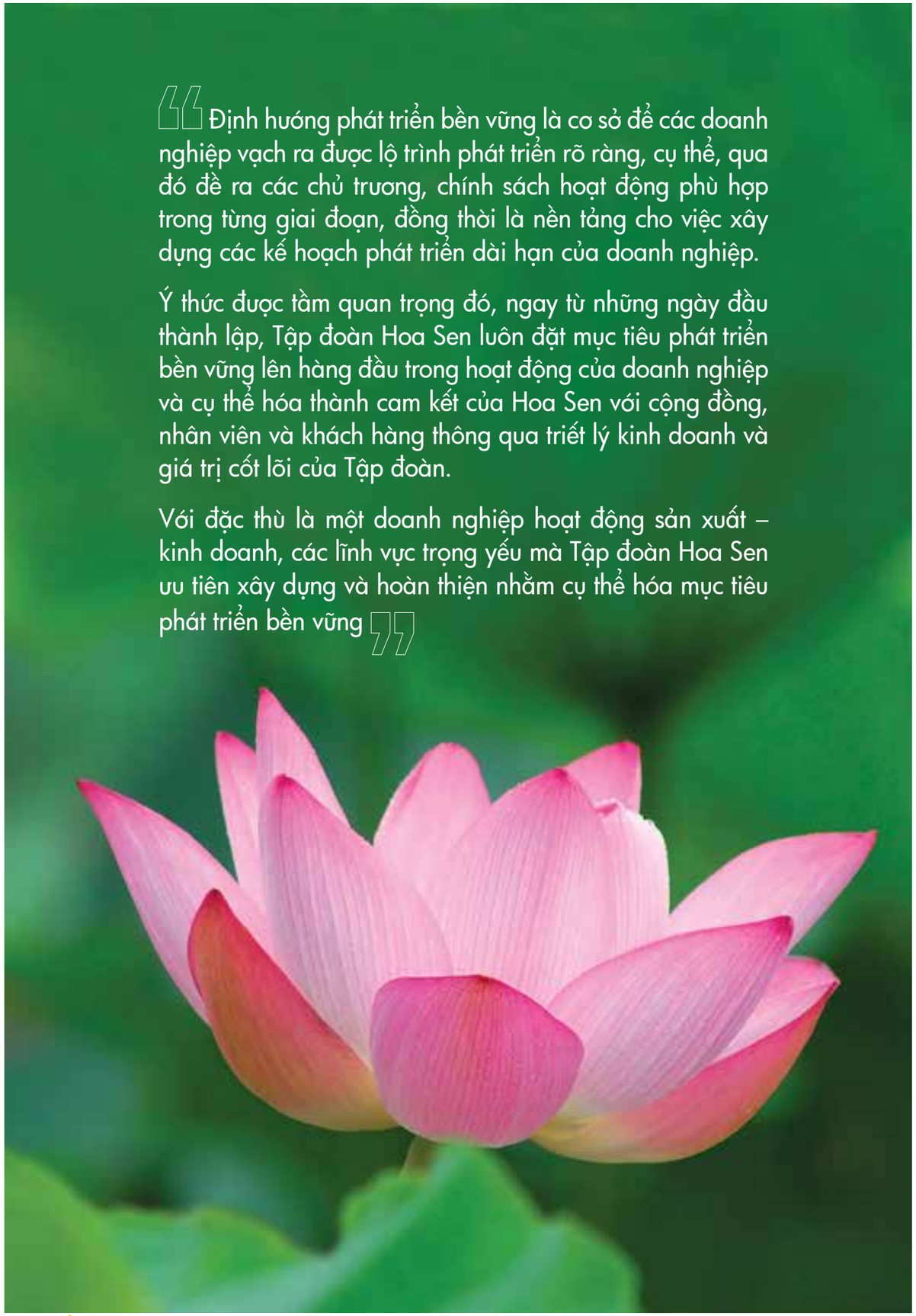

1 HOÀN THIỆN HỆ THỐNG SẢN XUẤT, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Nhằm mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng nhất, dựa vào chất lượng để cạnh tranh và khẳng định chỗ đứng trên thị trường, Tập đoàn Hoa Sen luôn quan tâm đầu tư hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại và đi tiên phong trong ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất. Điển hình như:

- Năm 2007, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp tư nhân đầu tiên đầu tư dây chuyền sản xuất tôn kẽm/ tôn lạnh với công nghệ lò nung không ôxy (NOF) tại Việt Nam.

- Năm 2009, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên tại Đông Nam Á đầu tư dây chuyền sản xuất tôn kẽm dày/tôn lạnh dày với công nghệ lò nung không ôxy (NOF) .

- Năm 2010, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư đồng bộ hệ thống trộn trung tâm, hệ thống dây chuyền sản xuất ống nhựa của hãng Battenfeld – Cincinnati theo công nghệ Châu Âu và phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn Nhật Bản nhằm mang đến người tiêu dùng sản phẩm chất lượng cao với giá cả cạnh tranh.

- Năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen hoàn thành Giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đây là nhà máy sản xuất tôn với hệ thống dây chuyền, thiết bị đồng bộ, hiện đại, có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại.

Được đầu tư hiện đại và không ngừng được nghiên cứu cải tiến, hệ thống dây chuyền sản xuất của Tập đoàn Hoa Sen đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế như: Tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 về Hệ thống quản lý chất lượng, Tiêu chuẩn ISO 14001 : 2004 về Hệ thống quản lý môi trường và Tiêu chuẩn OHSAS 18000 : 2007 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đạt chất lượng cao, đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe tại những thị trường khó tính nhất như Mỹ, Nhật, Châu Âu, v.v… Song song đó, Tập đoàn cũng định kỳ tiến hành việc rà soát lại quy trình sản xuất và định mức sản xuất, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, giảm thiểu tiêu hao nguyên – nhiên liệu, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Bên cạnh đó, Tập đoàn Hoa Sen cũng không ngừng nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của người tiêu dùng:

- Năm 2012, Tập đoàn Hoa Sen đã giới thiệu ra thị trường dòng sản phẩm Tôn Metallic với đặc điểm nổi bật là bề mặt có ánh kim mang tính thẩm mỹ cao.

- Tháng 07/2014, dòng sản phẩm Tôn Vân gỗ của Tập đoàn Hoa Sen được đưa ra thị trường với các đặc tính bền, đẹp và sang trọng, phù hợp với các ứng dụng công trình, nhà ở. Với bề mặt màu vân gỗ, sản phẩm này mang tính thẩm mỹ rất cao, có thể ứng dụng trong rất nhiều các sản phẩm cả ngoài trời lẫn đồ nội thất mang lại sự tinh tế, sang trọng cho ngôi nhà.

- Và gần đây nhất, tháng 08/2014, Tập đoàn tiếp tục giới thiệu sản phẩm Tôn màu nhám (Wrinkle), là sản phẩm tôn kẽm và tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn với hệ sơn wrinkle độc đáo, đặc điểm nổi bật của sản phẩm là mang tính thẩm mỹ rất cao, độ bền cao, chống nóng, chống ẩm tốt, dễ dàng thi công lắp đặt. Sản phẩm được ứng dụng linh hoạt trong các công trình, nhà ở như: Trần, mái lợp, vách ngăn, v.v…

2 PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

"Ý thức được nhân tố con người chính là trung tâm, là cốt lõi của sự phát triển, bên cạnh việc đầu tư hệ thống máy móc công nghệ hiện đại, Tập đoàn Hoa Sen cũng rất quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực qua việc áp dụng các chính sách đãi ngộ xứng đáng, tạo động lực phấn đấu cho nhân viên cũng như xây dựng một môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, cùng phát triển."

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG VÀ LƯƠNG THƯỞNG, PHÚC LỢI

Hướng tới việc xây dựng đội ngũ nhân viên "giỏi hơn, chuyên nghiệp hơn, thu nhập cao hơn", Tập đoàn Hoa Sen chủ trương thực hiện một số chính sách nhằm phát triển nguồn nhân lực như sau:

Chính sách đánh giá, sàng lọc và tuyển dụng, đào tạo

Từ năm 2013, Tập đoàn đã triển khai áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc KPI nhằm đánh giá một cách chi tiết, toàn diện hiệu quả hoạt động của từng đơn vị và cá nhân để có hướng điều chỉnh, sàng lọc nhân sự hợp lý.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng từng bước nâng cao các tiêu chuẩn, chuẩn mực trong tuyển dụng và tăng cường công tác đào tạo ban đầu nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa chất lượng.

Ngoài ra, Tập đoàn luôn duy trì mối quan hệ hợp tác với các trường đại học, cao đẳng có uy tín thông qua các hình thức tài trợ học bổng, tham dự ngày hội việc làm, v.v… nhằm thu hút nguồn nhân lực trẻ, có trình độ, là kênh tuyển dụng thường xuyên và chất lượng cho Tập đoàn.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Tập đoàn luôn nghiên cứu điều chỉnh để duy trì mức thu nhập của cán bộ công nhân viên luôn cao hơn so với mặt bằng chung của thị trường lao động và phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng nghiên cứu ban hành, sửa đổi một số chính sách về lương kinh doanh và phụ cấp nhằm từng bước gắn thu nhập với hiệu quả công việc, tạo động lực phấn đấu cho cán bộ nhân viên. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế v.v… được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi người lao động.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN, CÙNG PHÁT TRIỂN

Môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết cùng phát triển là điều mà mỗi cán bộ công nhân viên luôn ý thức đề cao xây dựng tại Hoa Sen. Thấm nhuần "Văn hóa 10 chữ T" của Tập đoàn, trong mối quan hệ đồng nghiệp cũng như mối quan hệ cấp trên – cấp dưới, cán bộ nhân viên Hoa Sen luôn giữ thái độ cởi mở, cầu thị và tôn trọng lẫn nhau. Môi trường làm việc luôn duy trì được sự thân thiện, đoàn kết.

Bên cạnh đó, các hoạt động phong trào của Tập đoàn Hoa Sen cũng được tổ chức thường xuyên và diễn ra hết sức sôi nổi. Qua đó, các thành viên Hoa Sen có cơ hội giao lưu học hỏi lẫn nhau, tình đồng nghiệp được thắt chặt.

3 ĐẢM BẢO TỐI ĐA LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

"Cổ đông, nhà đầu tư là những người chủ, người đồng hành cùng doanh nghiệp trong quá trình phát triển, do đó Tập đoàn Hoa Sen luôn nỗ lực để đáp ứng tối đa lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư của mình."

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động, Tập đoàn Hoa Sen luôn chú ý thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin định kỳ và bất thường đúng theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ngoài việc công bố các thông tin theo quy định, Tập đoàn Hoa Sen cũng chủ động thực hiện công bố thông tin đối với những thông tin quan trọng, có khả năng ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền lợi cũng như các quyết định đầu tư của nhà đầu tư, giúp cho cổ đông, nhà đầu tư kịp thời cập nhật, theo sát diễn biến hoạt động của doanh nghiệp.

CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Hoa Sen cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện hơn về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển trong các giai đoạn tiếp theo của doanh nghiệp, như:

- Thực hiện Bản tin Hoa Sen Group định kỳ mỗi quý nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư, đảm bảo nhà đầu tư có đầy đủ thông tin qua đó đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.
- Tổ chức các buổi hội nghị khách hàng nhằm xây dựng, củng cố mối quan hệ hợp tác với các đối tác và nhà đầu tư.
- Tham gia gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, trình bày, giải đáp các vấn đề mà nhà đầu tư quan tâm, tạo sự tin tưởng nơi nhà đầu tư.
- Tổ chức thành công các cuộc họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông: bố trí thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị thuận lợi để các cổ đông có thể tham dự; công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website để các cổ đông tham khảo, làm cơ sở thảo luận và biểu quyết tại hội nghị; trả lời đầy đủ, chu đáo tất cả các câu hỏi do cổ đông đặt ra tại hội nghị.

4 XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU MẠNH VÀ THÂN THIỆN

"Với mục đích xây dựng hình ảnh một thương hiệu Hoa Sen thân thiện, và trên hết là mong muốn được chung tay góp sức cho sự phát triển của cộng đồng, trong những năm qua Tập đoàn Hoa Sen đã rất quan tâm thực hiện các sự kiện cộng đồng và các hoạt động tài trợ, từ thiện nhằm phát triển cộng đồng, thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp."

Một trong những sự kiện rất được cộng đồng quan tâm trong năm 2014 của Tập đoàn Hoa Sen là chương trình Tỏa sáng Nghị lực Việt diễn ra vào tháng 05/2014. Chương trình do Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Tập đoàn Hoa Sen, Báo Thanh Niên cùng Đài Truyền hình Việt Nam – Ban Thanh thiếu niên VTV6 phối hợp tổ chức nhằm mang đến cộng đồng thanh thiếu niên Việt Nam thông điệp về một lý tưởng sống tốt đẹp hơn qua những câu chuyện có thật, đầy cảm động của những tấm gương giàu nghị lực đã vượt qua nghịch cảnh, vươn lên trở thành những tấm gương điển hình trong xã hội. Chương trình có sự tham gia của vị khách mời vô cùng đặc biệt: Diễn giả nổi tiếng thế giới và là tấm gương về nghị lực sống phi thường – Nick Vujicic.

Ngoài ra, Tập đoàn Hoa Sen cũng tham gia tài trợ và tổ chức một số chương trình, sự kiện thường niên giàu tính cộng đồng, tính nhân văn như: Chương trình Mái ấm gia đình Việt – Xuân Giáp Ngọ 2014 năm thứ 5 liên tiếp, Tài trợ cho Giải Bóng đá Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt năm 2014, Chương trình Mái ấm gia đình Việt – Đêm hội Trung thu 2014, và nhiều hoạt động từ thiện khác.

Nick Vujicic trở lại Việt Nam năm 2014

Gala Tỏa sáng Nghị lực Việt tại Tp. HCM.

Gala Tỏa sáng Nghị lực Việt tại Tp. Hà Nội.

Lễ phát động chương trình Tỏa sáng Nghị lực Việt.

Nick tham quan Vịnh Hạ Long.

Nick giao lưu cùng cán bộ CNV Tập đoàn Hoa Sen.

Talk show tại Đài Truyền hình Việt Nam (VTV).

Nick và các tấm gương nghị lực Việt Nam.

BTC Tỏa sáng Nghị lực Việt cùng Nick giao lưu với các phóng viên báo đài.

GALA TỎA SÁNG NGHỊ LỰC VIỆT TẠI TP. HCM.

GALA TỎA SÁNG NGHỊ LỰC VIỆT TẠI TP. HÀ NỘI.

LỄ PHÁT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH TỎA SÁNG NGHỊ LỰC VIỆT

NICK THAM QUAN VỊNH HẠ LONG.

NICK GIAO LƯU CÙNG CÁN BỘ CNV TẬP ĐOÀN HOA SEN.

TALK SHOW TẠI ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM (VTV).

NICK VÀ CÁC TẤM GƯƠNG NGHỊ LỰC VIỆT NAM

BAN TỔ CHỨC TỎA SÁNG NGHỊ LỰC VIỆT CÙNG NICK GIAO LƯU VỚI CÁC PHÓNG VIÊN BÁO ĐÀI.

niềm tin
vững chắc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo Kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	10

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh	Số 3700381324 ngày 23 tháng 10 năm 2014 Đăng ký lần đầu ngày 8 tháng 8 năm 2001 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 ngày 23 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
	Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
	Ông Lý Duy Hoàng	Thành viên (Thôi nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2014)
	Ông Trần Quốc Trí	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2014)
	Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở chính	Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 45. Các báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 8 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 9 năm 2014 và được Tổng Giám đốc phê chuẩn vào ngày 8 tháng 12 năm 2014. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính riêng

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam,
Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (8)38230796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

Ian S. Lydall
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0559-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đào Quang Huy
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1895-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4370
TP. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 12 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B 01 – DN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9 2014 VNĐ	2013 VNĐ
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**6.494.253.273.944**	**4.288.691.574.352**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**138.001.647.603**	**163.502.687.316**
111	Tiền		121.301.647.603	163.502.687.316
112	Các khoản tương đương tiền		16.700.000.000	-
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**2.049.767.900.951**	**1.763.640.430.336**
131	Phải thu khách hàng	4	1.721.171.369.702	1.461.495.129.149
132	Trả trước cho người bán	5	153.846.626.940	173.493.643.718
135	Các khoản phải thu khác	6	176.032.958.092	130.299.478.043
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.283.053.783)	(1.647.820.574)
140	**Hàng tồn kho**	7	**3.710.663.638.443**	**2.125.679.208.524**
141	Hàng tồn kho		3.711.696.909.201	2.126.570.098.340
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.033.270.758)	(890.889.816)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**595.820.086.947**	**235.869.248.176**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8	49.779.479.489	59.400.280.788
152	Thuế GTGT được khấu trừ		541.948.513.679	156.371.440.445
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		85.557.805	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	4.006.535.974	20.097.526.943
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.597.395.807.319**	**2.825.726.447.003**
220	**Tài sản cố định**		**3.006.737.368.454**	**2.270.885.344.911**
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	2.660.458.487.298	1.799.842.639.303
222	Nguyên giá		3.666.617.736.204	2.539.216.612.080
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.006.159.248.906)	(739.373.972.777)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	10(b)	89.590.148.900	70.296.414.036
225	Nguyên giá		111.830.901.311	84.032.961.457
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.240.752.411)	(13.736.547.421)
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	205.560.432.449	205.946.044.163
228	Nguyên giá		221.029.378.600	218.814.965.473
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.468.946.151)	(12.868.921.310)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(d)	51.128.299.807	194.800.247.409
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	11	**513.200.232.017**	**505.732.331.634**
251	Đầu tư vào công ty con		467.276.000.000	446.276.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	44.456.331.634
258	Đầu tư dài hạn khác		8.640.000.000	15.000.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(7.172.099.617)	-
260	**Tài sản dài hạn khác**		**77.458.206.848**	**49.108.770.458**
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	55.134.596.953	38.647.763.126
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	20.311.059.994	8.448.457.431
268	Tài sản dài hạn khác		2.012.549.901	2.012.549.901
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**10.091.649.081.263**	**7.114.418.021.355**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9 2014 VNĐ	2013 VNĐ
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**7.669.014.734.697**	**4.846.313.039.006**
310	**Nợ ngắn hạn**		**6.761.688.243.129**	**4.275.999.268.615**
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	4.749.052.198.420	2.813.966.562.869
312	Phải trả người bán	15	1.825.290.959.556	1.291.606.258.507
313	Người mua trả tiền trước		58.831.484.853	68.781.306.096
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	33.584.282.621	37.829.589.409
315	Phải trả người lao động		31.366.190.372	29.728.804.427
316	Chi phí phải trả	17	37.809.893.447	19.435.294.206
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	16.505.717.402	10.187.671.586
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	9.247.516.458	4.463.781.515
330	**Nợ dài hạn**		**907.326.491.568**	**570.313.770.391**
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	902.755.730.318	566.147.231.641
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		4.570.761.250	4.166.538.750
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.422.634.346.566**	**2.268.104.982.349**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**2.422.634.346.566**	**2.268.104.982.349**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	21	(81.038.848.436)	(81.035.546.498)
418	Quỹ dự phòng tài chính	21	8.525.313.060	8.525.313.060
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	13.278.012.117	2.007.734.351
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	1.022.418.679.462	879.156.291.073
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**10.091.649.081.263**	**7.114.418.021.355**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ như sau:

	Tại ngày 30 tháng 9	
	2014	**2013**
Đô la Mỹ	1.887.802,73	3.912.296,44
Đồng Euro	226,09	223,83
Đô la Úc	306,85	84,78

Trần Công Tiến
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
01	**Doanh thu bán hàng**		**27.965.738.124.852**	**21.088.540.751.496**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(15.606.362.602)	(9.701.879.066)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng**	22	**27.950.131.762.250**	**21.078.838.872.430**
11	**Giá vốn hàng bán**	23	**(26.543.957.391.845)**	**(19.623.508.945.055)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**1.406.174.370.405**	**1.455.329.927.375**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24	189.955.101.097	153.911.101.809
22	Chi phí tài chính	25	(251.034.907.307)	(244.294.199.811)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(178.732.189.603)*	*(165.766.703.044)*
24	Chi phí bán hàng	26	(602.674.781.415)	(428.747.629.257)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(329.681.909.965)	(288.914.910.770)
30	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**		**412.737.872.815**	**647.284.289.346**
31	Thu nhập khác		140.129.321.530	199.428.929.409
32	Chi phí khác		(76.960.835.550)	(163.225.799.527)
40	**Thu nhập khác (số thuần)**	28	**63.168.485.980**	**36.203.129.882**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**475.906.358.795**	**683.487.419.228**
51	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	29	**(91.658.631.969)**	**(80.670.557.845)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	13, 29	**11.862.602.563**	**3.166.854.257**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**396.110.329.389**	**605.983.715.640**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	30	**4.113**	**6.198**

Trần Công Tiến
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**475.906.358.795**	**683.487.419.228**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		283.038.111.139	229.160.859.384
03	Các khoản dự phòng		6.949.713.768	577.132.027
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		8.427.796.677	5.958.802.171
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(161.366.822.416)	(120.166.548.001)
06	Chi phí lãi vay		198.308.677.546	196.311.669.273
07	Lỗ từ thanh lý tài sản cố định		3.202.344.252	1.630.233.766
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**814.466.179.761**	**996.959.567.848**
09	Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác		(495.765.754.652)	(570.978.932.465)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.585.126.810.861)	(778.312.517.737)
11	Tăng các khoản phải trả		531.113.193.354	833.343.926.072
12	Tăng chi phí trả trước		(2.318.187.593)	(10.364.531.068)
13	Lãi vay đã trả		(197.681.089.060)	(197.977.307.958)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(78.836.554.680)	(72.472.586.000)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh		(44.167.732.291)	(26.422.339.778)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(1.058.316.756.022)**	**173.775.278.914**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(1.064.209.108.441)	(483.034.671.208)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		65.210.566.718	23.661.877.723
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(21.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.360.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi, lãi hoạt động đầu tư		1.864.144.549	5.725.644.808
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(1.011.774.397.174)**	**(453.647.148.677)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Chi mua cổ phiếu quỹ		(3.301.938)	(24.318.822.516)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		12.554.276.636.973	9.174.310.259.028
34	Chi trả nợ gốc vay		(10.296.325.989.274)	(8.414.550.209.722)
35	Chi trả thuê tài chính		(18.039.524.067)	(11.669.446.320)
36	Chi trả cổ tức		(192.498.472.300)	(337.811.193.325)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**2.047.409.349.394**	**385.960.587.145**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(22.681.803.802)**	**106.088.717.382**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**163.502.687.316**	**62.322.761.267**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi		(2.819.235.911)	(4.908.791.333)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**138.001.647.603**	**163.502.687.316**

Trần Công Tiến
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 8 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group – ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 23 tháng 10 năm 2014.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác;
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm;
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác;
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại;
- Sản xuất tấm trần PVC;
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn; và
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty có 3.168 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 2.765 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính riêng cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.9 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư vào các công ty con

Đầu tư vào các công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(c) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời gian của dự án (Giấy phép đầu tư) nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 – 30 năm
Máy móc thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	6 – 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 – 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian Công ty được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.11 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

2.14 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.15 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.16 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.

2.17 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.18 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tại Công ty. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Tiền mặt	18.919.893.997	14.274.631.095
Tiền gửi ngân hàng	102.381.753.606	94.548.110.623
Tiền đang chuyển	-	54.679.945.598
Các khoản tương đương tiền (*)	16.700.000.000	-
	138.001.647.603	163.502.687.316

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn không quá 3 tháng.

4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Bên thứ ba	596.483.621.409	507.280.860.674
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	1.124.687.748.293	954.214.268.475
	1.721.171.369.702	1.461.495.129.149

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Bên thứ ba	63.663.399.940	83.310.416.718
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	90.183.227.000	90.183.227.000
	153.846.626.940	173.493.643.718

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Bên thứ ba	12.524.603.338	13.316.001.803
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	163.508.354.754	116.983.476.240
	176.032.958.092	130.299.478.043

7 HÀNG TỒN KHO

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	1.492.842.901.982	978.344.797.756
Nguyên vật liệu	207.712.164.971	83.782.659.001
Công cụ, dụng cụ	171.641.780.379	141.008.837.842
Thành phẩm	1.617.607.372.114	797.033.275.564
Hàng hóa (*)	221.892.689.755	126.400.528.177
	3.711.696.909.201	2.126.570.098.340
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.033.270.758)	(890.889.816)
	3.710.663.638.443	2.125.679.208.524

(*) Bao gồm 15 căn hộ với giá trị 17.268.969.715 đồng có được từ việc cấn trừ khoản phải thu khác khi thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông – Hoa Sen.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.609.522.370.577 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 820.719.777.712 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	59.400.280.788	24.941.573.704
Tăng trong năm	148.755.747.887	142.581.716.702
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	17.247.961	1.525.072.582
Phân bổ trong năm	(158.393.797.147)	(103.147.562.579)
Thanh lý	-	(6.500.519.621)
Số dư cuối năm	49.779.479.489	59.400.280.788

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí quảng cáo, tiền thuê mặt bằng và công cụ dụng cụ.

9 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn	75.092.012	15.962.822.128
Tạm ứng cho nhân viên	3.931.443.962	4.134.704.815
	4.006.535.974	20.097.526.943

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	533.332.098.725	1.911.189.274.354	73.165.058.065	2.795.650.943	18.734.529.993	**2.539.216.612.080**
Mua trong năm	230.271.581	50.746.546.978	10.523.801.006	1.920.000.000	-	**63.420.619.565**
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10(d))	71.980.146.837	1.050.101.751.715	7.672.174.605	7.746.518.386	-	**1.137.500.591.543**
Thanh lý, nhượng bán	(700.000.000)	(67.332.740.346)	(3.080.331.655)	-	-	**(71.113.072.001)**
Giảm khác	(280.809.194)	(546.384.581)	(505.626.994)	(992.359.712)	(81.834.502)	**(2.407.014.983)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	604.561.707.949	2.944.158.448.120	87.775.075.027	11.469.809.617	18.652.695.491	**3.666.617.736.204**
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	112.471.136.237	590.511.555.281	28.942.091.093	2.142.891.189	5.306.298.977	**739.373.972.777**
Khấu hao trong năm	33.366.844.748	227.116.291.035	8.123.210.662	515.031.068	2.753.826.669	**271.875.204.182**
Thanh lý, nhượng bán	(277.177.451)	(1.594.758.368)	(828.225.212)	-	-	**(2.700.161.031)**
Giảm khác	(280.809.194)	(546.384.581)	(505.626.994)	(992.359.712)	(64.586.541)	**(2.389.767.022)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	145.279.994.340	815.486.703.367	35.731.449.549	1.665.562.545	7.995.539.105	**1.006.159.248.906**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	420.860.962.488	1.320.677.719.073	44.222.966.972	652.759.754	13.428.231.016	**1.799.842.639.303**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	459.281.713.609	2.128.671.744.753	52.043.625.478	9.804.247.072	10.657.156.386	**2.660.458.487.298**

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 93.081.688.935 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 60.396.167.716 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình cho các công ty con thuê hoạt động như sau:

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1.160.119.380.797	683.123.759.502
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	12.149.736.641	15.805.195.264
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	2.345.781.061	-

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 2.017.702.800.791 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 1.183.999.995.907 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty.

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	84.032.961.457	-	84.032.961.457
Tăng trong năm	17.631.576.219	10.166.363.635	27.797.939.854
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	101.664.537.676	10.166.363.635	111.830.901.311
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	13.736.547.421	-	13.736.547.421
Khấu hao trong năm	7.944.527.611	559.677.379	8.504.204.990
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	21.681.075.032	559.677.379	22.240.752.411
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	70.296.414.036	-	70.296.414.036
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	79.983.462.644	9.606.686.256	89.590.148.900

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, giá trị còn lại của tài sản cố định thuê tài chính được Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động là 62.343.460.857 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 70.296.414.036 đồng).

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	217.424.491.739	1.390.473.734	**218.814.965.473**
Tăng trong năm	2.412.000.000	-	**2.412.000.000**
Giảm khác	(151.870.850)	(45.716.023)	**(197.586.873)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	219.684.620.889	1.344.757.711	**221.029.378.600**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	11.681.401.473	1.187.519.837	**12.868.921.310**
Khấu hao trong năm	2.455.748.070	202.953.897	**2.658.701.967**
Giảm khác	(12.961.103)	(45.716.023)	**(58.677.126)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	14.124.188.440	1.344.757.711	**15.468.946.151**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	205.743.090.266	202.953.897	**205.946.044.163**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	205.560.432.449	-	**205.560.432.449**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.801.153.855 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 280.361.120 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình được Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen thuê lại theo một hợp đồng thuê hoạt động là 13.196.220.818 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 13.618.499.882 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 148.361.268.362 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 151.229.816.792 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty.

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Số dư đầu năm	194.800.247.409	25.319.737.083
Tăng trong năm	998.376.488.876	446.328.105.122
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(4.547.844.935)	(2.545.310.556)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(1.137.500.591.543)	(274.302.284.240)
Số dư cuối năm	51.128.299.807	194.800.247.409

Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	18.879.194.234	154.161.951.042
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	1.170.024.655	15.404.412.315

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 13.481.318.457 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 6.815.357.992 đồng).

11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty con	**Hoạt động chính**	**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**	**% quyền sở hữu và quyền biểu quyết**	**Số tiền**	
				30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4604000225 và số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và ngày 27 tháng 12 năm 2012.	100	280.000.000.000	280.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 4904000228 và số 3500786179 do Ban Quản Lý các Khu công nghiệp Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007 và do Sở Kế hoạch và đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18 tháng 3 năm 2013.	100	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cán, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 4603000325, 4604000224 và số 3700785528 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007, ngày 24 tháng 12 năm 2007, và ngày 25 tháng 4 năm 2013 .	100	16.276.000.000	16.276.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Ống Thép Hoa Sen Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang và vật liệu xây dựng bằng đất sét. Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101425750 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014.	100	21.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Nghệ An (*)	Sản xuất sắt, thép, gang và vật liệu xây dựng bằng đất sét.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901722597 do Sở Kế hoạch và đầu tư Nghệ An cấp ngày 28 tháng 5 năm 2014.	-	-	-
				467.276.000.000	**446.276.000.000**

(*) Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 31/NQ/HĐQT/2014 ngày 21 tháng 5 năm 2014 về việc thành lập công ty con trực thuộc Công ty Hoa Sen với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Người đại diện trước pháp luật của công ty con là ông Trần Quốc Trí. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Nghệ An chưa được góp.

11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
			30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Công ty	**Hoạt động chính**			
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept (**)	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	45	44.456.331.634	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác				
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế.	3	8.640.000.000	15.000.000.000
TỔNG			**53.096.331.634**	**59.456.331.634**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(7.172.099.617)	-
TỔNG CỘNG			**45.924.232.017**	**59.456.331.634**

(**) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept đang chờ chuyển nhượng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2011 ngày 16 tháng 6 năm 2011.

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	38.647.763.126	56.290.140.917
Tăng trong năm	55.658.044.413	22.729.276.802
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10(d))	4.547.844.935	2.545.310.556
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	2.381.415.087
Tăng khác	-	127.200.500
Phân bổ trong năm	(43.716.230.713)	(32.641.637.997)
Thanh lý công cụ dụng cụ đang sử dụng	(2.824.808)	(12.783.942.739)
Số dư cuối năm	55.134.596.953	38.647.763.126

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, máy vi tính và công cụ dụng cụ.

13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	8.448.457.431	5.281.603.174
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11.862.602.563	3.166.854.257
Số dư cuối năm	20.311.059.994	8.448.457.431

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan tới các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các chi nhánh của Công ty, trích trước chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước khác.

14 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

		30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	(*)	4.545.014.751.312	2.468.854.540.949
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))		178.490.520.160	298.642.575.600
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))		14.146.926.948	11.669.446.320
Các khoản vay ngắn hạn khác	(**)	11.400.000.000	34.800.000.000
		4.749.052.198.420	2.813.966.562.869

(*) Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Lãi suất năm	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
1	USD	2,8% – 4%	114.932.361.600	211.410.740.800
2	USD	1,7% – 3,6%	731.576.366.093	317.842.593.447
3	VNĐ	5% – 7%	249.683.503.925	130.280.111.484
4	USD	1,8% – 4%	779.430.781.707	441.089.851.000
5	VNĐ	5% – 7,25%	79.003.342.468	158.246.647.827
6	USD	1,75% – 3,5%	848.526.893.732	227.817.968.103
7	VNĐ	5,85% – 7,06%	-	150.360.360.683
8	USD	2,3% – 3,8%	79.747.834.492	59.957.213.921
9	USD	3,7% – 3,8%	-	56.013.170.601
10	USD	2,3% – 3,4%	156.427.906.778	15.154.363.000
11	VNĐ	4,7% – 6%	46.086.099.531	-
12	USD	2,2% – 3,8%	115.314.237.629	25.443.265.372
13	USD	2,2% – 3,3%	203.101.043.517	118.899.619.612
14	VNĐ	5,8% – 8,6%	-	28.700.000.000
15	USD	3,1% – 3,8%	-	145.515.382.898
16	VNĐ	5,2%	19.979.666.369	-
17	USD	2,3% – 3,8%	188.890.776.245	184.507.457.516
18	VNĐ	5% – 7%	85.815.206.886	12.540.583.701
19	USD	3,5% – 4%	-	34.004.044.702
20	USD	2,15% – 2,3%	152.713.598.623	-
21	USD	3,25%	-	48.722.541.665
22	USD	1,8 – 3,8%	449.306.777.483	102.348.624.617
23	VNĐ	5% – 6,5%	244.478.354.234	-
			4.545.014.751.312	2.468.854.540.949

Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng một số tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty.

(**) Các khoản vay ngắn hạn khác bao gồm:

(i) Khoản vay 11.400.000.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 8.500.000.000 đồng) từ một công ty con, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất 6%/năm (Thuyết minh 33(b)).

(ii) Khoản vay 26.300.000.000 đồng từ một cá nhân tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 đã được hoàn trả trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014.

(b) Vay và nợ dài hạn

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Vay ngân hàng (*)	1.013.296.693.623	789.545.123.372
Nợ thuê tài chính (**)	55.326.179.963	42.787.970.189
Nợ dài hạn khác (***)	26.770.303.840	44.126.160.000
	1.095.393.177.426	876.459.253.561
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))	(178.490.520.160)	(298.642.575.600)
Trừ: Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))	(14.146.926.948)	(11.669.446.320)
	902.755.730.318	566.147.231.641

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
1	VNĐ	25/9/2017	10% – 11,5%	162.350.000.000	326.339.516.000
2	USD	16/7/2019	3,9% – 4,15%	355.589.385.675	58.081.311.390
3	VNĐ	16/7/2019	9,5% – 10%	203.927.766.824	52.220.357.395
4	USD	31/10/2018	3,8% – 4%	45.287.111.012	-
5	VNĐ	14/8/2019	9,5% – 11,6%	135.530.421.695	212.001.916.695
6	USD	8/9/2018	1,7%	64.016.099.517	80.621.411.392
7	VNĐ	25/9/2015	7,8%	10.660.000.000	21.280.000.000
8	VNĐ	17/7/2017	9,5% – 11%	28.601.098.900	39.000.610.500
9	VNĐ	16/9/2019	9% – 9,25%	7.334.810.000	-
				1.013.296.693.623	789.545.123.372

14 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

(b) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

(**) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính như sau:

30.9.2014

	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	17.997.474.657	3.850.547.709	14.146.926.948
Từ 1 – 5 năm	32.036.710.090	3.550.423.927	28.486.286.163
	50.034.184.747	7.400.971.636	42.633.213.111

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nợ gốc của nợ thuê tài chính không bao gồm hai hợp đồng thuê tài chính với tổng giá trị là 12.692.966.852 đồng vì lịch thanh toán cụ thể chưa được xác định.

30.9.2013

	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	15.902.131.774	4.232.685.454	11.669.446.320
Từ 1 – 5 năm	35.959.305.011	4.840.781.142	31.118.523.869
	51.861.436.785	9.073.466.596	42.787.970.189

(***) Nợ dài hạn khác là khoản nợ 976.000 Euro tương đương 26.770.303.840 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 44.126.160.000 đồng) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng đến tháng 5 năm 2016.

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Bên thứ ba	1.817.785.651.168	1.281.112.190.653
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	7.505.308.388	10.494.067.854
	1.825.290.959.556	1.291.606.258.507

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	11.189.715.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.586.194.784	17.764.117.495
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.200.406.997	3.520.815.664
Thuế xuất nhập khẩu	-	94.673
Thuế khác	797.680.840	5.354.845.684
	33.584.282.621	37.829.589.409

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Chi phí điện	8.669.896.200	38.193.240
Xây dựng cơ bản dở dang	10.317.543.485	334.545.454
Chi phí vận chuyển	-	582.558.457
Chi phí kiểm toán	300.000.000	420.000.000
Chi phí lương tháng 13	13.605.575.000	12.513.797.000
Chi phí lãi vay	2.854.878.762	2.227.290.276
Chi phí phải trả khác	2.062.000.000	3.318.909.779
	37.809.893.447	19.435.294.206

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Cổ tức phải trả	3.481.670.900	3.353.947.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.703.448.900	1.294.753.800
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	74.361.249	383.850
Nhận đặt cọc dự thầu	3.370.000.330	3.580.000.000
Phải trả khác	7.876.236.023	1.958.586.736
	16.505.717.402	10.187.671.586

19 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	4.463.781.515	5.225.251.199
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	23.233.584.000	14.724.134.716
Sử dụng	(18.449.849.057)	(15.485.604.400)
Số dư cuối năm	9.247.516.458	4.463.781.515

20 SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành như sau:

	30.9.2014		30.9.2013	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Cổ phiếu được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu quỹ	(4.477.692)	-	(4.477.692)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.313.098	-	96.313.098	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Công ty mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(56.716.723.982)	8.525.313.060	2.148.326.909	637.644.135.969	**2.051.052.242.319**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	605.983.715.640	**605.983.715.640**
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(338.951.283.000)	**(338.951.283.000)**
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(24.318.822.516)	-	-	-	**(24.318.822.516)**
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(14.724.134.716)	**(14.724.134.716)**
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	10.796.142.820	(10.796.142.820)	**-**
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(10.936.735.378)	-	**(10.936.735.378)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.035.546.498)	8.525.313.060	2.007.734.351	879.156.291.073	**2.268.104.982.349**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	396.110.329.389	**396.110.329.389**
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(192.626.196.000)	**(192.626.196.000)**
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.301.938)	-	-	-	**(3.301.938)**
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	-	(23.233.584.000)	**(23.233.584.000)**
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	36.988.161.000	(36.988.161.000)	**-**
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-	-	(25.717.883.234)	-	**(25.717.883.234)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462	**2.422.634.346.566**

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2014 ngày 8 tháng 1 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 02/NQ/HĐQT/2014 ngày 8 tháng 1 năm 2014 và Nghị quyết số 22/NQ/HĐQT/2014 ngày 18 tháng 4 năm 2014 về việc chia cổ tức.

(**) Bao gồm khoản tiền 10.850.378.000 đồng Công ty chi thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch trong niên độ 2013 cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông.

22 DOANH THU

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Doanh thu		
Thành phẩm	14.273.844.186.822	11.082.285.583.575
Hàng hóa	13.577.645.192.570	10.006.255.167.921
Doanh thu cho công ty con thuê tài sản	114.248.745.460	-
	27.965.738.124.852	21.088.540.751.496
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(1.069.848.713)	-
Hàng bán bị trả lại	(12.622.297.775)	(7.828.484.379)
Giảm giá hàng bán	(1.914.216.114)	(1.873.394.687)
	(15.606.362.602)	(9.701.879.066)
Doanh thu thuần	**27.950.131.762.250**	**21.078.838.872.430**

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Thành phẩm	13.188.447.373.691	9.917.599.488.276
Hàng hóa	13.243.596.865.030	9.705.909.456.779
Chi phí phát sinh từ cho công ty con thuê tài sản	111.913.153.124	-
	26.543.957.391.845	19.623.508.945.055

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	724.584.549	5.725.644.808
Thu nhập từ đầu tư tài chính	1.139.560.000	-
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	111.590.513.050	58.460.323.352
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	46.126.688.336	54.978.258.214
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.941.634.189	1.327.444.838
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	28.432.120.973	33.419.430.597
	189.955.101.097	153.911.101.809

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Chi phí lãi vay	178.732.189.603	165.766.703.044
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	7.172.099.617	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	56.702.821.410	72.568.694.596
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	8.427.796.677	5.958.802.171
	251.034.907.307	244.294.199.811

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	120.926.308.122	94.374.306.096
Chi phí khấu hao	16.538.614.903	15.906.158.616
Chi phí vật liệu bao bì	1.774.692.230	1.766.796.258
Chi phí vận chuyển	256.127.040.197	173.519.548.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.529.736.899	75.511.939.435
Chi phí khác	126.778.389.064	67.668.880.628
	602.674.781.415	428.747.629.257

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	163.729.754.746	134.002.109.964
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.189.655.193	4.868.071.359
Chi phí khấu hao	24.592.508.115	17.651.279.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.585.788.390	60.838.917.703
Chi phí khác	97.584.203.521	71.554.531.994
	329.681.909.965	288.914.910.770

28 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Thu nhập khác		
Thu từ bán phế liệu	58.783.668.760	8.842.139.197
Thu từ bán công cụ dụng cụ đang sử dụng cho công ty con	-	19.284.462.563
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	65.210.566.718	23.661.877.723
Thu nhập từ cho công ty con thuê hoạt động	-	128.195.000.000
Thu nhập khác	16.135.086.052	19.445.449.926
	140.129.321.530	199.428.929.409
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý cho Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	(19.284.462.360)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(68.412.910.970)	(25.292.111.489)
Chi phí phát sinh từ cho thuê hoạt động	-	(111.676.913.597)
Chi phí khác	(8.547.924.580)	(6.972.312.081)
	(76.960.835.550)	(163.225.799.527)
Thu nhập khác – Số thuần	63.168.485.980	36.203.129.882

29 THUẾ

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo. Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

Theo Nghị định số 218/2013/ND-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn chi tiết Luật Thuế TNDN, thuế suất tính thuế TNDN sẽ giảm từ 25% xuống 22% năm 2014 và tiếp tục giảm xuống 20% từ năm 2016.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% (cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013) và 22% (cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến 30 tháng 9 năm 2014) được thể hiện như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	475.906.358.795	683.487.419.228
Thuế tính theo thuế suất 22%/25%	108.268.696.626	170.871.854.807
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(48.099.463.385)	(35.391.629.919)
Chi phí không được khấu trừ	19.616.796.165	30.051.231.755
Ảnh hưởng của việc giảm thuế	-	(80.124.926.735)
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	-	986.723
Dự phòng thiếu của năm trước	10.000.000	544.644.387
Ảnh hưởng khác	-	(8.448.457.430)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	79.796.029.406	77.503.703.588

Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	91.658.631.969	80.670.557.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại (Thuyết minh 13)	(11.862.602.563)	(3.166.854.257)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	396.110.329.389	605.983.715.640
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.313.098	97.766.865
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	4.113	6.198

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Chi phí nguyên vật liệu	13.329.512.973.369	9.601.410.193.031
Chi phí nhân công	368.464.398.879	287.901.927.038
Chi phí khấu hao và phân bổ	184.537.661.805	142.053.821.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	771.146.234.367	594.712.964.386
Các chi phí khác	495.180.000.201	347.028.628.771
	15.148.841.268.621	10.973.107.534.331

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro biến động lãi suất), rủi ro nợ phải thu và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện, đo lường rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro.

Bộ phận Tài chính của Công ty đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

(a) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tỷ giá

Việc kinh doanh của Công ty có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá VNĐ/USD và VNĐ/EUR vì Công ty có các giao dịch mua nguyên vật liệu (thép cuộn cán nóng, kẽm thỏi, hợp kim nhôm kẽm) và các khoản nợ bằng USD và EUR. Công ty giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá bằng việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu. Ngoài ra, Công ty thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro tỷ giá được trình bày như sau:

	30.9.2014		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	**Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ**	**Tổng cộng VNĐ**
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	40.108.256.802	6.201.330	40.114.458.132
Phải thu khách hàng	368.182.326.694	-	368.182.326.694
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	8.553.399.186	2.983.298.020	11.536.697.206
	416.843.982.682	2.989.499.350	419.833.482.032
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(4.284.861.174.103)	(26.770.303.840)	(4.311.631.477.943)
Phải trả người bán	(1.621.518.573.570)	-	(1.621.518.573.570)
Người mua trả tiền trước	(26.890.480.485)	-	(26.890.480.485)
	(5.933.270.228.158)	(26.770.303.840)	(5.960.040.531.998)
Mức độ rủi ro tỷ giá	**(5.516.426.245.476)**	**(23.780.804.490)**	**(5.540.207.049.966)**

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

	30.9.2013		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	**Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ**	**Tổng cộng VNĐ**
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	82.459.473.159	6.331.255	82.465.804.414
Phải thu khách hàng	230.532.796.358	-	230.532.796.358
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	83.003.936.948	-	83.003.936.948
	395.996.206.465	6.331.255	396.002.537.720
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(2.127.429.560.036)	(44.126.160.000)	(2.171.555.720.036)
Phải trả người bán	(1.081.691.062.033)	-	(1.081.691.062.033)
Người mua trả tiền trước	(50.986.078.470)	-	(50.986.078.470)
	(3.260.106.700.539)	(44.126.160.000)	(3.304.232.860.539)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(2.864.110.494.074)	(44.119.828.745)	(2.908.230.322.819)

Mức độ rủi ro tỷ giá này thể hiện tổng giá trị thuần của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc USD và EUR. Khi tỷ giá VNĐ/USD và/hoặc VNĐ/EUR biến động, giá trị kỳ vọng của khoản này và lợi nhuận của Công ty sẽ thay đổi.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nếu tỷ giá VNĐ/USD tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 43.028.124.715 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 25.060.966.823 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nếu tỷ giá VNĐ/EUR tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 185.490.275 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 386.048.502 đồng).

(ii) Rủi ro về giá

Công ty không phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư được phân loại sẵn sàng để bán bởi vì Công ty không có các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết.

(iii) Rủi ro biến động lãi suất

Công ty có thể chịu rủi ro biến động lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Công ty đã và đang thực hiện định mức tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm và phụ tùng thay thế ở mức hợp lý để giảm thiểu nhu cầu vay ngắn hạn cũng như cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VNĐ linh hoạt, phù hợp với tình hình biến động của lãi suất và tỷ giá để đạt được chi phí lãi vay hợp lý. Công ty có các khoản vay lãi suất biến thiên chủ yếu là bằng đồng VNĐ và USD.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng VNĐ tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 9.460.495.674 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 9.085.805.517 đồng).

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng USD tăng/giảm 0,5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 12.264.593.436 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 8.451.016.886 đồng).

(b) Rủi ro nợ phải thu

Công ty giảm thiểu rủi ro nợ phải thu thông qua các chính sách sau:

- Xây dựng định mức dư nợ và số ngày nợ tối đa cho từng khách hàng cụ thể cùng với việc lập báo cáo chi tiết theo dõi quá trình thanh toán hàng ngày để xem xét đánh giá lại định mức cũng như phân loại nợ và đôn đốc thu hồi nợ;
- Tính lãi vay trên công nợ và giao định mức tỷ lệ dư nợ bình quân hàng tháng cho các bộ phận kinh doanh và các chi nhánh phân phối – bán lẻ;
- Không bán chịu cho khách hàng mới hay khách hàng có nợ quá hạn trên 90 ngày, trừ các trường hợp đặc biệt do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Chuyển các cơ quan chức năng giải quyết khi cần thiết.

32 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có quỹ dự trữ tiền mặt để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

30.9.2014

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả người bán	1.825.290.959.556	-	-	1.825.290.959.556
Vay ngắn hạn	4.556.414.751.312	-	-	4.556.414.751.312
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	192.637.447.108	902.755.730.318	-	1.095.393.177.426
	6.574.343.157.976	902.755.730.318	-	7.477.098.888.294

30.9.2013

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả người bán	1.291.606.258.507	-	-	1.291.606.258.507
Vay ngắn hạn	2.503.654.540.949	-	-	2.503.654.540.949
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	310.312.021.920	566.147.231.641	-	876.459.253.561
	4.105.572.821.376	566.147.231.641	-	4.671.720.053.017

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	10.993.429.364.000	8.623.848.678.756
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	3.019.078.642.465	1.522.146.927.731
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	1.361.457.252
Công ty TNHH Một Thành Viên Ống thép Hoa Sen Bình Định	2.173.587.234	-
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	11.831.109.338.240	8.460.722.893.071
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	2.251.208.073.031	1.099.873.757.571
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	469.489.908	344.786.101
iii) Bán tài sản cố định		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	44.774.872.862	18.051.384.898
iv) Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	470.457.573	24.560.590
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	1.109.330.046	564.508.053

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
v) Các giao dịch khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Thu nhập từ cho thuê hoạt động	110.510.200.000	124.427.000.000
Mua khác	8.479.203.977	7.136.657.537
Bán khác	-	24.096.824
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	19.284.462.563
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Thu nhập từ cho thuê hoạt động	3.654.545.460	3.768.000.000
Trả lại hàng bán	1.045.538.628	1.587.397.915
Mua khác	678.372.155	1.003.606.875
Bán khác	1.576.768.024	-
Trả lại hàng mua	9.220.897	56.115.632
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen		
Thu nhập từ cho thuê hoạt động	84.000.000	-
Mua khác	10.986.287.239	8.536.066.523
Bán khác	24.019.194	-
Chi phí lãi vay	639.600.000	218.583.333
Tiền vay trả trong năm	1.300.000.000	6.500.000.000
Tiền vay nhận được trong năm	4.200.000.000	8.500.000.000
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	1.145.000.000	958.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	10.850.378.000	5.705.000.000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	8.110.590.009	7.474.632.000
Thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	5.540.000.000	2.865.200.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	413.269.247.273	617.103.340.689
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	709.027.555.064	337.110.927.786
Công ty TNHH Một Thành Viên Ống thép Hoa Sen Bình Định	2.390.945.956	-
	1.124.687.748.293	954.214.268.475
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 5)		
Ông Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc) - Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)		
Phải thu lợi nhuận được chia từ các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	111.590.513.050	58.460.323.352
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	46.126.688.336	54.978.258.214
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.941.634.189	1.327.444.838
Phải thu khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	3.849.519.179	744.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	2.216.705.836
	163.508.354.754	116.983.476.240
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14(a))		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	11.400.000.000	8.500.000.000

33 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Phải trả người bán (Thuyết minh 15)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	4.100.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	3.405.308.388	4.494.067.854
	7.505.308.388	10.494.067.854
Phải trả khác (Thuyết minh 18)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	49.291.849	383.850
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	22.969.400	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	2.100.000	-
	74.361.249	383.850

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30.9.2014 VNĐ	30.09.2013 VNĐ	30.9.2014 VNĐ	30.09.2013 VNĐ	30.9.2014 VNĐ	30.09.2013 VNĐ
Doanh thu bán hàng	22.006.720.314.427	15.858.634.519.415	5.943.411.447.823	5.220.204.353.015	27.950.131.762.250	21.078.838.872.430
Giá vốn hàng bán	(20.970.909.099.065)	(14.732.012.034.094)	(5.573.048.292.780)	(4.891.496.910.961)	(26.543.957.391.845)	(19.623.508.945.055)
Lợi nhuận gộp	1.035.811.215.362	1.126.622.485.321	370.363.155.043	328.707.442.054	1.406.174.370.405	1.455.329.927.375

35 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

(a) Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Dưới 1 năm	28.345.347.738	22.873.345.777
Từ 1 đến 5 năm	80.415.983.201	52.321.739.337
Trên 5 năm	98.678.363.000	176.131.828.498
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	207.439.693.939	251.326.913.612

(b) Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty nhận được mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Dưới 1 năm	165.985.145.460	106.680.000.000
Từ 1 đến 5 năm	655.060.050.000	423.120.000.000
Trên 5 năm	794.889.300.000	412.320.000.000
Tổng cộng các khoản nhận được tối thiểu	1.615.934.495.460	942.120.000.000

36 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	61.885.954.624	615.558.105.177

Báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 8 tháng 12 năm 2014.

Trần Công Tiến	**Nguyễn Thị Ngọc Lan**	**Trần Ngọc Chu**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

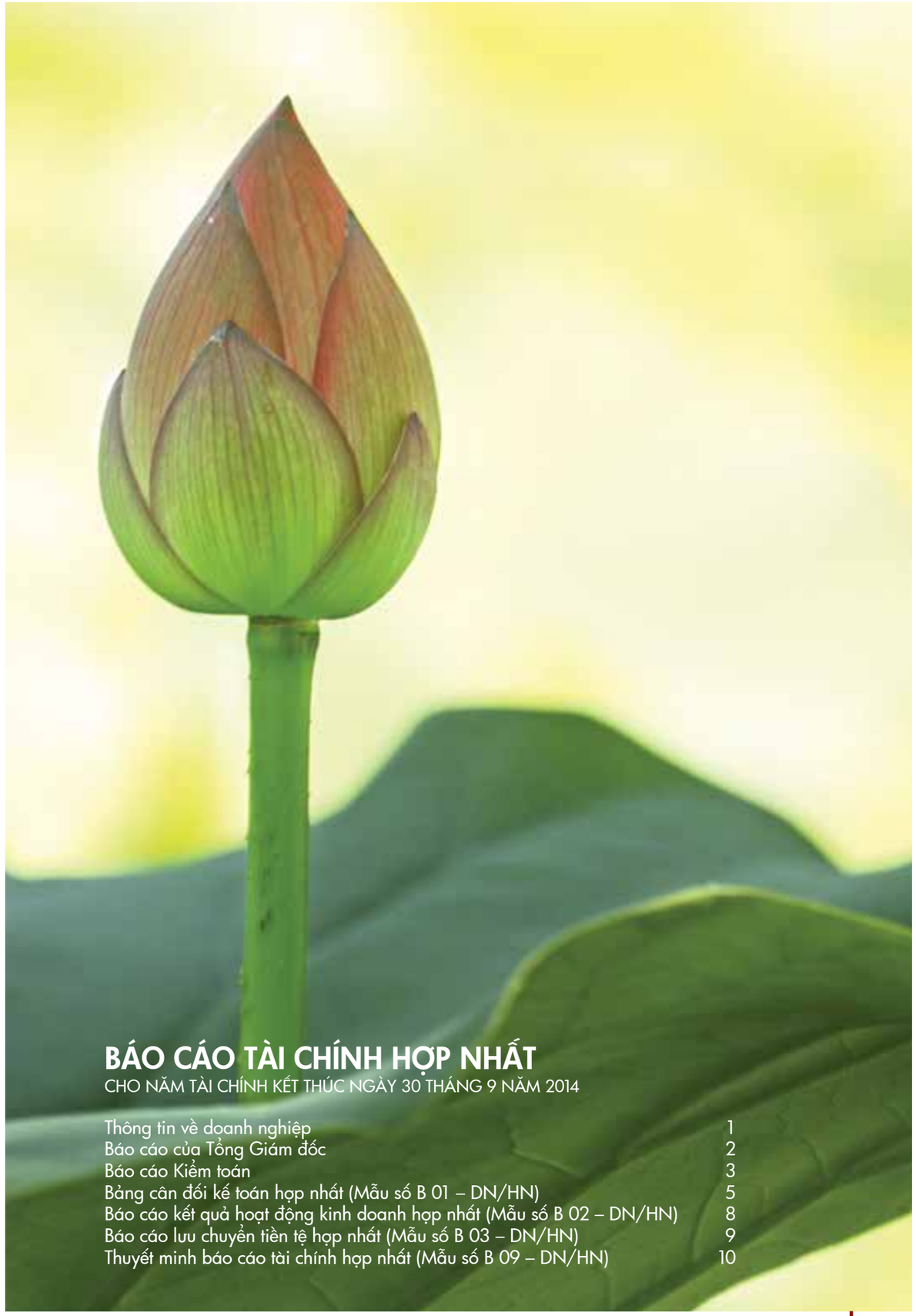

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014

Thông tin về doanh nghiệp 1
Báo cáo của Tổng Giám đốc 2
Báo cáo Kiểm toán 3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN) 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN) 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN) 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN) 10

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh	Số 3700381324 ngày 23 tháng 10 năm 2014 Đăng ký lần đầu ngày 8 tháng 8 năm 2001 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 ngày 23 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
	Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
	Ông Lý Duy Hoàng	Thành viên (Thôi nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2014)
	Ông Trần Quốc Trí	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2014)
	Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở chính	Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 43. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 16 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 30 tháng 9 năm 2014 và được Tổng Giám đốc phê chuẩn vào ngày 16 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam,
Lầu 4, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (8)38230796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Ian S. Lydall
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0559-2013-006-1

Đào Quang Huy
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1895-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM4373
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9 2014 VNĐ	Tại ngày 30 tháng 9 2013 VNĐ
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**6.399.611.833.585**	**4.214.832.811.102**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**155.963.095.793**	**177.312.594.189**
111	Tiền		139.263.095.793	177.312.594.189
112	Các khoản tương đương tiền		16.700.000.000	-
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**823.122.365.399**	**748.158.629.178**
131	Phải thu khách hàng		639.992.051.617	548.362.562.681
132	Trả trước cho người bán	4	169.550.875.892	187.574.760.737
135	Các khoản phải thu khác		16.761.942.226	15.225.431.240
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.182.504.336)	(3.004.125.480)
140	**Hàng tồn kho**	5	**4.746.911.757.910**	**3.019.573.646.607**
141	Hàng tồn kho		4.747.945.028.668	3.020.464.536.423
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.033.270.758)	(890.889.816)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**673.614.614.483**	**269.787.941.128**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	6	63.446.522.228	79.882.282.268
152	Thuế GTGT được khấu trừ		605.808.775.598	169.583.730.029
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		106.928.841	3.821.219
158	Tài sản ngắn hạn khác	7	4.252.387.816	20.318.107.612
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.806.028.656.750**	**2.927.338.171.070**
220	**Tài sản cố định**		**3.654.010.184.217**	**2.789.679.562.937**
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	3.189.284.149.072	2.235.719.440.684
222	Nguyên giá		4.589.465.633.409	3.304.809.510.491
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.400.181.484.337)	(1.069.090.069.807)
224	Tài sản thuê tài chính	8(b)	165.181.799.071	122.416.298.653
225	Nguyên giá		197.947.748.863	141.197.532.904
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.765.949.792)	(18.781.234.251)
227	Tài sản cố định vô hình	8(c)	233.117.465.014	234.454.547.464
228	Nguyên giá		255.736.845.670	253.522.432.543
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.619.380.656)	(19.067.885.079)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8(d)	66.426.771.060	197.089.276.136
250	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	9	**45.924.232.017**	**59.456.331.634**
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	44.456.331.634
258	Đầu tư dài hạn khác		8.640.000.000	15.000.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(7.172.099.617)	-
260	**Tài sản dài hạn khác**		**106.094.240.516**	**78.202.276.499**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	70.471.118.888	57.767.508.898
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	31.207.571.727	16.019.217.700
268	Tài sản dài hạn khác		4.415.549.901	4.415.549.901
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**10.205.640.490.335**	**7.142.170.982.172**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9 2014 VNĐ	Tại ngày 30 tháng 9 2013 VNĐ
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**7.826.443.294.669**	**4.931.735.187.568**
310	**Nợ ngắn hạn**		**6.867.040.020.620**	**4.338.668.254.238**
311	Vay và nợ ngắn hạn	12(a)	4.756.010.502.749	2.814.413.724.769
312	Phải trả người bán		1.885.979.467.059	1.317.685.051.025
313	Người mua trả tiền trước		61.287.438.660	73.221.290.326
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	47.193.566.120	51.640.398.454
315	Phải trả người lao động		41.256.129.506	38.337.483.577
316	Chi phí phải trả	14	42.578.494.225	22.392.802.462
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	23.486.905.843	16.513.722.110
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	9.247.516.458	4.463.781.515
330	**Nợ dài hạn**		**959.403.274.049**	**593.066.933.330**
334	Vay và nợ dài hạn	12(b)	953.820.775.299	588.026.924.580
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		5.582.498.750	5.040.008.750
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.379.197.195.666**	**2.210.435.794.604**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**2.379.197.195.666**	**2.210.435.794.604**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	18	(81.038.848.436)	(81.035.546.498)
418	Quỹ dự phòng tài chính	18	8.525.313.060	8.525.313.060
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	13.278.012.117	2.007.734.351
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	978.981.528.562	821.487.103.328
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**10.205.640.490.335**	**7.142.170.982.172**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ như sau:

	Tại ngày 30 tháng 9	
	2014	2013
Đô la Mỹ	1.890.293,59	3.915.198,11
Đồng Euro	226,09	223,83
Đô la Úc	306,85	84,78

Trần Công Tiến	**Nguyễn Thị Ngọc Lan**	**Trần Ngọc Chu**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc Ngày 16 tháng 12 năm 2014

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
01	**Doanh thu bán hàng**		**15.005.074.576.304**	**11.772.644.300.807**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(14.713.596.230)	(12.745.708.265)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng**	19(a)	**14.990.360.980.074**	**11.759.898.592.542**
11	**Giá vốn hàng bán**	20	**(13.240.125.281.029)**	**(10.052.386.178.283)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng**		**1.750.235.699.045**	**1.707.512.414.259**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19(b)	30.490.606.576	39.687.232.366
22	Chi phí tài chính	21	(256.363.406.116)	(246.584.741.097)
23	*Trong đó: chi phí lãi vay*		*(183.558.980.466)*	*(167.862.447.942)*
24	Chi phí bán hàng	22	(672.774.723.079)	(491.346.997.958)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(393.176.046.163)	(350.540.024.416)
30	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**		**458.412.130.263**	**658.727.883.154**
31	Thu nhập khác	24	96.439.652.562	37.177.802.534
32	Chi phí khác	25	(31.462.908.658)	(16.908.741.004)
40	**Thu nhập khác (số thuần)**		**64.976.743.904**	**20.269.061.530**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**523.388.874.167**	**678.996.944.684**
51	**Chi phí thuế TNDN hiện hành**	26	**(128.234.861.960)**	**(106.636.699.375)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	11	**15.188.354.027**	**8.479.404.568**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**410.342.366.234**	**580.839.649.877**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	27	**4.261**	**5.941**

Trần Công Tiến	**Nguyễn Thị Ngọc Lan**	**Trần Ngọc Chu**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc Ngày 16 tháng 12 năm 2014

Mã số			Năm tài chính kết thúc ngày 30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**523.388.874.167**	**678.996.944.684**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		353.992.992.730	290.579.709.448
03	Các khoản dự phòng		7.492.859.415	566.356.047
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		8.461.111.522	5.951.795.789
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư		2.131.230.144	(2.777.208.102)
06	Chi phí lãi vay		183.558.980.466	167.862.447.942
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**1.079.026.048.444**	**1.141.180.045.808**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác		(501.431.627.983)	22.278.890.459
10	Tăng hàng tồn kho		(1.727.480.492.245)	(1.478.856.827.280)
11	Tăng các khoản phải trả		553.788.629.711	863.895.232.096
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		9.913.139.325	(30.435.599.644)
13	Lãi vay đã trả		(182.868.316.481)	(169.528.086.627)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(102.155.293.588)	(101.210.750.769)
16	Chi khác cho hoạt động kinh doanh		(44.167.732.291)	(26.422.339.778)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(915.375.645.108)**	**220.900.564.265**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(1.192.558.723.263)	(492.271.535.137)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		20.653.245.183	7.248.031.779
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.360.000.000	-
27	Thu lãi tiền gửi, lãi hoạt động đầu tư		2.019.860.610	5.940.385.291
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(1.163.525.617.470)**	**(479.083.118.067)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Chi mua cổ phiếu quỹ		(3.301.938)	(24.318.822.516)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		12.580.815.674.804	9.167.945.362.267
34	Chi trả nợ gốc vay		(10.295.025.989.274)	(8.408.050.209.722)
35	Chi trả thuê tài chính		(33.198.199.870)	(24.793.510.017)
36	Chi trả cổ tức		(192.217.558.300)	(337.811.193.325)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**2.060.370.625.422**	**372.971.626.687**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(18.530.637.156)**	**114.789.072.885**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**177.312.594.189**	**67.431.992.847**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(2.818.861.240)	(4.908.471.543)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**155.963.095.793**	**177.312.594.189**

Trần Công Tiến
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 16 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group – ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 23 tháng 10 năm 2014.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008 cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác;
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm;
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác;
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại;
- Sản xuất tấm trần PVC;
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng;
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn; và
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty có những công ty con sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	
			30.9.2014	30.9.2013
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cán, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp.	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Ống thép Hoa Sen Bình Định	Lô A1.1 và TT6.2&7 KCN Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang và vật liệu xây dựng bằng đất sét. Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.	100	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Nghệ An	Khu Công nghiệp Nam Cấm, Phường Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất sắt, thép, gang và vật liệu xây dựng bằng đất sét.	100	-

Các công ty con đều được thành lập ở Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty và các công ty con (gọi chung là: "Tập đoàn") có 4.269 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 3.731 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

2.3 Hợp nhất

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – *Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.*

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Liên doanh và công ty liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.10 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng) sẽ được trình bày theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(b) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Tập đoàn nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời gian của dự án (Giấy phép đầu tư) nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 – 30 năm
Máy móc thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị quản lý	6 – 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 – 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian Tập đoàn được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.12 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm những chi phí phát sinh liên quan đến nhiều năm nhưng không thỏa mãn điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Những chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.16 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.17 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Tập đoàn đã phát hành và được Tập đoàn mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.18 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.

2.19 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tập đoàn.

Cổ tức tạm tính được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Số cổ tức cuối kỳ được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông trong Đại hội thường niên.

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của năm tài chính.

2.20 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả Tập đoàn mẹ, Tập đoàn con và Tập đoàn liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.22 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Tập đoàn. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Tiền mặt	19.964.286.190	14.705.019.494
Tiền gửi ngân hàng	119.298.809.603	107.927.629.097
Tiền đang chuyển	-	54.679.945.598
Các khoản tương đương tiền (*)	16.700.000.000	-
	155.963.095.793	177.312.594.189

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn không quá 3 tháng.

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Bên thứ ba	79.367.648.892	97.391.533.737
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	90.183.227.000	90.183.227.000
	169.550.875.892	187.574.760.737

5 HÀNG TỒN KHO

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	1.541.887.466.350	999.031.492.810
Nguyên vật liệu	795.263.809.305	658.962.090.300
Công cụ, dụng cụ	264.784.363.942	219.682.548.931
Chi phí SXKD dở dang	290.820.956	-
Thành phẩm tồn kho	1.923.425.222.895	1.023.718.161.252
Hàng hóa (*)	222.293.345.220	119.070.243.130
	4.747.945.028.668	3.020.464.536.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.033.270.758)	(890.889.816)
	4.746.911.757.910	3.019.573.646.607

(*) Bao gồm 15 căn hộ với giá trị 17.268.969.715 đồng có được từ việc cấn trừ khoản phải thu khác khi thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông – Hoa Sen.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị là 1.609.522.370.577 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 820.719.777.712 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	79.882.282.268	37.748.239.662
Tăng trong năm	192.618.577.371	192.998.954.765
Chuyển từ tài sản cố định	17.247.961	2.590.784.552
Phân bổ trong năm	(209.071.585.372)	(153.455.696.711)
Số dư cuối năm	63.446.522.228	79.882.282.268

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí quảng cáo, tiền thuê mặt bằng và công cụ dụng cụ.

7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn	75.092.012	15.962.822.128
Tạm ứng cho nhân viên	4.177.295.804	4.355.285.484
	4.252.387.816	20.318.107.612

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	684.546.510.581	2.491.012.327.096	103.078.965.662	5.109.009.537	21.062.697.615	**3.304.809.510.491**
Mua trong năm	359.490.104	53.253.336.612	10.965.313.264	2.073.267.895	372.830.000	**67.024.237.875**
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 8(d))	152.232.880.365	1.075.313.269.202	12.311.333.236	7.746.518.386	-	**1.247.604.001.189**
Thanh lý, nhượng bán	(2.033.106.393)	(24.789.372.263)	(699.822.507)	-	-	**(27.522.301.163)**
Giảm khác	(280.809.194)	(546.384.581)	(505.626.994)	(992.359.712)	(124.634.502)	**(2.449.814.983)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	834.824.965.463	3.594.243.176.066	125.150.162.661	13.936.436.106	21.310.893.113	**4.589.465.633.409**
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	151.402.386.130	865.275.677.919	42.339.352.045	3.659.546.155	6.413.107.558	**1.069.090.069.807**
Khấu hao trong năm	41.158.578.077	279.845.602.863	11.662.765.863	692.827.814	3.038.329.869	**336.398.104.486**
Thanh lý, nhượng bán	(809.498.512)	(1.686.992.651)	(405.935.008)	-	-	**(2.902.426.171)**
Giảm khác	(280.809.194)	(546.384.581)	(505.626.994)	(992.359.712)	(79.083.304)	**(2.404.263.785)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	191.470.656.501	1.142.887.903.550	53.090.555.906	3.360.014.257	9.372.354.123	**1.400.181.484.337**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	533.144.124.451	1.625.736.649.177	60.739.613.617	1.449.463.382	14.649.590.057	**2.235.719.440.684**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	643.354.308.962	2.451.355.272.516	72.059.606.755	10.576.421.849	11.938.538.990	**3.189.284.149.072**

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(a) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 98.590.949.426 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 65.035.423.772 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 2.254.823.445.654 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 1.415.732.334.554 đồng).

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	141.197.532.904	-	**141.197.532.904**
Tăng trong năm	46.583.852.324	10.166.363.635	**56.750.215.959**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	187.781.385.228	10.166.363.635	**197.947.748.863**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	18.781.234.251	-	**18.781.234.251**
Khấu hao trong năm	13.425.038.162	559.677.379	**13.984.715.541**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	32.206.272.413	559.677.379	**32.765.949.792**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	122.416.298.653	-	**122.416.298.653**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	155.575.112.815	9.606.686.256	**165.181.799.071**

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	251.658.491.739	1.863.940.804	**253.522.432.543**
Tăng trong năm	2.412.000.000	-	**2.412.000.000**
Giảm khác	(151.870.850)	(45.716.023)	**(197.586.873)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	253.918.620.889	1.818.224.781	**255.736.845.670**
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	17.537.217.237	1.530.667.842	**19.067.885.079**
Khấu hao trong năm	3.356.642.802	253.529.901	**3.610.172.703**
Giảm khác	(12.961.103)	(45.716.023)	**(58.677.126)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	20.880.898.936	1.738.481.720	**22.619.380.656**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2013	234.121.274.502	333.272.962	**234.454.547.464**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	233.037.721.953	79.743.061	**233.117.465.014**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.945.726.855 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 424.934.120 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 175.838.557.866 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 179.608.001.028 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn.

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	197.089.276.136	26.003.881.904
Tăng trong năm	1.123.094.182.151	448.796.039.075
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 10)	(6.152.686.038)	(3.100.596.167)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8(a))	(1.247.604.001.189)	(274.610.048.676)
Số dư cuối năm	66.426.771.060	197.089.276.136

Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Mua sắm máy móc thiết bị tại Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	25.843.570.212	-
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	18.879.194.234	154.161.951.042
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	1.170.024.655	15.404.412.315

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 14.407.589.760 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 6.815.357.992 đồng).

9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền 30.9.2014 VNĐ	Số tiền 30.9.2013 VNĐ
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept (*)	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009.	45	44.456.331.634	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác				8.640.000.000	15.000.000.000
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế.	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2014.	3	**53.096.331.634**	59.456.331.634
TỔNG				(7.172.099.617)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				**45.924.232.017**	59.456.331.634
TỔNG CỘNG					

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept đang chờ chuyển nhượng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2011 ngày 16 tháng 6 năm 2011.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	57.767.508.898	61.094.031.932
Tăng trong năm	68.141.157.631	38.681.223.302
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang (Thuyết minh 8(d))	6.152.686.038	3.100.596.167
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	28.303.237	2.553.338.709
Tăng khác	-	127.200.500
Phân bổ trong năm	(61.615.712.108)	(47.788.881.712)
Thanh lý	(2.824.808)	-
Số dư cuối năm	70.471.118.888	57.767.508.898

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm, sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí thuê hoạt động trả trước.

11 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	16.019.217.700	7.539.813.132
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	15.188.354.027	8.479.404.568
Số dư cuối năm	31.207.571.727	16.019.217.700

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan tới các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ doanh thu bán hàng nội bộ với các chi nhánh của Công ty, lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn, trích trước chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước khác.

12 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

		30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	(*)	4.545.014.751.312	2.468.854.540.949
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh 12(b))		184.033.020.160	298.642.575.600
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 12(b))		26.962.731.277	20.616.608.220
Vay ngắn hạn khác	(**)	-	26.300.000.000
		4.756.010.502.749	2.814.413.724.769

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Lãi suất năm	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
1	USD	2,8% – 4%	114.932.361.600	211.410.740.800
2	USD	1,7% – 3,6%	731.576.366.093	317.842.593.447
3	VNĐ	5% – 7%	249.683.503.925	130.280.111.484
4	USD	1,8% – 4%	779.430.781.707	441.089.851.000
5	VNĐ	5% – 7,25%	79.003.342.468	158.246.647.827
6	USD	1,75% – 3,5%	848.526.893.732	227.817.968.103
7	VNĐ	5,85% – 7,06%	-	150.360.360.683
8	USD	2,3% – 3,8%	79.747.834.492	59.957.213.921
9	USD	3,7% – 3,8%	-	56.013.170.601
10	USD	2,3% – 3,4%	156.427.906.778	15.154.363.000
11	VNĐ	4,7% – 6%	46.086.099.531	-
12	USD	2,2% – 3,8%	115.314.237.629	25.443.265.372
13	USD	2,2% – 3,3%	203.101.043.517	118.899.619.612
14	VNĐ	5,8% – 8,6%	-	28.700.000.000
15	USD	3,1% – 3,8%	-	145.515.382.898
16	VNĐ	5,2%	19.979.666.369	-
17	USD	2,3% – 3,8%	188.890.776.245	184.507.457.516
18	VNĐ	5% – 7%	85.815.206.886	12.540.583.701
19	USD	3,5% – 4%	-	34.004.044.702
20	USD	2,15% – 2,3%	152.713.598.623	-
21	USD	3,25%	-	48.722.541.665
22	USD	1,8 – 3,8%	449.306.777.483	102.348.624.617
23	VNĐ	5% – 6,5%	244.478.354.234	-
			4.545.014.751.312	2.468.854.540.949

Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng tồn kho của Tập đoàn.

(**) Khoản vay 26.300.000.000 đồng từ một cá nhân tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 đã được hoàn trả trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

12 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay và nợ dài hạn

		30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Vay ngân hàng	(*)	1.041.736.693.623	789.545.123.372
Nợ thuê tài chính	(**)	96.309.529.273	73.614.825.028
Nợ dài hạn khác	(***)	26.770.303.840	44.126.160.000
		1.164.816.526.736	907.286.108.400
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 12(a))		(184.033.020.160)	(298.642.575.600)
Trừ: Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 12(a))		(26.962.731.277)	(20.616.608.220)
		953.820.775.299	588.026.924.580

(*) Chi tiết các khoản vay như sau:

Khoản vay	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
1	VNĐ	25/9/2017	10% – 11,5%	162.350.000.000	326.339.516.000
2	USD	16/7/2019	3,9% – 4,15%	355.589.385.675	58.081.311.390
3	VNĐ	16/7/2019	9,5% – 10%	203.927.766.824	52.220.357.395
4	USD	31/10/2018	3,8% – 4%	45.287.111.012	-
5	VNĐ	14/8/2019	9,5% – 11,6%	135.530.421.695	212.001.916.695
6	USD	8/9/2018	1,7%	64.016.099.517	80.621.411.392
7	VNĐ	25/9/2015	7,8%	10.660.000.000	21.280.000.000
8	VNĐ	17/7/2017	9,5% – 11%	28.601.098.900	39.000.610.500
9	VNĐ	16/9/2019	9% – 9,25%	7.334.810.000	-
10	VNĐ	22/8/2018	9,5%	15.900.000.000	-
11	VNĐ	11/2/2019	9,5%	12.540.000.000	-
				1.041.736.693.623	789.545.123.372

(**) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

	30.9.2014		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	34.431.379.642	7.468.648.365	26.962.731.277
Từ 1 – 5 năm	65.039.338.838	8.385.507.694	56.653.831.144
	99.470.718.480	15.854.156.059	83.616.562.421

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nợ gốc của nợ thuê tài chính không bao gồm hai hợp đồng thuê tài chính với tổng giá trị là 12.692.966.852 đồng vì lịch thanh toán cụ thể chưa được xác định.

	30.9.2013		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	27.224.643.135	6.608.034.915	20.616.608.220
Từ 1 – 5 năm	60.316.844.271	7.318.627.463	52.998.216.808
	87.541.487.406	13.926.662.378	73.614.825.028

(***) Nợ dài hạn khác là khoản nợ 976.000 Euro tương đương 26.770.303.840 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2013: 44.126.160.000 đồng) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng đến tháng 5 năm 2016.

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	11.189.715.893
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.488.344.659	9.823.141.547
Thuế xuất nhập khẩu	-	94.673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.843.685.867	25.104.924.169
Thuế khác	861.535.594	5.522.522.172
	47.193.566.120	51.640.398.454

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Chi phí điện	9.362.335.924	117.193.240
Xây dựng cơ bản dở dang	10.317.543.485	334.545.454
Chi phí vận chuyển	32.632.321	582.558.457
Chi phí kiểm toán	560.000.000	711.496.656
Chi phí lương tháng 13	16.229.395.000	14.993.297.000
Chi phí lãi vay	2.917.954.261	2.227.290.276
Chi phí phải trả khác	3.158.633.234	3.426.421.379
	42.578.494.225	22.392.802.462

15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Cổ tức phải trả	3.762.584.900	3.634.861.200
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, và kinh phí công đoàn	2.316.381.763	1.436.549.180
Nhận đặt cọc dự thầu	3.370.000.330	3.580.000.000
Phải trả khác	14.037.938.850	7.862.311.730
	23.486.905.843	16.513.722.110

16 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Số dư đầu năm	4.463.781.515	5.225.251.199
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	23.233.584.000	14.724.134.716
Sử dụng	(18.449.849.057)	(15.485.604.400)
Số dư cuối năm	9.247.516.458	4.463.781.515

17 SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành như sau:

	30.9.2014		30.9.2013	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Cổ phiếu được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu quỹ	(4.477.692)	-	(4.477.692)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.313.098	-	96.313.098	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Tập đoàn mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2012	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(56.716.723.982)	8.525.313.060	2.148.326.909	605.119.013.987	**2.018.527.120.337**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	580.839.649.877	**580.839.649.877**
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(338.951.283.000)	**(338.951.283.000)**
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(24.318.822.516)	-	-	-	**(24.318.822.516)**
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	-	(14.724.134.716)	**(14.724.134.716)**
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	10.796.142.820	(10.796.142.820)	**-**
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(10.936.735.378)	-	**(10.936.735.378)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.035.546.498)	8.525.313.060	2.007.734.351	821.487.103.328	**2.210.435.794.604**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	410.342.366.234	**410.342.366.234**
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(192.626.196.000)	**(192.626.196.000)**
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.301.938)	-	-	-	**(3.301.938)**
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	-	-	(23.233.584.000)	**(23.233.584.000)**
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	36.988.161.000	(36.988.161.000)	**-**
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-	-	(25.717.883.234)	-	**(25.717.883.234)**
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	8.525.313.060	13.278.012.117	978.981.528.562	**2.379.197.195.666**

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2014 ngày 8 tháng 1 năm 2014 của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 02/NQ/HĐQT/2014 ngày 8 tháng 1 năm 2014 và Nghị quyết số 22/NQ/HĐQT/2014 ngày 18 tháng 4 năm 2014 về việc chia cổ tức.

(**) Bao gồm khoản tiền 10.850.378.000 đồng Tập đoàn chi thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch trong niên độ 2013 cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2014 ngày 8 tháng 1 năm 2014 và Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2013 ngày 6 tháng 3 năm 2013 của Đại hội đồng Cổ đông.

19 DOANH THU

(a) Doanh thu thuần

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Doanh thu		
Bán thành phẩm	12.515.189.659.910	10.487.450.517.931
Bán hàng hóa	2.488.094.369.488	1.282.248.639.458
Cung cấp dịch vụ	1.790.546.906	2.945.143.418
	15.005.074.576.304	11.772.644.300.807
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(1.072.761.848)	-
Hàng bán bị trả lại	(11.726.618.268)	(10.075.592.636)
Giảm giá hàng bán	(1.914.216.114)	(2.670.115.629)
	(14.713.596.230)	(12.745.708.265)
	14.990.360.980.074	11.759.898.592.542

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	880.300.610	5.940.385.291
Lãi đầu tư tài chính	1.139.560.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	28.470.745.966	33.746.847.075
	30.490.606.576	39.687.232.366

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Thành phẩm	11.090.002.610.791	9.070.323.972.296
Hàng hóa	2.149.668.822.482	981.192.369.717
Dịch vụ	453.847.756	869.836.270
	13.240.125.281.029	10.052.386.178.283

21 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Lãi vay	183.558.980.466	167.862.447.942
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	7.172.099.617	-
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	57.171.214.511	72.770.497.366
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	8.461.111.522	5.951.795.789
	256.363.406.116	246.584.741.097

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	133.738.282.342	112.379.881.503
Chi phí khấu hao	18.501.701.637	17.184.774.819
Chi phí vật liệu bao bì	2.676.051.869	2.009.817.580
Chi phí vận chuyển	293.653.639.114	195.254.600.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.184.486.513	88.826.051.397
Chi phí khác	132.020.561.604	75.691.871.761
	672.774.723.079	491.346.997.958

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	193.470.211.558	162.745.207.547
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.357.005.908	5.683.523.403
Chi phí khấu hao	27.385.492.517	20.993.304.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.334.788.501	71.696.571.637
Chi phí khác	112.628.547.679	89.421.417.467
	393.176.046.163	350.540.024.416

24 THU NHẬP KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Thu từ bán phế liệu	59.110.061.831	8.946.444.701
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	20.653.245.183	7.248.031.779
Thu nhập khác	16.676.345.548	20.983.326.054
	96.439.652.562	37.177.802.534

25 CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	24.619.874.992	10.177.993.053
Chi phí khác	6.843.033.666	6.730.747.951
	31.462.908.658	16.908.741.004

26 THUẾ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 15% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận tính thuế (2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 15% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận tính thuế đầu tiên (2007) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% lợi nhuận tính thuế.

Theo Nghị định số 218/2013/ND-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn chi tiết Luật Thuế TNDN, thuế suất tính thuế TNDN sẽ giảm từ 25% xuống 22% năm 2014 và tiếp tục giảm xuống 20% từ năm 2016.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo các mức thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Lợi nhuận kế toán trước thuế	523.388.874.167	678.996.944.684
Thuế tính theo các mức thuế suất của Tập đoàn	151.786.294.428	169.749.236.171
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(48.676.517.704)	(7.365.965.578)
Chi phí không được khấu trừ	18.939.623.524	40.609.921.753
Ảnh hưởng của việc giảm thuế	(10.048.705.916)	(91.737.371.901)
Ảnh hưởng của việc tăng thuế	1.056.475.694	-
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	-	986.723
Dự phòng (thừa)/thiếu của những năm trước	(10.662.093)	884.768.556
Ảnh hưởng khác	-	(13.984.280.917)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	113.046.507.933	98.157.294.807
Trong đó:		
Thuế TNDN hiện hành	128.234.861.960	106.636.699.375
Thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 11)	(15.188.354.027)	(8.479.404.568)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập tính thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

27 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	410.342.366.234	580.839.649.877
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.313.098	97.766.865
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	4.261	5.941

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	13.047.737.366.791	9.461.695.196.929
Chi phí nhân công	492.472.692.820	389.205.966.441
Chi phí khấu hao và phân bổ	255.898.067.354	203.258.305.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.140.070.851.867	903.045.565.648
Các chi phí khác	652.049.041.026	482.435.036.033
	15.588.228.019.858	11.439.640.070.093

29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn có thể chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro biến động lãi suất), rủi ro nợ phải thu và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện, đo lường rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro.

Bộ phận Tài chính của Tập đoàn đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

(a) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tỷ giá

Việc kinh doanh của Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá VNĐ/USD và VNĐ/EUR vì Tập đoàn có các giao dịch mua nguyên vật liệu (thép cuộn cán nóng, kẽm thỏi, hợp kim nhôm kẽm) và các khoản nợ bằng USD và EUR. Tập đoàn giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá bằng việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu. Ngoài ra, Tập đoàn thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro tỷ giá được trình bày như sau:

	30.9.2014		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	40.161.165.876	6.201.330	40.167.367.206
Phải thu khách hàng	368.182.326.694	-	368.182.326.694
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	8.553.399.186	2.983.298.020	11.536.697.206
	416.896.891.756	2.989.499.350	419.886.391.106
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(4.284.861.174.103)	(26.770.303.840)	(4.311.631.477.943)
Phải trả người bán	(1.634.519.228.727)	-	(1.634.519.228.727)
Người mua trả tiền trước	(26.979.265.171)	-	(26.979.265.171)
	(5.946.359.668.001)	(26.770.303.840)	(5.973.129.971.841)
Mức độ rủi ro tỷ giá	**(5.529.462.776.245)**	**(23.780.804.490)**	**(5.553.243.580.735)**

	30.9.2013		
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	82.515.498.837	6.331.255	82.521.830.092
Phải thu khách hàng	235.670.832.907	-	235.670.832.907
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	87.218.736.948	-	87.218.736.948
	405.405.068.692	6.331.255	405.411.399.947
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(2.130.651.394.693)	(44.126.160.000)	(2.174.777.554.693)
Phải trả người bán	(1.081.691.062.033)	-	(1.081.691.062.033)
Người mua trả tiền trước	(50.986.078.470)	-	(50.986.078.470)
	(3.263.328.535.196)	(44.126.160.000)	(3.307.454.695.196)
Mức độ rủi ro tỷ giá	**(2.857.923.466.504)**	**(44.119.828.745)**	**(2.902.043.295.249)**

29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tỷ giá này thể hiện tổng giá trị thuần của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc USD và EUR. Khi tỷ giá VNĐ/USD và/hoặc VNĐ/EUR biến động, giá trị kỳ vọng của khoản này và lợi nhuận của Tập đoàn sẽ thay đổi.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nếu tỷ giá VNĐ/USD tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 43.129.809.655 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 25.006.830.332 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2014, nếu tỷ giá VNĐ/EUR tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 185.490.275 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 386.048.502 đồng).

(ii) Rủi ro về giá

Tập đoàn không phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư được phân loại sẵn sàng để bán bởi vì Tập đoàn không có các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết.

(iii) Rủi ro biến động lãi suất

Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động lãi suất đối với các khoản vay của Tập đoàn. Tập đoàn đã và đang thực hiện định mức tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm và phụ tùng thay thế ở mức hợp lý để giảm thiểu nhu cầu vay ngắn hạn cũng như cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VNĐ linh hoạt, phù hợp với tình hình biến động của lãi suất và tỷ giá để đạt được chi phí lãi vay hợp lý. Tập đoàn có các khoản vay lãi suất biến thiên chủ yếu là bằng đồng VNĐ và USD.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng VNĐ tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 9.881.388.773 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 9.231.138.166 đồng).

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng USD tăng/giảm 0,5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ giảm/tăng một khoản là 12.264.593.436 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013: 8.451.016.886 đồng).

(b) Rủi ro nợ phải thu

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro nợ phải thu thông qua các chính sách sau:

- Xây dựng định mức dư nợ và số ngày nợ tối đa cho từng khách hàng cụ thể cùng với việc lập báo cáo chi tiết theo dõi quá trình thanh toán hàng ngày để xem xét đánh giá lại định mức cũng như phân loại nợ và đôn đốc thu hồi nợ;
- Tính lãi vay trên công nợ và giao định mức tỷ lệ dư nợ bình quân hàng tháng cho các bộ phận kinh doanh và các chi nhánh phân phối – bán lẻ;
- Không bán chịu cho khách hàng mới hay khách hàng có nợ quá hạn trên 90 ngày, trừ các trường hợp đặc biệt do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Nhờ các cơ quan chức năng giải quyết khi cần thiết.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo Tập đoàn luôn có quỹ dự trữ tiền mặt để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
30.9.2014				
Phải trả người bán	1.885.979.467.059	-	-	1.885.979.467.059
Vay ngắn hạn	4.545.014.751.312	-	-	4.545.014.751.312
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	210.995.751.437	953.820.775.299	-	1.164.816.526.736
	6.641.989.969.808	953.820.775.299	-	7.595.810.745.107
30.9.2013				
Phải trả người bán	1.317.685.051.025	-	-	1.317.685.051.025
Vay ngắn hạn	2.495.154.540.949	-	-	2.495.154.540.949
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	319.259.183.820	588.026.924.580	-	907.286.108.400
	4.132.098.775.794	588.026.924.580	-	4.720.125.700.374

30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty liên kết, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát	1.145.000.000	958.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	10.850.378.000	5.705.000.000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	8.110.590.009	7.474.632.000
Thưởng cho Ban Tổng Giám đốc	5.540.000.000	2.865.200.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 4)		
Ông Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc)		
Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("xuất khẩu").

	Trong nước		**Xuất khẩu**		**Tổng cộng**	
	30.9.2014 VNĐ	**30.9.2013 VNĐ**	**30.9.2014 VNĐ**	**30.9.2013 VNĐ**	**30.9.2014 VNĐ**	**30.9.2013 VNĐ**
Doanh thu bán hàng	9.042.506.962.551	6.492.126.663.638	5.947.854.017.523	5.267.771.928.904	14.990.360.980.074	11.759.898.592.542
Giá vốn hàng bán	(7.662.704.741.381)	(5.115.273.135.370)	(5.577.420.539.648)	(4.937.113.042.913)	(13.240.125.281.029)	(10.052.386.178.283)
Lợi nhuận gộp	1.379.802.221.170	1.376.853.528.268	370.433.477.875	330.658.885.991	1.750.235.699.045	1.707.512.414.259

32 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Dưới 1 năm	35.342.143.903	30.199.614.448
Từ 1 đến 5 năm	103.819.767.860	78.858.214.022
Trên 5 năm	204.775.855.609	285.475.419.963
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	343.937.767.371	394.533.248.433

33 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30.9.2014 VNĐ	30.9.2013 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	81.753.325.170	615.558.105.177

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 16 tháng 12 năm 2014.

Trần Công Tiến	**Nguyễn Thị Ngọc Lan**	**Trần Ngọc Chu**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN HOA SEN

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2,
P. Dĩ An, Tx.Dĩ An, T. Bình Dương, Việt Nam
ĐT : (0650) 3790 955
Fax : (0650) 3790 888
www.hoasengroup.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

183 Nguyễn Văn Trỗi, P. 10,
Q. Phú Nhuận, Tp.HCM, Việt Nam
ĐT : (08) 3999 0111
Fax : (08) 3999 0222